## SỐNG ĐẠO KỲ TỚI

*Sống đạo số 1 - Xuân Canh Tý, với các ngày lễ sau:*

- *Chung niên sám hối*
- *Kỷ Niệm Hộ Đạo Thiên Quân*
- *Trần Nguyên Chất (30/12)*
- *Xuân Canh Tý 2020*
- *Thánh Đán Đức Chí Tôn (09/01)*
- *Lễ Thượng Nguơn (15/01)*

*Danh nhân văn hóa:*

- ❑ *Hải Thượng Lãn Ông (15/01)*
- ❑ *Asoka*
- ❑ *Yersin (01/03/2020)*
- ❑ *Einstein (14/03/2020)*

*Mời quý huynh tỷ viết bài và đón xem.*

*Hạn nhận bài: 15/11 Kỷ Hợi*

ISBN 978-604-61-6036-6

9 786046 160366

SÁCH ẤN TỐNG

Kỷ Hợi 2019·6

SỐNG ĐẠO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

# SỐNG ĐẠO

Kỷ Hợi 2019 · 6

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

# SỐNG ĐẠO

Kỷ Hợi 2019 • 6

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SỐNG ĐẠO

Kỷ Hợi 2019 • 6

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS BÙI THANH HÀ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
CHÂU HÒE

**Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN**
Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 1.600 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371
Email: daprico@gmail.com
Số ĐKXB: 18-2019/CXBIPH/85-01/TG
Mã ISBN: 978-604-61-6036-6
QĐXB: 424/QĐ-NXBTG ngày 31/10/2019
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2019

# Mục lục

**4** Kỷ niệm Khai Đạo. ***Huệ Minh***

**11** Thành lập Tu Xá cho Nữ Đoàn Giải Thoát

**15** Tìm hiểu Thiên Nhãn để tu hành ***GS Thượng Văn Thanh***

**22** Thánh truyền Trung Hưng giáo pháp dạy về sám hối. ***Phạm Sỹ Dũng***

**25** Sám hối là một pháp môn ***Phạm Văn Liêm***

**36** Cảm thọ lời dạy "Sắc không chẳng khác" của Đức Bảo Pháp Chơn Quân ***Trương Duy***

**46** Nhân tính của Đức Giê-Su trong ơn cứu chuộc ***Trần Quốc Huân***

**55** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển dạy về đức hạnh người tu. ***Đỗ Phú Quốc***

**64** Xét đoán sự lý, giải thoát trần tâm. ***Bửu Phiệt***

**74** Tình tri ngộ giữa chí sĩ Phan Bội Châu và tiền bối hướng đạo Cao Đài

**80** Ngẫm xưa nghĩ nay Lão Tử với Tín – Thiện – Tri. ***Hùng Vạn***

**85** An định nội tâm. ***Đạt Thật***

**92** Tìm hiểu ý nghĩa Kinh Thuyết pháp. ***Tùng Nguyễn***

**101** Quan hệ Hội Thánh Truyền Giáo với Minh Lý Thánh hội qua quí Tiền bối Minh Thiện, Huệ Lương và Liên Hoa. ***Đỗ Thị Thanh Nga***

**110** Ảnh hưởng của Tôn Giáo trên đời sống Văn hóa-Xã hội ***GS Thượng Văn Thanh***

**115** **Gương hướng đạo:** GS Thái Kiên Thanh

**119** Giận thì Dữ

**120** **Sáng tác:** Đỗ Thị Kết, Trần Dã Sơn, Võ Văn Pho, Lê Hoàng Nguyên, Nguyễn Quốc Huân, Nguyễn Thị Sen, Tịnh Khiêm, Mai Hậu

**130** **Tư Liệu và Thông tin:** Hoạt động giáo dục và đào tạo của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài – những thuận lợi và khó khăn. ***GS Thượng Văn Thanh***

**139** Danh sách công quả ấn tống Sống Đạo

Ảnh bìa 1: **Thượng Phướn** (Ảnh: Hư Trúc)

# KỶ NIỆM KHAI ĐẠO

**HUỆ MINH**

Suốt trong quá trình lịch sử mở đạo gồm nhiều giai đoạn đã có không biết bao nhiêu là sự kiện có ý nghĩa siêu tuyệt đáng cho chúng ta ghi nhớ, thế mà hiện thời người tín đồ Cao Đài chúng ta đã nắm chắc được bao nhiêu dữ kiện và ý nghĩa đó?

Cần phải nắm chắc được những điều cơ bản như thế, thì chúng ta mới có được phương hướng đúng để phụng sư Đạo Trời cho đến nơi đến chốn. Nếu không, thì sự nhận định sẽ rất khó khăn và thiếu chính xác.

Đó là lý do mà mỗi lần kỷ niệm ngày Khai Đạo Rằm tháng 10 là mỗi dịp để người tín đồ Cao Đài chúng ta có cơ hội ôn nhắc lại quá khứ mong giúp nhau trong ý hướng tu thân hành đạo có kết quả hơn.

Trước hết chúng ta hãy dọn mình trong sạch dâng lên Đức Chí Tôn lễ chúc mừng thành kính, nguyện cầu cho cơ đạo phát triển tốt đẹp, Hội Thánh an ninh tinh tấn, toàn đạo duy nhất tinh thần tu tiến vững mạnh, thế giới nhân loại sớm quay về đời sống lương tri của mình, hầu cho vạn chủng chúng sanh chóng được thanh bình hạnh phúc, lạc nghiệp âu ca.

Kế đó chúng ta hãy vào trong sử đạo, để xem thử điều gì mầu nhiệm đã đem đến cho nhà Đạo nhiều kết quả phấn khởi đã dẫn đến quang cảnh huy hoàng hôm nay, từ đây người tín đồ Cao Đài chúng ta sẽ suy nghĩ là nên làm cái gì cho cơ Đạo ngày mai, mong xứng với hoài bão và tâm nguyện về lễ kỷ niệm Khai Đạo .

Để trình bày một cách nghiêm chỉnh dựa theo quan niệm trên đây thì thấy lịch sử khai đạo có thể ước lượng qua 3 giai đoạn chính yếu, dễ ghi nhận như sau:

- Giai đoạn phôi thai chuyển tiếp

- Giai đoạn hình thành
- Giai đoạn phát triển

**I. Giai đoạn phôi thai**

Phôi thai là sự nảy nở âm ỉ giữa cuộc sinh tồn phồn tạp của xã hội. Nếu cần nói cho đầy đủ, thì trong sự phôi thai của Đạo Cao Đài phải có 3 bối cảnh:

- Bối cảnh tinh thần tức là đạo đức tín ngưỡng tâm linh,
- Bối cảnh sinh hoạt thế giới,
- Bối cảnh của riêng quốc gia Việt Nam lúc bấy giờ

Nhưng, ở đây xin trình bày một bối cảnh tinh thần, đạo đức tín ngưỡng.

Nói chung, đây là giai đoạn nhằm thời kỳ hạ nguơn mạt pháp của các tôn giáo. Bởi vì, nhằm vào thời kỳ đó thì hiệu quả của đạo đức không còn thể hiện đúng mức được: nhân tâm ly tán, đạo đức suy vi phân hóa. Do đó, cuộc sinh tồn trở nên rối ren bất ổn, chiến tranh bùng nổ, nạn đao binh khói lửa lan dậy khắp các nơi, đạo đức trật tự chỉ còn là những từ ngữ văn hoa trang sức, không còn mấy hiệu lực cải hóa người đời. Do đó mà thường có những trường hợp các giáo phẩm chức sắc đứng ra gánh vác việc thế gian để tranh quyền đoạt vị.

Tuy nhiên, trong cái cảnh đầy nhiễu nhương tao loạn đó (cũng có khi gây nên cảnh thịt nát xương tan); người ta vẫn tìm thấy được những phần tinh hoa cao quí nhất của văn minh tinh thần, tức là đạo đức cố hữu nguồn gốc chân chính từ thiên lương của con người vẫn không hề mai một. Những thứ ấy tiềm tàng mong tâm tủy của con người như một chân lý sinh tồn, chúng chuyển động và nhen nhúm đó đây, tìm cơ hội phát khởi bằng nhiều hình thức Đạo giáo khác nhau, hầu tiến đến sự thai nghén cho một nền tín ngưỡng mới, thích ứng với trình độ, hoàn cảnh và nhất là phù hợp với trông đợi của lương tâm nhân loại.

Đó chính là trạng thái của giai đoạn phôi thai chuyển tiếp của Đạo Cao Đài. Vì vậy, lời truyền tụng đầu môi của người tín đồ Cao Đài miền Trung trước đây là:

*"Cuối Hạ Nguơn Chơn Truyền lạc lối,*
*Mở đạo Trời chỉ mối vô vi"*

Hai câu này như ám chỉ một nguyên lý, làm cơ sở cho tôn chỉ rộng lớn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nói nguyên lý là do chữ Chơn Truyền. Chơn Truyền Chính Pháp đã mở ra quá rộng, đã đi xa cội nguồn Chính Đạo cho nên gọi là lạc lối. Để nói lên những chứng minh cụ thể trong giai đoạn phôi thai chuyển tiếp này mà gọi là nhen nhúm, ta có thể lượt kê một số điểm như sau:

Vào cuối thế kỷ XIII, năm 1247, vua Trần Thái Tông nước ta đã cho mở khoa thi Tam Giáo gồm Nho, Thích, Đạo cộng đồng để tuyển chọn nhân tài cho đất nước.

Vào thế kỷ XV, đạo sĩ Ngô Chí Hạc lập Phái đạo Tam Thanh bên Trung Hoa để phục hồi đạo lý của Tam Giáo Tổ Sư.

Vào thế kỷ XVIII (1789) đạo Cơ Đốc thịnh hành ở Châu Âu và bắt đầu hiện diện trên đất nước Việt Nam góp phần làm giàu thêm cho tín ngưỡng Đông Phương về mặt ý thức hệ tâm linh.

Vào thế kỷ XIX (1847-1900), phong trào Thông Linh Học phát triển mạnh mẽ ở Âu Mỹ qua bàn tay tài ba của ông Allan Kardec, đã bắt đầu xuất hiện ở miền Nam VN và tạo điều kiện cho các nhân sĩ Việt Nam bấy giờ xây dựng được một phong trào tín ngưỡng mới.

Hạ bán thế kỷ XIX đạo Minh Sư phát triển theo tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên đã cụ thể nền móng tôn giáo và lập thành nhiều tông phái qui mô, truyền bá khắp nước, giống như một mùa hoa nở rộ.

Ở Việt Nam, ngoài Bắc có chùa Tam Giáo (Nam Định), ở Miền Trung có đạo Tứ Giáo Hòa Đồng của cụ Trần Cao Vân v.v... Tình trạng

chung trong bối cảnh quốc gia Việt Nam: Văn minh, khoa học, phân chia phúc lợi thiếu công bình, phong kiến, giai cấp v.v... Ngoài các điểm chính yếu vừa nêu trên, khắp các nước vì các dân tộc trên thế giới, đâu đâu cũng có nhiều biến chuyển ly kỳ do tín tâm bùng dậy, do các tư trào cải cách tạo điều kiện thuận lợi để phối hợp và hỗ trợ cho một nền tín ngưỡng mới đương chuẩn bị hình thành.

**II. Giai đoạn hình thành**

Giai đoạn này đã có những kết hợp tinh vi từ giai đoạn chuyển tiếp trước đây, tiến qua những tổ chức có sắc thái, có sinh hoạt thường xuyên và có kế hoạch lâu dài. Đó là giai đoạn của: Ngũ chi Minh đạo, gồm Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân đương phổ hoá rộng rãi.

Nhóm Cầu Tiên, theo phương pháp cổ truyền Đông Phương. Nhóm xây bàn, theo phương pháp Thông Linh Học Tây Phương. Nhóm Vĩnh Nguyên Tự Long An (Cần Giuộc).

Ở đoạn trước chỉ nói mỗi một chi Đạo Minh Sư thôi nhưng vào giai đoạn này đề cập những Ngũ Chi Minh Đạo, tức là thêm 4 chi nữa bởi vì ban đầu thì chỉ có một chi Minh Sư được thành lập vào cuối thời Minh Triều của Trung Hoa. Khi Minh Sư đã bành trướng và truyền sang Việt Nam thì tự phát sinh thêm 4 nhánh nữa theo khuynh hướng cá biệt và trải rộng nhiều nơi tùy theo trình độ và kiến thức mỗi nơi. Cũng do tính cách cá biệt của 5 chi đạo nên đã tạo thêm điều kiện cho sự hình thành nền đạo về sau. Ví dụ:

Minh Sư đã thu hút được rất nhiều bậc nho gia cao học, đã đặt nền móng cho phép tu hành có ấn chứng.

Như Minh Đường (Minh Sư Phổ tế Phật Đường): đã rất thành công trong việc đóng góp xây dựng điều lệ, nghi thức tế lễ cho Tam Kỳ Phổ Độ.

Như Minh Thiện, đã tạo cơ hội và hoàn cảnh cho sự xuất hiện của bậc Thiên Phong sứ mạng là Ngài Ngô Văn Chiêu, vị môn đệ đầu tiên của Đạo Thầy.

Như Minh Lý đã đóng góp các bài kinh Việt ngữ đầu tiên cho Đại Đạo.

Thật vậy, Ngài Ngô Văn Chiêu đã do các chùa Minh Thiện ở Cái Khế (tức Đàn Hiệp Minh) Cần Thơ và Thủ Dầu Một mà làm quen với phép cầu Tiên cổ truyền của đông phương. Ngài Ngô đã từ đó mà làm quen với Thần Tiên, để rồi về sau, khi đến Hà Tiên, Phú Quốc hoặc khi trở lại Sài Gòn mới đủ điều kiện để thực hành tâm nguyện và hoàn thành sứ mạng theo đường hướng mà Thiêng Liêng đã dành cho.

Điểm then chốt cuối cùng của đường hướng này là sự hội ngộ lịch sử giữa Ngài Ngô Văn Chiêu với nhóm xây bàn theo phương pháp Thông Linh Học của Ngài Cao Quỳnh Cư.

Nhóm xây bàn theo phương pháp Thông Linh Học do Ngài Cao Quỳnh Cư cầm đầu là một tập thể gồm những đạo tâm trí thức có nhiều uy tín xã hội, giàu tiềm năng hoạt động, khả dĩ nắm giữ được sứ mạng phát triển nền đạo trong tương lai.

Như chúng ta đã biết, khi Đức Ngô Văn Chiêu được thuyên chuyển về làm việc tại Sài Gòn kể từ 30.7.1924 cho đến 24.4.1926 (tức là 13.3. Bính Dần) ngày Ngài Ngô từ tạ phẩm vị giáo tông là thời gian rất quí báu để rồi đi đến một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng là Đức Ngô rút về ẩn tu tự độ; mặc nhiên nhường lại tất cả sự nghiệp công khai truyền bá Đạo Thầy cho nhóm Ngài Cao Quỳnh đảm trách.

Vì vậy, có thể xem đây là thời điểm quyết định tối hậu rất thiêng liêng để tiến tới sự hình thành cụ thể của Đạo Cao Đài vậy. Đến đây thấy cũng cần nói rõ cái lý do mà nhóm Vĩnh Nguyên Tự được xem là một trong bốn thành tố buổi đầu. Vĩnh Nguyên Tự chỉ là một ngôi chùa cổ do Ngài Lê Văn Lịch thừa kế Đạo Sư Lê Đạo Long làm chủ mà thôi. Tuy nhiên, nơi đây lại là cơ sở tu hành của Chi Đạo Minh Đường mà Ngài

Lão Sư Trần Đạo Minh (tức ông Thụ) đã trở thành Chưởng Pháp đầu tiên, trước Đức Thái Lão Trần Đạo Quang (10.9. Bính Dần 23.9. Bính Dần). Ngoài ra Vĩnh Nguyên Tự cũng là nơi đã lãnh sứ mạng kết tập kinh điển để hoàn thành các nghi thức tế lễ cho Hội Thánh Cao Đài ban đầu.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển từ ngày 29.2. Bính Dần trở đi có ghi rõ các điều này.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ngày 5.4. Bính Dần, Thầy dạy rằng: "nhỉ vô thức luyện đạo, Ngã phái Ngọc Đầu Sư chỉ giáo, thọ Bửu Pháp. Tam thập tứ vị chúng sơn bất tri Chơn lý luyện thành. Ngã vi chủ khảo giáo hoá. Khả tuân Ngã mạng… và, tiếp tục các Thánh Ngôn ngày 18.5, ngày 8.6. Bính Dần v.v... đều có minh định rõ ràng.

*"Lịch, nghi tiết con lập, có Thầy giáng đủ lễ hết, vậy con truyền cho chư môn đệ đặng chúng nó y theo mà hành lễ.*

*Ngọc Đầu Sư khả tu truyền Pháp, thuyết đạo."*

Với 4 thành tố (giai đoạn hình thành) nói trên, tiến lần đến việc cụ túc hình thể của một nền đạo mới để xứng danh hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thật vậy, Thầy dạy rằng: Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa, nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo (TNHT); (Chính thể tức là hình thể của Đạo có nguyên tắc và trật tự).

Và, sau đây là những chi tiết xem như cụ thể hóa cho Thánh Ngôn nói trên: đó là

a) Cuộc phong Thánh đầu tiên: Khởi từ Rằm tháng 3 năm Bính Dần (25.4.1926) Đức Chí Tôn đã ban phong Giáo phẩm cho Hiệp Thiên Đài từ Hộ Pháp đến 2 vị Thượng Phẩm và Thượng Sanh, và cho Cửu Trùng Đài, từ Giáo Tông đến Giáo Sư. Riêng phẩm Giáo Tông thì đã phong từ ngày 4.3.BD.

b) Lập Tịch Đạo đầu tiên: Ngày 23. 8. BD (29 9.1926) hội Thánh

vâng lệnh Thầy, lập Tịch Đạo gồm 245 vị. Đây là Bộ Đạo công khai đầu tiên.

c) Lễ Khai Đạo: Đại Lễ Khai Đạo Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19.11.1926) là một cuộc lễ lớn được tổ chức tại Thất Từ Lâm Tự Gò Kén (Tây Ninh) nhằm công khai giới thiệu nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với chính quyền và đồng bào cùng nhân loại thế giới.

d) Lập Pháp Chánh Truyền: Sau ngày lễ Khai Đạo, ngày 16.10.BD (20.11.1926) Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền để chính thức hình thành Thánh thể của Thầy tại thế. Đây là một văn kiện pháp lý căn bản của Đạo Cao Đài.

e) Lập Tân Luật: Ngày 2.11.BD (6.12.1926) Đức Chí Tôn ra lịnh cho Hội Thánh hiệp chúng trí lại để thành lập Tân Luật. Tất nhiên luật này phải dựa trên nền móng Pháp Chánh Truyền của Thầy đã lập.

Với 5 chi tiết nói trên đây đủ nói lên sự hình thành đầy đủ của nền Tân Pháp Cao Đài vậy.

**III. Giai đoạn phát triển**

Đây là giai đoạn triển khai và mở rộng khắp mọi nơi để thực hiện vai trò phổ độ của Đại Đạo. Tuy nhiên, cơ phát triển đã bắt đầu khởi động từ trong trạng thái hình thành, trước khi lễ Khai Đạo Rằm tháng 10 được tổ chức. Cứ trên đà ấy tiếp điển bằng nhiều hình thức khác nhau cho đến ngày nay và mãi mãi về sau không ngừng

*(Xem tiếp trang 30)*

# THÀNH LẬP TU XÁ CHO NỮ ĐOÀN GIẢI THOÁT

Tu xá Phước Huệ Đàn, ngày 08-02 Kỷ Hợi
(Thứ Hai 16-3-1959)

**THI**

***LÝ tình hai mối biện phân rành***
***THÁI độ người tu phải nhiệt thành***
***BẠCH bạch minh minh quyền pháp rõ***
***Giáng thăng đừng để lệch công bình.***

Bần Đạo chào chư Thiên phong, chư đạo tâm nam nữ. Chư đệ, chư muội an tọa.

Hôm nay tại Hội Thánh Truyền Giáo được thành lập tu xá cho Nữ Đoàn Giải Thoát vào tu học, là một ơn phước cho nhơn sanh, mà cũng là hồng ân cho chư hiền trong Kỳ Ba tận độ.

Bần Đạo đến để chứng minh sự hiện diện và lòng nhiệt thành của đoàn viên có chí xuất gia tìm về lẽ thật, hầu ngày mai đem sở đắc[1] trên đường công phu thọ chứng mà đền đáp lại bao nhiêu sự lo lắng của toàn đạo. Mà ngày mai có thành công cũng do nhiều trợ duyên mới đủ phương tiện vượt qua muôn trùng khó khăn trắc trở.

Chư hiền đạo tâm đã giác ngộ trên đường đạo pháp, bằng sự kết duyên giữa nhau, với sự xây đắp lẫn nhau. Xưa, thời cựu pháp, (…) khi Phật ra đời chúng sanh được vui mừng đón tiếp lấy nguồn chơn lý một cách dễ dàng. Giữa Phật pháp cùng chúng sanh chia vui sớt khổ, lân mẫn

---

1 **Sở đắc** 所得*(what one acquires; one's gains)*: Những gì mình thâu lượm, gặt hái được.

trong việc thi ân bố đức cho đời. Nên Phật pháp trải qua mấy mươi thế kỷ mà còn được bền vững, ánh sáng oai đức của Người [2] trở nên mãnh liệt trong lòng nhơn loại.

Phật pháp đã sẵn nền công đức vô ngã vị tha, chư tăng noi đấy mà vươn lên vững chắc, hằng lo thế pháp [3] hóa duyên,[4] kết mối thiêng liêng giữa người [5] và Phật pháp. Chúng sanh thì mê muội, phải làm cho chúng sanh giác ngộ. Không phải một sớm một chiều mà cả một công trình hóa độ.[6] Bữa bữa lui tới dạy khuyên, hoặc bằng lời lẽ, bằng dung nghi,[7] bằng quyền pháp, hoặc bằng công sức để cảm dụ[8] độ người. Làm như vậy cũng chưa dễ thành tựu cho người, mà người phải cúng dường cho Phật, bố thí cho tăng, tin cầu chánh pháp.

Chúng sanh nhờ nhiều lần phát tâm từ thiện, phát lòng kính Phật trọng tăng, tuy một tháng một ngày, bằng [cách] dâng cơm cúng vải,[9] xây chùa đúc Phật, đúc chuông, mà duyên ấy khởi, lòng ấy[10] sanh, giống bồ đề nứt nở, nên sự sáng suốt càng được tăng huy.[11]

Cũng như hôm nay nền tân pháp, tuy trong hàng chức sắc không đi khất thực,[12] hóa trai,[13] không đến chia vui sớt khổ, nhưng tổ chức đã lan rộng, quyền pháp được rải gieo. Hội Thánh lúc nào cũng nghĩ đến nhơn sanh, nỗi nọ điều kia, đen tối về tinh thần, khổ nhục về xác thịt, mà ra

---

2 **Người:** Đức Phật.

3 **Thế pháp** 世法 (the dharma applied to the world): Cái pháp ứng dụng vào cuộc đời.

4 **Hóa duyên** 化緣: Tạo điều kiện dẫn dắt người tu hành.

5 **Người** (humans): Con người, chúng sanh, nhân loại.

6 **Hóa độ** 化度 (converting a person to self-cultivation): Đưa người vào đường tu hành.

7 **Dung nghi** 容儀 (countenance and appearance): Vẻ mặt và dáng dấp.

8 **Cảm dụ** 感誘: Cảm hóa 感化 và khuyến dụ 勸誘; làm cho lòng người rung động mà nghe theo lời khuyên sửa xấu nên tốt.

9 **Cúng vải** (offering cloth): Cúng vải để thầy tu may áo.

10 **Lòng ấy:** Lòng kính Phật trọng tăng

11 **Tăng huy** 增輝 (increasing splendour): Tăng thêm rực rỡ.

12 **Khất thực** 乞食 (begging for food): Xin ăn.

13 **Hóa trai** 化齋 (begging for vegetarian food): Xin cơm chay.

lệnh đồng đạo giúp lẫn nhau. Nhơn sanh đóng góp công quả vào sự chi nhu,[14] vào việc tế tự, vào việc ăn mặc đi lại của hàng Thiên ân chức sắc, chức việc.

Thiên ân chức sắc được gây duyên cùng toàn đạo, kết duyên cùng Hội Thánh và nhơn sanh, nên cái duyên được hòa lẫn tương quan. Xa cũng có, gần cũng có, vì thế mà thiện duyên đã xây đắp một nền phước đức lâu dài. Người nầy lo cho kẻ kia, kẻ kia lo cho người nọ. Ai cũng có tâm lo. Ai cũng có nghĩ đến con đường cứu cánh lẫn nhau.

Thì việc tổ chức ngày nhập tu xá nầy chư đoàn viên vào học. Học để mà tu. Tu để tìm lẽ thật. Đem cái lẽ thật mà thay vào cái cảnh giả tạm, ảo hoặc[15] thế gian, hưởng lấy đời sống đời đời, tình thương bất diệt.

Lẽ thật không phải ai tìm cũng ra, ai muốn cũng được, mà phải có lòng thanh tịnh giác ngộ, vứt bỏ quyền lợi ái ân kia. Phải ở một người có chí nguyện, người đứng ngoài tham muốn, đứng ngoài vòng nhà cửa, chồng con. Người ấy lòng không bận nghĩ cơm ngon áo lành, con no chồng sướng. Không nhúng tay trong việc thị phi thì người không bận nợ đời. Không chứa của riêng, không lo tư thất[16] thì người rảnh rang. Lòng không bận rộn thì tình ý mới lắng trong. Chừng đó lương tri phát hiện, lương năng đủ đầy, trực giác cảm thấu lẽ nhiệm mầu mà đạt thành lẽ thật là chân lý vậy.

Người ấy là ai? Người giải thoát vậy. Thế thì giúp đỡ cho người giải thoát thì cũng là một công đức chính đáng. Dù người ấy không trở lại gieo chơn lý cho đời cũng cứu được phần hồn họ trở về tịnh cảnh.

Đã nói sự bố thí [có] công đức lớn. Tiền bạc đem ra bố thí cho muôn người được sống đầy đủ, cũng không bằng cho một người có chí hành

---

14 **Chi nhu** 支需 (spending on necessities): Chi tiêu cho những món cần thiết.

15 **Ảo hoặc** 幻惑 (unreal and deceiving): Giả dối và gạt lừa.

16 **Tư thất** 私室 (private house): Nhà riêng.

đạo. Cho một người có chí hành đạo không bằng cho một người thật tâm giải thoát tìm lẽ thật cho đời.

Vậy ai là kẻ cản trở bước tu là người phạm vào sơ nhất điều[17] trong giới cấm, mà kẻ không tự chủ cũng chịu dưới quyền tà quái đời đời.

Hôm nay Bần Đạo đến đây là một quyền pháp để chứng minh tất cả quyền hành nữ phái bởi trong tay Bần Đạo ban ra.

Bần Đạo đã lập thành nhà tu nữ phái thì lẽ tất nhiên hàng Thiên ân trong Hội Thánh đều nhứt nhứt tuân hành. Nếu ai trái phạm lời Bần Đạo thì cửa thiên môn bởi tay Bần Đạo đóng chặt.

Về Nữ Đoàn Giải Thoát, phần đã làm lễ xuất gia, hôm nay nghe Bần Đạo hỏi. Chư hiền nữ đã lượng được sức mình chưa? Quyết tâm giải thoát chưa? Có chịu được thiên ma bách chiết[18] không? Đói no giữa nhau có khi nào phụ bạc không? Còn lướng vướng mối manh nào chưa dứt được? ☯

17 **Sơ nhất điều** 初一條 (the first clause): Điều thứ nhất.

18 **Thiên ma bách chiết** 千磨百折 (myriads of torment): Ma là mài cho mòn, chiết là bẻ cho gãy. Thiên và bách là vô vàn, vô số. Thiên ma bách chiết là vô vàn những cực khổ, khốn đốn về thể xác và tinh thần.

**HUỆ KHẢI** chú thích. **LÊ ANH MINH** hiệu đính

# Tìm hiểu THIÊN NHÃN để tu hành

GS. THƯỢNG VĂN THANH

***"...Chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh tượng "Con mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh..."***

Đây là lời Thầy dạy vào ngày 25 tháng 2 năm 1926 được in lại trong TNHT

Với lời Thầy dạy như vậy thì việc trình bày về Thiên Nhãn là điều không nên làm hoặc chưa thể làm. Ngặt một điều Thiên Nhãn là Thánh tượng chúng ta thờ kính, lễ lạy, là biểu tượng chúng ta nương vào để tu hành, sống đạo. Thành thử, việc trình bày tự nơi người thực hiện lẫn người đọc, chỉ mong hiểu chút đỉnh trong giới hạn lời dạy sơ lược của Thầy cùng với những gợi ý khai giải gặp được nơi các nguồn khác nhau như kinh sách, thánh giáo...

**I. Sự xuất hiện Thiên Nhãn.**

Tông Đồ đầu tiên của Đức Cao Đài là Ngài Ngô Văn Chiêu. Khoảng đầu năm 1921, Đức Chí Tôn dạy Ngài tìm một biểu tượng để thờ kính- Ngài bạch chọn chữ thập nhưng Đức Chí Tôn cho đó là dấu hiệu đã có tôn giáo dùng rồi.

Ngài Ngô xin khất để suy nghĩ nhưng qua 1 tuần vẫn chưa tìm ra. Rồi đến sáng ngày 13 tháng 3 năm Tân Dậu (1921) khi đang ngồi võng ở mái sau Dinh quận thì Ngài thấy một con mắt rất lớn, hào quang rực rỡ hiện ra cách chỗ Ngài vài ba thước và

nhìn thẳng vào mặt Ngài khiến Ngài sợ hãi. Ngài lấy tay che mặt và lúc sau mở mắt ra vẫn thấy con mắt ấy và càng rực rỡ hào quang hơn. Ngài chấp tay khấn rằng nếu Tiên Ông bảo thờ như vậy xin cho biến đi. Ngài khấn xong thì con mắt lu dần và biến mất. Tuy vậy ngài Ngô chưa thật tin và chưa vẽ mắt để thờ.

Vài ngày sau, Thiên Nhãn lại xuất hiện như lần trước. Ngài lại khấn sẽ vẽ như vậy để thờ, Thiên Nhãn biến mất và Ngài làm theo như lần đã khấn.

Tháng Giêng năm Giáp Tý (1924), khi nhìn ra biển lúc mặt trời sắp lặn, Ngài thấy Thiên Nhãn hiện ra trên một ngôi sao, kế dưới là mặt trăng lưỡi liềm, trên biển là mặt trời sắp theo một dọc thẳng đứng và mặt biển là một đường nằm ngang. Ngài ghi nhớ và vẽ Thiên Nhãn như vậy.

Tháng sáu cùng năm, Ngài được đổi về Sài Gòn và đem Thiên Nhãn theo.

Đầu năm 1926, Đức Chí Tôn dạy nhóm Cao Phạm vẽ hình Thiên Nhãn để thờ nhưng nhóm này không biết vẽ như thế nào nên Đức Chí Tôn dạy tìm gặp Ngài Ngô để được hướng dẫn.

Về sau khi Tòa Thánh Tây Ninh xây dựng xong, Thầy dạy làm một trái Càn Khôn, đường kính 3 thước 3 tấc, trên vẽ Thiên Nhãn và 3.072 ngôi sao, bên trong đặt một ngọn đèn giữ cho luôn luôn sáng để thờ. Ở Trung Hưng Bửu Tòa, đường kính quả Càn khôn là 3 thước 33.

**II. Tìm hiểu ý nghĩa Thiên Nhãn**

Liên quan đến Thiên Nhãn, Thánh giáo có dạy:

*"Nhãn thị chủ Tâm*
*Lưỡng quang Chủ tể*
*Quang thị Thần*
*Thần thị Thiên*
*Thiên giả ngã dã"*

*Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam*

*Kỳ Phổ Độ nầy, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.*

*Các con nhớ nói vì cớ nào thờ CON MẮT Thầy cho chư đạo hữu nghe…*

*Phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật từ ngày Đạo bị bế, thì luật lệ hỡi con nguyên, luyện pháp chuyển đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tản THẦN, không cho hiệp cùng TINH, KHÍ.*

*Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn thần cho các con đắc đạo. Con hiểu* ***"Thần cư tại nhãn".*** *Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên, Phật do yếu nhiệm là tại đó". Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy.*

Đoạn Thánh giáo này có hai ý chúng ta nên chiêm nghiệm kỹ và sâu hơn.

Thứ nhất, đó là Thần cư tại nhãn. Thông thường người ta nói mắt có Thần. Chưa từng nghe rằng tai, mũi có thần.

Vậy Thần là gì?

Thần là cái năng lực tinh anh, linh hoạt, là nguồn sống vô biên bất diệt, là hóa cơ mầu nhiệm thiêng liêng, bao trùm khắp cả vũ trụ vạn vật. Cái năng lực đó ở Trời thì phát tiết nơi nhật, nguyệt, tinh tú, còn ở người thì biểu lộ nơi hai con mắt. Cho nên, thần minh chủ tể của con người là tâm linh, tâm linh ứng nơi đồng tử của hai con mắt, nên thường gọi là mắt có thần.

Vậy, mắt là cửa ngõ của tâm, mắt là nơi ra vào của thần. Thần hiện đầy đủ thì người cường tráng, trí anh minh. Thần hiện lờ đờ yếu kém thì người bạc nhược trí mê mờ. Thần vững thì yên, thần yếu thì loạn. Thần còn thì người còn sống, thần tan thì người chết. Mắt và thần tuy nói hai mà là một.

Xin thêm rằng bài Thánh giáo giáng cơ tại Phước Huệ Đàn có đoạn:

*"Thầy làm con Mắt đoái xem vạn loại thiện ác. Thầy cao minh*

*không có vật nào ngoài tầm mắt Thầy. Thầy thấy thiện, thấy ác các con. Song Thầy không vì thiện ác mà bỏ các con. Mặt trời soi cho kẻ ác người thiện như thế nào, thì Thầy cũng vậy. Mắt Thầy cao minh. Sự nhìn thấy của Thầy không như thiên hạ. Lòng các con thế nào Thầy đều thấy cả. Thầy có chánh kiến. Các con học Thầy để thấy Thầy ở mỗi con. Cái thiện kia ác nọ không phải của Thầy, của các con, mà của tà kiến. Khi nào các con có Thầy hợp một sự thấy thì không còn phân nhơn ngã thị phi thiện ác. Bây giờ là " Huyền phạm quảng đại", cõi mầu nhiệm rộng lớn. Bấy giờ Thầy và các con không lầm lẫn mảy may họa phước."*

Thứ hai, Thần là một trong tam bửu TINH, KHÍ, THẦN. Đây là ba báu của con người mà theo danh y Tuệ Tĩnh thì trong phép dinh dưỡng phải biết:

*"Bế Tinh, dưỡng Khí, tồn Thần*
*Thanh tâm, quả dục, thủ chân, luyện hình"*

Còn trong phép luyện đạo thì thực hành công phu để Tinh Khí Thần hiệp nhất theo trình tự luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư.

Ở mức độ dinh dưỡng, luyện tập để có tinh thần minh mẫn, trong một thân thể tráng kiện, sống khỏe và sống lâu theo lời dạy của Tuệ Tĩnh đòi hỏi nhiều cố gắng vốn đã khó khăn. Ở tầm cao hơn tức là công phu tịnh luyện để tam bửu hiệp nhất, tạo được chơn thần huyền diệu, đắc đạo tại thế thì khó khăn hơn nhiều, cần thời gian lâu dài và những điều kiện nghiêm ngặt của phép tịnh luyện.

Bây giờ chúng ta trở lại với Thiên Nhãn là biểu tượng từ bậc sơ cơ đến thượng thừa đều nương theo đó để tu hành.

Không như nhiều tôn giáo khác, đạo Cao Đài không thờ hình tượng hoặc tượng cốt.

Người tu ở Tam Kỳ Phổ Độ chắc chắn nhận biết ở mức cao hơn Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ nên không cần nương vào các hình tượng cụ thể để

tu hành. Đến Tam Kỳ Phổ Độ thì "Đạo hư vô, sư hư vô". Đã là hư vô thì hình tượng hay danh xưng chỉ là tạm mượn để lần lần dìu dắt người tu. Do đó danh hiệu Cao Đài cũng chỉ là cái tên tạm mượn, " tá danh". Tuy tạm mượn nhưng danh xưng này cũng gợi ý và nhắc nhở môn sinh nhà đạo rằng:

*"Cao Đài là cái đài cao*
*Vượt lên tất cả đón rào ngăn che"*

Vượt lên các thứ đón rào ngăn che là hướng đến giải thoát. Vượt nhiều giải thoát được nhiều

Thiên Nhãn là biểu tượng Đức Chí Tôn dùng để chỉ cho môn sinh về cái thần lực ấy, về cái Đức sáng của Chí Tôn Thượng Đế là "Càn kiện cao minh vạn loại thiện ác tất kiến".

Biểu tượng Thiên Nhãn còn tỏ rõ tính cách đại đồng vốn là một trong hai mục đích của Đại Đạo. Hình tượng con mắt có thể xóa bỏ tối đa mọi sai biệt về màu da sắc tóc, về tầm cao thấp, lớn bé.

**III. Thiên Nhãn và sự tu hành**

Khi quì dâng lễ tại bửu điện, chúng ta thấy Thiên Nhãn nhìn thẳng vào chúng ta và chúng ta cũng nhìn thẳng vào Thiên Nhãn. Thiên Nhãn truyền điển quang cho chúng ta và chúng ta nhận điển quang từ Thiên Nhãn. Đây là giây phút nghiệm chứng *"Thầy là các con, các con là Thầy"*.

Tu với Thiên Nhãn, sống với Thiên Nhãn như vậy dần dần chúng ta nghiệm ra và thực hành thành một thói quen rất đáng quí, cần thiết cho người tu khi sống chung lộn với đời giữa bao người khác là bao giờ cũng nhìn thẳng. Không nhìn lén, không nhìn xiên xẹo, lệch lạc. Đó chính là lập trường và thái độ sống của hiền nhân quân tử. Đó chính là biết giữ mắt mà tu, là cách tu bằng con mắt khi phải nhìn ra ngoài.

Như vậy vẫn chưa đủ vì người ta còn phải biết nhìn vào trong, nhìn vào tâm tức là nội quan.

Không quán chiếu nội tâm, không phản tỉnh nội cầu thì việc tu mới chỉ đạt mức thường thường bậc trung, không thể nào tiến xa và tiến cao hơn, để thấm sâu lời dạy của Thầy: " Thầy là các con, các con là Thầy". Thánh giáo chỉ rõ:

*"Thượng Đế không ở đâu xa*
*Ngự trong tâm thể của ta rất gần"*

Đây là phép dùng con mắt tâm để nhìn lại tâm, nhìn vào tâm nhằm gạn đục khơi trong, phân phàm lọc Thánh. Phép nội quán này không chỉ quan trọng mà có tính quyết định đối với người dốc chí tu hành. Các đấng thiêng liêng thường nhấn mạnh về sự hồi tâm tự tỉnh.

Chẳng hạn, đức Bác Nhã Thiền Sư dạy:

*" Nếu không phản tỉnh nội cầu*
*Giảng hay nói giỏi khỏi đâu luân hồi"*

Còn Đức Thái Thượng Đạo Tổ thì nêu rõ kết quả tích cực của quán tâm nội tỉnh:

*"Tinh chuyên phản tỉnh nội cầu*
*Lo gì không có phép mầu nơi tay"*

Thiên Nhãn là biểu tượng thờ kính tu hành mà tu hành cốt yếu ở tu tâm, tức là quay vào tâm, tự xét chính mình, tự mình gạn đục khơi trong, cải tà qui chánh. Nhờ đó mới tiến dần trên các bậc thang từ Người lên Thần Thánh Tiên Phật

Đó là ý nghĩa sâu xa trong những lời dạy thiêng liêng như:

*"Phật người mới ở Tây phang*
*Phật ta chính tại tâm cang của mình"*

Hoặc:

*"Quay lại lòng đừng buông xa nữa*
*Quay lại lòng đừng dựa vào ai*
*Lòng ta mới thật Cao Đài*
*Cao Đài đâu phải ở ngoài mà theo"*

Tòa Thánh Cao Đài gồm có Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Từ Bát Quái Đài, Thiên Nhãn nhìn xuyên qua Cửu Trùng Đài thẳng đến chữ Khí ở Hiệp Thiên Đài, diễn tả sự hòa quyện, hiệp nhất Tam Bửu TINH KHÍ THẦN. Theo lời Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác thì đó là hình ảnh một người đang tịnh, đầu mình ngay thẳng theo cách ngồi của Đức Phật khi thiền định.

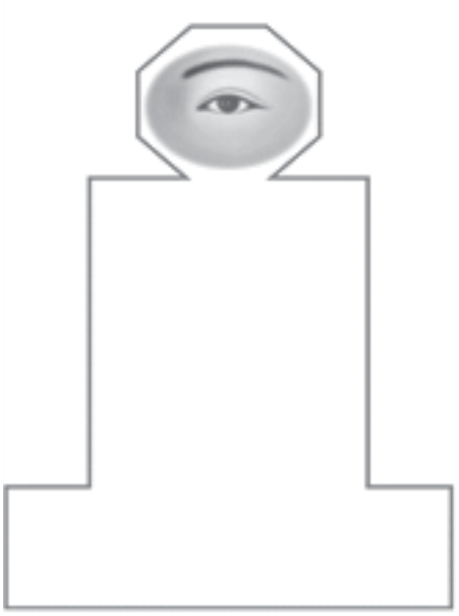

**Tạm kết:**

Phần trình bày trên là một cố gắng tìm hiểu về Thiên Nhãn cùng thân tâm và Tam bửu có liên hệ đến môn sinh hành giả dựa theo kinh điển nhà đạo Cao Đài và các bài viết của quý ngài Hồ Tân Sinh, Huệ Minh, Đức Nguyên. Tuy có đóng góp chút ít cho quí huynh tỷ quan tâm tìm học, tìm tu nhưng chắc chắn chưa đủ nên vẫn đinh ninh lời dạy của Thầy được thưa ở đầu bài:

"Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh" thì chắc gì chúng ta hiểu đúng và đầy đủ. Vậy chúng ta nên khiêm nhẫn tìm hiểu, suy tư, nhất là nhờ công phu mà dần dần lãnh ngộ.

☯

## THÁNH TRUYỀN

# TRUNG HƯNG GIÁO PHÁP

# DẠY VỀ SÁM HỐI

**PHẠM SĨ DŨNG** sưu tầm

**Sám hối là pháp môn phải thực hành thường xuyên, lâu dài. Hiền hữu Phạm Sỹ Dũng đã sưu tập và gửi cho Sống Đạo 15 đoạn Thánh giáo dạy về sám hối lấy từ Thánh Truyền Trung Hưng Giáo Pháp. Sống Đạo xin cảm ơn và sẽ đăng mỗi kỳ một đoạn như vậy có lẽ tốt hơn là đăng trọn 15 đoạn trong một kỳ Sống Đạo.**

**Trích đoạn 1, THANH PHONG ĐỒNG NỮ, đàn cơ Tịnh Đường. ngày 14-4-Quí Mẹo, 1963 TTTHGP.**

Ở đời, bất cứ là ai khi cấu sanh làm người chịu cái thân tứ đại ngũ uẩn không ai không lỗi. Đã nói không một ai khỏi lỗi thì bất cứ gái hay trai, khôn ngoan hay khờ khạo, lợi trí hay độn căn mà ở trong trần cấu phải bị trần lao, kẻ lấm ít người lấm nhiều là ở chỗ đương mê hay đương tỉnh. Dầu mê hay tỉnh cũng không ai thoát ngoài trần cấu, làm sao nói sạch trọn hoàn toàn, chỉ kẻ biết tự tỉnh nhàm chán mà lánh xa bụi thế, gội tắm thân tâm thường được không quên. Một lần bị vấy một lần rửa, một khi bị nhớp một khi tắm, tắm mãi thì bụi bặm không còn, rửa thường thì nhớp nhơ cũng sạch song chị em nên nhớ đã biết nhờ

tắm nhờ rửa mà sạch thì ở đời ai không muốn sạch. Song muốn sạch mà không muốn tắm thì làm sao sạch được, không muốn tắm là người sợ nước cắn, nước lặm mà suốt đời chỉ một vài buổi lau sơ.

Ta thử hỏi một cái áo một cái chăn bận thường cũng nhớp. Nhớp vì bụi bặm bên ngoài nhớp bởi mồ hôi bài tiết trong thân, trong ngoài đều nhớp, nếu bận vấn vào thân, thân thấy bực rực nặng nề, cần được thay được giặt. Giặt một nước cũng còn dơ, giặt hai nước cũng còn đục, giặt thêm đôi ba nước nữa cũng còn thấy ngà ngà, dầu nước cuối cùng có trong cũng tẩy được phần nhơ, đâu giặt cho trắng toát được. Vì lấy nước mà giặt là giặt cái dáng bên ngoài, chớ cái thâm ở trong chỉ trong canh phải có xà phòng thuốc tẩy. Vì vậy muốn làm sạch bộ đồ còn phải lắm công phu, còn giặt đi giặt lại, có nước mà có xà phòng đôi lúc cầm để lên mũi cũng còn thấy hôi hôi, thì sự rửa cái thân còn công phu gấp bội. Công phu xả cái dơ, gụt cái bẩn, tuy vò tuy xát nhưng sao sánh chỗ tắm gội oan trái tiền khiên. Cái tội lỗi ở thân người chứa chất nhớp nhơ nhiều kiếp dồn lại mà còn lăn xát mùi tục thêm, nào khác chi trâu đẫm lầy, gỗ tre ngâm dưới bùn nhiều năm nhiều tháng, một gáo nước há làm cho sạch được đâu[1]. Sự sám hối lần này cũng như các lần đã qua, hay các lần sau nữa cần được gội tắm thường xuyên. Liễu giải thân tâm cho được, đâu phải một chậu nước mà sạch được bộ đồ, đâu phải một lễ sám hối nầy mà khinh an lợi lạc được. Song không tuyệt đối phải nhiều lần cải thiện ăn năn, như Nhan Hồi quyết không tái phạm thì chị em ai có lợi căn thiện quả gắng giữ. Lỗi đã phạm chớ để lâu vấp đôi ba lần, thì nào khác chi đồ bỏ vô miệng đã nhai đã nuốt rồi ụa mửa ra, ụa mửa ra rồi ăn trở lại. Ôi! Nghe nói ăn trở lại đồ đã mữa thì hầu hết con người nhờm gớm, không hề thấy chỉ trừ có mấy kẻ khùng, ai nghe ăn vô rồi mửa ra rồi ăn trở lại nghe

1 Đức Chí Tôn dạy: "Đã vào trọn một thân mình nơi ô trược thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước mà đặng sạch trong" TNHT, đàn 15-8-Bính Dần

cũng nhờm nhờm, huống chi là thấy, song thấy sự ăn đi ăn lại mà rùng rợn ghê ghê. Song làm những việc tái phạm 1, 2, 3, 4 lần mà nào thấy mấy người ghê. Cái này mới nhớp hơn, bẩn thỉu hơn, ai lâm vướng vào thì bị ngây bị cuồng suốt đời mờ mịt. Ôi! Chị em ôi! Nói nghe kinh kinh, kinh hơn là lúc tắm rồi lăn xả vào đống nhơ cho lấm lại, thì sự sám hối này chị em gắng giữ mười phần, không được cũng cố gắng nắm lấy một vài phần cho chắc, thì sự sám hối đã gần đến bước thành công, rồi mai đây mốt kia gặp phải đường mây lối Thánh, "Thần" mới tiện cách phi khinh, hồn mới được suốt thông chín từng Trời không ngăn ngại.

Việc cấu tạo tội lỗi với người với hoàn cảnh, hoặc bằng tương ứng, hoặc bằng song tiến cũng do nghiệp quả mà ra. Các việc chị em đã gây tạo đó bằng cách nầy cách nọ, Mẹ đã biết hết rồi dầu lỗi nhỏ lỗi to, tội khinh tội trọng, Mẹ cũng có thể tìm cách độ cứu chị em. Song Mẹ nói sự lỗi lầm dù thâm hay thiển cũng chẳng nói làm chi, cũng như các vết thương trong người đã lỡ có thì lo tìm thuốc xức thoa, tìm Thầy chữa trị. Ngặt chị em lở trước chưa lành, mà còn xỉa còn xoi cho thêm nhiều vết thương mới nữa, thì ngày nào thân chị cho lành thân em cho mạnh, mà Mẹ tha thiết nhắn lời thương yêu căn dặn, chớ gây thêm oan trái làm sao cởi mở cho thân. Mẹ biết từng người, mai đây Mẹ sẽ đến cùng chị em để mối tình linh sơn thêm trọn vẹn.

*(Tịnh Đường 14/04/Quí Mẹo-ĐĐ38-TTTHGP I, tr.239-242)*

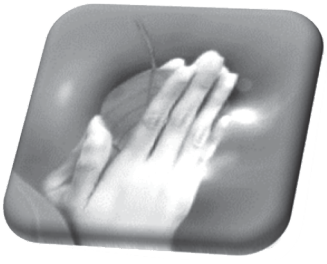

# SÁM HỐI là một PHÁP MÔN

**PHẠM VĂN LIÊM**

Bài tham khảo sinh hoạt sám hối chung niên

Ngày chung niên đã đến, toàn thể bổn đạo Cao Đài đều đặt mình vào đợt sám hối cuối năm.

Khi thành tâm để lòng quay trở về với tư thế kiểm điểm, soi xét lại mình gọi là sám. Và lúc đã thấy được điều sai trái, hư dối thì phát khởi tâm ăn năn chừa bỏ gọi là hối. Sám hối là một pháp môn phổ biến trong tất cả mọi tôn giáo cổ kim, đông tây.

Con người vốn mang một linh năng Tiên Phật, bởi vì muội tánh mê tâm, bảy dây trói cột, nên lúc nào cũng chìm đắm với tham ái sân si, đảo điên với thương vui buồn giận, với tửu sắc khí tài. Sức phóng ngoại của giác quan đã xây lên một nhân dục phàm phu lấn át cả thiên tánh thiên tâm, lấp che cả lòng chơn ý thiện. Người tín đồ may duyên gặp Đạo, vào cửa tu hành cũng đâu dễ đủ đầy năng lực trí tuệ đạt được liễu tri, tiếp nhận trọn vẹn ánh sáng chiếu diệu của tâm minh mà tìm về liễu ngộ thoát khỏi khổ đau. Những vật vã khảo đảo, những thử thách cảo chọn cứ

rập rình theo cường độ của sự ứng dụng đạo pháp, hành trì phương tu, trong đó sám hối là một. Sám hối là nhìn lại mình, nhìn lại những khả năng điều ngự ngũ quan, chế phục ngũ dục trong việc tiếp xúc với ngũ trần, lọc bỏ tất cả những bợn nhơ luyến nhiễm, nâng mình lên tầm thanh sạch thánh thiện. Đây là một cuộc chiến đấu nội tâm giữa mê muội và trí giác, giữa kiên trì và sự xúi giục buông lung. Người quyết tâm đạt đến chỗ toàn giác toàn minh để vào lộ trình đắc nhứt, không thể nào đến ngày, đến giờ thì sùm sụp sám cầu rồi tan khói hương lại ngựa phàm dong ruổi. Tu hành như thế tất nhiên muôn đời vẫn cứ nẻo tục ruổi dong.

Một lần sám hối là một lần tìm ra chỗ hư hao khiếm khuyết để bồi bổ, để sửa chữa. Phải quyết tâm rằng tội lỗi chỉ phạm một lần và đừng bao giờ tái phạm. Tuy nhiên con người vì chơn tánh bị lu mờ, che lấp bởi tiếp xúc với phàm trần thường xuyên nên lòng phàm luôn khích động, tội lỗi dễ vương mang. Bởi vậy người tu Cao Đài từ hàng Chức Săc Thiên Ân đến tín đồ đều luôn luôn đặt thân tâm trong sám hối và được nhắc nhở trong kinh nhật tụng từng ngày.

**- Kinh mai:**

*"Điều tập nghiệp kết oan nhớ giải*
*Việc lỗi lầm hối cải xin thôi"*

**- Kinh Hôm:**

*"Ngày xưa những việc thị phi*
*Nay con dứt sạch dù chi mựa hềm"*

**- Kinh sám:**

*"Con nhìn muôn tội có dư*
*Cầu Thầy mở lượng đại từ đại bi*
*Con nhứt định quy y sám hối*
*Con nhứt tâm sửa đổi hàng ngày*
*Thầy ôi con thật thơ ngây*
*Cải tà quy chánh xin Thầy rộng dung".*

Đặc biệt vào giờ Mẹo các ngày sóc, vọng, huyền, hối, kinh Cảm Ứng của Đức Thái Thượng được trì tụng trong sự suy cứu tỉnh sát nghiêm cẩn ở mỗi Chức Sắc và tín đồ. Vì người Cao Đài hơn ai hết, đã thấm sâu giáo lý cổ kim : *"Kỳ hữu tằng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng*

*thiện phụng hành, cửu cửu tất hoạch cát khánh, sở vị chuyển họa vi phúc dã"*. Nghĩa là nếu như trong quá khứ đã từng làm chuyện ác, sau biết hối cải, bỏ việc ác không làm, một lòng hành thiện, không bao lâu những điều may mắn tự nhiên sẽ đến. Đó gọi là chuyển họa thành phúc.

Khi ta đã sám một cách tinh nghiêm, chính xác thì việc hối mới có hiệu năng rõ ràng. Tức là chính ta phải nhìn thẳng vào tội lỗi, biết rõ gốc rễ của tội lỗi, thấy rõ mặt mũi của tội lỗi, đưa tội lỗi ra ánh sáng, không che đậy, không ngụy biện, không viện dẫn lý do, không đổ thừa hoàn cảnh. Lúc đó ta mới quyết liệt tuyệt trừ tội lỗi, nhổ bật cả gốc rễ của tội lỗi để không bao giờ còn nẩy sinh, còn đâm chồi mọc nhánh. Sám phải phát xuất tự thâm tâm ta, mà hối cũng phải phát xuất tự thâm tâm ta. Tụng kinh là để nhờ kinh chuyển tâm ta chứ không phải để kinh giải tội cho ta, cứu vớt cho ta. Kinh làm cho ta cảm được thiện thì phúc sẽ được ứng cho ta. Kinh chỉ thúc đẩy cho cái nguyên động lực cảm của mỗi người để được đáp lại bởi cái bị động lực ứng một cách không sai chạy. Trong kinh nói : *"Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi Cát Thần di tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi Hung Thần dĩ tùy chi"*. Nghĩa là nếu trong tâm có lòng hành thiện, dù việc thiện chưa làm, nhưng Thần lành đã theo sau. Còn như trong tâm khởi niệm ác, dù việc ác chưa làm, nhưng Hung Thần đã theo sau. Kinh Thánh của Thiên Chúa giáo cũng bảo rằng có ai nỡ cho rắn khi người cầu xin bánh bao giờ. Cũng vậy lý nhà Phật đã minh thị: Chẳng có ai trồng dưa mà lại gặt đậu, ngược lại trồng đậu mà lại được dưa đâu.

Sám hối luôn luôn có tác dụng bởi hai năng lực. Một là nội lực chuyển hóa, hai là ngoại lực hộ trì. Mức độ đạt thành hiệu quả luôn luôn tùy thuộc vào sự nhịp nhàng phối hợp của hai lực ấy. Để suy gẫm chúng ta hãy nghe câu chuyện sau đây: Châu Phúc Tận, người đời Minh, xuất thân trong một gia đình nghèo nàn, cha mẹ mất sớm, một mình sống trong

cảnh cô đơn khổ sở. Năm 40 tuổi, tự nhiên hiểu được lai lịch kiếp trước của mình, nhận ra tội lỗi quá nhiều nên tìm đến Bạch Vân Quan xuất gia.

Trưởng lão trong chùa biết rõ Châu Phúc Tận là sao Tử Vi xuống phàm vì trọng tội khó về trời nên cố giúp bằng cách đày đọa khổ sở để mong giải tội trở về bổn vị.

Vì hiểu rằng phải ăn cay nuốt đắng mới có thể liễu được nghiệp của kiếp trước nên Châu Phúc Tận chấp nhận làm việc cực nhọc vất vả như lau quét nhà xí, dọn dẹp nhà vệ sinh… Tận luôn luôn bị trách phạt nhưng lòng vẫn không oán hận. Nhiều người đồng tu thấy vậy rất thương và cho là thầy mình bất công.

Quá vất vả trong công việc nên chỉ ở chùa được một năm thì Châu Phúc Tận lâm bệnh. Thầy lại không cho chăm sóc, qua vài ngày thì Châu Phúc Tận chết và theo lệnh thầy, xác Châu Phúc Tận phải lấy dây thừng buộc vào cổ kéo qua hang chó, đưa ra vứt ngoài biển.

Chúng đệ tử làm theo lời thầy nhưng trong lòng đều oán giận sư phụ. Họ nói với nhau: "Thầy thường dạy ta, người tu phải lấy từ bi làm gốc, nhưng sao sư phụ quá bất nhân như thế. Châu Phúc Tận chẳng phạm tội gì mà bị hành hạ đến chết. Khi chết rồi lại không cho mai táng, chúng ta sống trong tình huynh đệ nỡ nào để cảnh thảm thương như vậy". Thế rồi họ đồng ý với nhau sắm quan quách, đồ tang tươm tất tẩn liệm và chôn cất đàng hoàng cho trọn nghĩa đồng môn.

Tưởng việc làm của mình thầy không biết, nào ngờ khi vừa về chùa đã bị thầy quở ngay:

Các con đã trái lệnh ta, làm hại vị môn đồ tốt của ta rồi! Các con có biết không, Phúc Tận là sao Tử Vi xuống phàm, chỉ vì hưởng thụ thái quá gây lắm tội tình nên không trở về bổn vị được, cho nên ta mới trợ sức cho nó trong lúc ăn năn, bằng cách hành hạ nó, mục đích là để giúp nó liễu trừ nghiệp trước khỏi chịu nghiệp báo kiếp sau. Mấy con không thấu rõ Đạo Trời, lại tưởng rằng thầy không thương nó.

Các con biết không, nếu làm theo đúng ý thầy thì Phúc Tận sau nầy sẽ thoát hoàn toàn nghiệp báo về tội sát mà kiếp trước nó đã gây ra quá nhiều. Nay các con vì thương, chôn cất nó như vậy, sau này nó sẽ đầu thai làm vua nhà Minh. Làm vua trong thời loạn khổ hơn làm dân đen, sau này còn bị chết bất đắc kỳ tử. Âu cũng là số kiếp của Châu Phúc Tận. Thiên lý tuần hoàn, một khi đã tạo nghiệp rồi thì Thiên Tiên và phàm phu cũng đều như nhau.

Sau khi Châu Phúc Tận chết, đầu thai làm vua Sùng Trinh thời Minh mạt. Lúc ấy giặc giã nổi lên khắp nơi, quân Mãn Thanh cũng nổi dậy đánh phá quân Minh. Về sau hoàn cung bị tên giặc Lý Tự Thành đem binh vây hãm, vua Sùng Trinh trong cơn nội ưu ngoại hoạn ấy, phải thắt cổ tự vẫn mà chết *(lược kể theo Vô Tri Cư sĩ)*

Chủ ý của câu chuyện trên là đề cập đến lẽ cân phân giữa tạo nghiệp và giải nghiệp, giữa sự sám và hộ sám. Hai vế luôn luôn phải đến mức cân bằng thì mới có sự triệt tiêu.

Rốt lại, sám hối là một pháp môn thù thắng giúp mọi người cho dù tội lỗi dẫy đầy vẫn có thể ngẫng mặt nhìn lên với trời xanh mây trắng khi quyết tâm thực hành đúng mức pháp môn nầy để tìm về bản thể chơn như.

☯

# Kỷ Niệm Khai Đạo

*(Tiếp theo trang 10)*

Vậy, hãy nhận xét giai đoạn phát triển nầy qua 3 nhịp độ như sau:

**Nhịp độ thứ 1:**

Có 2 hình thức là truyền bá công khai và tạo tác Thánh Sở.

a) Truyền bá công khai - sau khi Hội Thánh gởi tờ Khai đạo đến chính quyền thuộc địa Nam Kỳ vào ngày 7.10.1926, các Ngài liền phân nhiệm thành ra 3 nhóm, mỗi nhóm gồm nhiều vị Chức sắc cao cấp thân hành đi giảng đạo theo 3 hướng khác nhau trong vòng 24 tỉnh thành ở Nam kỳ bấy giờ.

Công việc truyền bá phổ độ này chỉ trong một tháng trời mà đã gặt hái được nhiều kết quả to lớn, nên số tín hữu Cao Đài tăng lên rất nhanh. Nhờ đó mà khả năng yểm trợ cho mọi công việc tiến hành của Hội Thánh rất khả quan.

b) Lễ Khai Đạo được tổ chức linh đình tại Từ Lâm Tự. Nơi đây là một ngôi chùa Phật do Hòa Thượng Như Nhãn cho mượn.

Đúng ngày 20 tháng 2 năm Đinh Mão (23.3.1927) Hội Thánh khởi sự dời về làng Long Thành ấp Bàu Na để thiết lập Thánh sở mới, tức là Hội Thánh Tây Ninh.

Nơi đây là khu rừng hoang nước độc, rộng ngót 100 mẫu tây. Mọi việc xây cất, từ việc định phương hướng, kích thước, kỹ thuật v.v... đều do sự hướng dẫn của Thiêng Liêng mà người đứng đầu trong việc điều khiển trực tiếp là Ngài Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

Tòa Thánh Tây Ninh đã được kiến thiết qua nhiều giai đoạn, cho đến ngày 6 tháng giêng năm Ất Mùi mới được khánh thành. Toàn bộ Tòa Thánh có chiều dài 145m, rộng 40m, Bát Quái Đài cao 30m, Cửu Trùng Đài cao 25m, Hiệp Thiên Đài cao 36m, có nhiều đền đài, cung thất nguy nga tráng lệ, xứng đáng là Giáo sở Trung Ương có tầm vóc quốc tế.

**Nhịp độ thứ 2:**

Đây là nhịp độ chia chi rẽ phái trầm trọng. Bất cứ ai là người tín đồ Cao Đài cũng phải nhận thấy việc chi phái trong đạo là một vấn đề rủi ro đáng buồn. Cho nên suốt cả khoảng thời gian trên 60 năm qua không lúc nào người tín đồ không cầu nguyện cho nền đạo sớm qui hiệp về một mối. Tuy nhiên, lòng mong đợi của mọi người đối với tương lai đạo nghiệp dẫu rất nhiệt thành nhưng vẫn chưa đạt thành sở nguyện khiến cho nền đạo từ buổi mới chớm hình thành đã phải nảy sinh mầm chia rẽ, để rồi đưa đến trên 10 phái đạo khác nhau với nhiều chủ trương cùng cách hành sự khác nhau.

Nếu bảo rằng đây là Thánh Ý của Thầy sắp đặt, thì thật không thể nào chấp nhận được. Vì Thầy đã luôn luôn dạy bảo là "Sự thương yêu là hạnh của Thầy". Bao giờ Thầy cũng muốn các con cái của Thầy hoà hiệp nhau, xem đó như là lễ phẩm quí báu nhứt dâng lên cho Thầy.

Nhưng chỉ riêng có 2 điều được xem là đồng quan điểm giữa các Phái Đạo: Đó là lòng mến mộ vô tư giữa tín đồ và tín đồ, không phân biệt màu sắc, đẳng cấp và địa phương.

Một điều nữa là sự phát triển cơ đạo vô cùng ngoạn mục bằng mọi cách, ở mọi nơi, của mọi phái đạo. Hai điều này đã khiến cho mọi người dù chủ quan hay khách quan cũng đều rất đỗi ngạc nhiên sửng sốt. Vì lẽ đó, cho nên mặc dù đứng trước cảnh chia chi rẽ phái rất trầm trọng mà người tín đồ vẫn cảm thấy an ủi tự hào, vì nền đạo đã do sức bành trướng đua chen của chi phái mà trải rộng khắp nơi tạo thành thế đứng tương đối an toàn, trong khi thành phần chủ yếu của đạo là tín đồ thì đồng tâm nhất trí, chỉ biết thờ một Thầy, xưng một danh đạo và luôn luôn dễ thông cảm hoà nhịp cùng nhau như là một khối.

**Nhịp độ thứ 3: Hội Thánh Trung Kỳ.**

Từ sự phân chia trên từ 10 chi phái đạo trong Nam, lần đến cách

thống nhất hành động trong xây dựng một điểm tựa trung hòa tại miền Trung là Hội Thánh Trung Kỳ, trụ sở tại Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tiền thân của Hội Thánh Trung Kỳ là các phái đạo từ trong Nam đã hội tụ và phát khởi tại Thánh Thất Trung Thành, một Thánh sở đầu tiên ở thành phố Đà Nẵng, tiêu biểu cho sự hòa hợp và cộng tác.

Ở đây thấy cũng cần nhắc lại những thành phần tượng trưng và nòng cốt nhứt trong thời điểm này nói lên tinh thần hòa hợp duy nhất, như: "Tiên Thiên với Ngài Thượng Chưởng Pháp Lê Kim Tỵ, Minh Chơn Đạo với Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang và Bảo Đạo Cao Triều Phát, Liên Hòa Tổng Hội với Ngài Tổng Trưởng Nguyễn Phan Long, cùng với toàn thể Thiên Phong Chức sắc và đạo tâm nam nữ đã sốt sắng nghiêng vai gánh vác trách nhiệm, làm gạch nối cho sứ mạng hòa hiệp và thống nhứt Đạo Thầy suốt nửa thế kỷ nguyện cầu mong đợi.

Và, hiện nay thì Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Giáo Sở Trung Ương tại Đà Nẵng; đây là một Giáo Sở tiêu biểu cho sự phát triển rầm rộ không ngừng, là một Giáo Sở kế thừa sứ mạng cao cả, trong đó có sứ mạng phát triển nền đạo, ứng với Thánh Ngôn của Thầy đã dạy năm Giáp Tuất (1934) là:

*"Trung từ đây đắp xây Chánh Đạo*

*Nam xướng lên kế hảo đoàn viên;*

*Kẻ thống nhất, kẻ qui nguyên,*

*Cơ quan sắp sửa tuyên truyền Vạn Linh."*

Có lẽ toàn đạo cũng đã thấy rõ sự phát triển của Hội Thánh Truyền Giáo. Trên đây chỉ mới lướt qua một phần nhỏ thôi. Nếu phải nói chi tiết về các giai đoạn quan yếu của lịch sử mở đạo, chắc phải tốn rất nhiều giấy bút và nhiều thì giờ.

Tuy nhiên, nghĩ cho cùng thì với bao nhiêu điều minh họa trên, cũng có thể nhấn mạnh được các trọng điểm cần thiết, có quan hệ sâu xa giữa người tín đồ với Đại Đạo. Rồi đây, những câu hỏi về do lai của Đạo Cao Đài sẽ không còn quá phức tạp nữa, dù cho đối với chính mình hay đối với bất cứ ai, nghĩa là: chúng ta có thể xác định được rằng.

Đạo Cao Đài không phải do một cá nhân nào đã sáng lập,

Cao Đài không do một người ở thế gian làm Giáo Chủ,

Đạo Cao Đài không phải là một kết quả ngẫu nhiên, và cũng không do một ý đồ riêng tư.

Trái lại, Đạo Cao Đài là hiện thân của sự đáp ứng cho lòng mong đợi của loài người, đúng vận hội và hiệp với Thiên Lý. Do đó, Đạo Cao Đài có sứ mạng "Qui vạn pháp, thống Chơn Truyền" để hình thành một tôn giáo mới. Nói theo nghĩa rộng Đạo Cao Đài là kết quả của quan niệm Tổng Thể Nhất Nguyên. Quan niệm ấy có nghĩa là toàn thể không gian và thời gian như là một tổng thể vĩ đại của tất cả sự điều hành của vũ trụ không ngoài qui luật thống nhất khởi sự từ nguyên sơ, cho nên có thể xem chân lý dó là "Thiên Địa vạn vật Nhất Thể".

Vì vậy, Đạo Cao Đài là một tôn giáo thích ứng với trình độ tiến hóa, thích ứng với văn minh khoa học, biết lấy cái Chân Lý siêu tuyệt cố hữu đem giải thích và vận dụng đúng với lẽ sống chân chính, đạo đức và tiến bộ hầu đưa tâm linh con người đến giải thoát cứu cánh. Đó là tất cả niềm tin và cũng là cơ sở tín ngưỡng chân chính của người Đạo Cao Đài vậy. Từ những khẳng định ấy mục đích và chủ trương của Đạo Cao Đài trở nên một vấn đề bình thường nhất, rõ ràng nhất và cũng thiết thực nhất. Đó là, Giải thoát con người và cải thiện thế gian.

Vâng, đối tượng giải thoát của Đạo Cao Đài là con người là chúng sanh. Cần phải giải thoát con người, giải thoát cả tinh thần

và vật chất. Con người có được giải thoát toàn diện, thì thế gian mới được cải thiện hoàn toàn. Đạo Cao Đài mong thế gian được cải thiện theo hướng Chân Thiện Mỹ. Như thế đó, mục đích và chủ trương của Đạo Cao Đài rất là bình thường và thiết thực. Nghĩa là không có sự khác biệt nào đối với ưu tư chung của các Đạo giáo Tổ Sư. Nếu có khác chăng là khác ở chỗ khởi hành, hoặc khác ở phương pháp thực hiện.

Tóm lại, người Đạo Cao Đài chúng ta hiện nay, mặc dù nền đạo chưa đến hồi hưng thịnh, nhưng cũng rất vui mừng thích thú và phấn khởi vô cùng, vì con đường chúng ta đương đi là con đường mà nhân loại sẽ đứng chung vào. Nói chắc điều này là vì lương tri tự tánh của con người, dù cho đời xưa hay đời nay, dù ở bên Đông hay bên Tây, dù dã đọc loại sách loại kinh nào đi nữa rồi thì cũng phải đi đến kết luận giống nhau như một, đó là Chân, Thiện, Mỹ.

Cũng bởi các lý do đó, mà tất cả mọi người tín đồ Cao Đài ngày nay dù chi này hay phái nọ, dù phân cách Đông Tây trăm phương ngàn ngả nhưng chắc hẳn rồi sẽ đồng qui về một và chúng ta cũng sẽ có rất nhiều bạn bè từ muôn phương đến với chúng ta trong một ý chỉ duy nhất là hòa bình và hạnh phúc. Bởi vậy, chúng ta có đủ lý lẽ và niềm tự hào để mà kêu gọi một sự đồng tâm nhất trí của toàn đạo, bất luận nam nữ, trẻ hay già, tín đồ hay Chức sắc, chúng ta nên nhìn về quá khứ của nền đạo, Thánh Ý của Thầy và căn nguyên của giáo lý, để cùng nhau đi đến chỗ duy nhất tinh thần, xóa bỏ mọi hoài nghi ngờ vực, hoan hỉ hàn gắn mọi xói mòn rạn nứt hầu tiến đến sự dung thông hoà hợp anh em thân ái hiệp sức chung tay, làm tròn sứ mạng và trách nhiệm cao cả mà Thầy đã giao phó.

Thế giới tuy rộng lớn mênh mông, nhưng chỉ có con người là gốc. Dù cho bác học danh nhân, văn tài trí thức, cũng chỉ phụng sự cho hòa bình hạnh phúc, tức là phục vụ con người. Đạo Cao Đài cũng như vậy, cũng phải lấy tín đồ

làm gốc. Dù cho chức sắc Thiên Phong, đạo gia lỗi lạc cũng chỉ để phụng sự cho tiến hóa và đạo đức, tức là phục vụ tín đồ. Các điều đó không thể trái ngược được. Vì tôn chỉ, mục đích và tổ chức của Đại Đạo cũng đều hướng về đó.

Cho nên tự hỏi: Bậc sứ mạng của nhà Đạo Cao Đài hiện nay phải nhìn vào đâu để mà hành sự, nhìn vào tín đồ hay là cái Ta?

Tất nhiên phải nhìn vào tâm nguyện chính đáng của tín đồ. Tâm nguyện chính đáng đó là gì?

Tâm nguyện đó là hòa hiệp, thống nhứt và phát triển nền Đạo. Có lẽ chúng ta đều nhất trí điều đó.

Vâng, trước cần phải hòa hiệp thống nhứt, thì mới có thể phát triển nền đạo của Thầy đến thành công viên mãn được.

☯

# Cảm thọ lời dạy
# "SẮC KHÔNG CHẲNG KHÁC"
## *Của Đức Bảo Pháp Chơn Quân*

**TRƯƠNG DUY**

Sau khi Đạo trưởng Thanh Long bỏ xác phàm, Ngài được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đưa về Đẩu Suất Cung tu luyện, thanh lọc xong phần tỉnh thức lậu nghiệp, đúng mười một tháng sau đó, Ngài được *"Thầy cho về cùng Hội Thánh để giữa anh em đồng Đạo bày tỏ đường hướng sứ mạng…"* (Lời của Đức Thái Bạch Tiên Trưởng trong Dàn cơ 08-1 Đ Đ.57). Trong "những niềm ưu tư về Đạo" (Lời của Đức Bảo Pháp Chơn Quân, cũng trong cùng Đàn cơ vừa nêu) ấy, có đoạn bài như sau:

*"Nhìn tâm vật sắc không chẳng khác,*
*Mới là người thấu đạt cơ vi;*
*Hơn thua phải trái mà chi,*
*Công truyền, Tâm pháp đồng thì phải tu…".*

Khó hiểu nhỉ? Theo định nghĩa đơn giản, thì rõ ràng, "Sắc" là hình tướng hiện ra thấy được; "Không" là không hình tướng, không thấy được. Vậy thì khác nhau quá đi chứ! Sao lại nói *"Sắc Không chẳng khác"?*

Phải chăng huynh đệ mình thấy khác vì cứ mãi dính mắc vào nhị nguyên; Phải chăng, nền Đại Đạo bị phân ly bởi huynh đệ mình luôn chấp trước theo đôi bờ đối đãi: *"hơn thua phải trái"?* Thật vậy sao? Sao chúng ta có thể quên rằng "sắc" là pháp tướng. Mà, bản chất của pháp tướng là vô thường, duyên sinh. Vì lý do này mà mỗi một thực thể toàn vẹn biến đổi thành những hình thức đa dạng; Ta gọi các trạng thái này là đa thù. Còn nguồn gốc, bản chất, nội dung của thực thể ấy thuộc về Tánh Không. Tánh Không là thuần nhất. Đây chính là bổn nguyên, bổn tâm, bổn tánh của mọi chúng sanh.

Nói khác hơn: Công truyền, Tâm pháp hay là gì đi nữa đều cũng do bởi duyên sinh mà thành. Đó là đa thù. Nhưng, nguồn gốc, bản chất, nội dung của Đại Đạo là thuần nhất. Thuần nhất là cảnh giới lý tưởng tuyết đối, là Ánh Sáng, là Đức Chúa Trời, là Phật, là Cha, là Thầy... Nói chung, đây là nơi hội hiệp mà bất cứ mỗi một ai cũng phải quay về! Huynh đệ mình đều phải về nơi ấy, về nguồn đấy thôi!

Mà phải quay về nguồn bằng cách nào, con đường nào cơ chứ?

Thưa, cách đây hơn hai nghìn năm đã có câu trả lời cho vấn đề này rồi đấy!

*"Hãy qua cửa hẹp mà vào…".* Đó là lời Chúa.

Đức Jésus Christ đã dạy rất rõ ràng rằng:

*"Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó. Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.*

*(Lc 13,24)*

Thưa vâng, *"Cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống"*. Đường chật là con đường nhỏ, chứ không phải con đường chật ních người qua lại như ở ngã năm, ngã sáu Sài Gòn, như những con đường chạy ngang qua các khu công nghiệp ở Thủ Đức, Long Bình vào những giờ cao điểm, giờ tan tầm đâu!

Con đường nhỏ này chắc chắn không phải là con đường lên đỉnh Olympia trong những cuộc thi về kiến thức do VTV3 tổ chức. Nếu là phải, thì thiền sư Nan-in đã không rót nước trà để cho tràn ly, rồi nói với một vị giáo sư đại học người Nhật, khi ông ta đến hỏi về thiền:

*"Giống như cái tách này" Nan-in nói, "ông cũng đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng của ông. Làm sao tôi có thể bày tỏ thiền cho ông được, trừ phi ông cạn cái tách của ông trước?"*.

Con đường này cũng chẳng giống với con đường nhỏ vào cuối thu có lá vàng rụng nhiều của Thanh Tịnh khi còn e ấp bên mẹ đến trường; Vì đó là con đường của kỷ niệm, con đường của quá khứ, mà người chân tu như huynh đệ mình thì không nên nghĩ về quá khứ, không lo cho tương lai; Đó là con đường dẫn đến phiền não, là con đường mòn của sanh tử luân hồi, không ngõ thoát ly!

Vậy thì, con đường nhỏ này phải như thế nào?

Thưa, đó là con đường của Kinh, giới, luật, lễ nghi, pháp môn… do tôn giáo mà mình đang theo đã vạch sẵn. Ta nói: Đây là con đường chật hẹp vì con đường của Giáo pháp không cho chúng ta tự do sát sanh hại vật; cấm gây tang thương, chia ly, chết chóc cho nhân loại, đồng bào,

cho cả người thân! Con đường hẹp còn ngăn cản sự phóng túng của lục căn khi tiếp xúc với sáu trần; Nếu không, chúng sẽ trở nên dòng thác lũ cuốn hút, nhận chìm ta vào dòng chảy của căn trần, mờ tối linh quang!

Linh quang là lý bản thường, là thể tánh có cả tĩnh và động tuyệt đối. Thế, mới xảy ra câu chuyện với câu trả lời ngoắt ngoéo vòng vo, rối rắm nhưng ý nghĩa lại thâm trầm sâu sắc như sau;

Thiền sư Sư Nhan Đoan Nham, lúc còn hành khước, đến Ngài Nham Đầu, hỏi:

- Thế nào là lý bản thường?

Ngài Nham Đầu đáp:

- Động.

- Khi động thì thế nào?

- Chẳng phải lý bản thường.

Sư trầm ngâm giây lâu. Ngài Nham Đầu liền nói:

- Chấp nhận tức chưa ra khỏi căn trần, chẳng chấp nhận tức hằng chìm sanh tử.

Sư nhân đây lãnh hội.

Sư lãnh hội cái gì?

Thưa, câu trả lời của Ngài Nham Đầu, ta cứ tạm gọi là vòng vo, rối rắm: Động với chẳng động, chấp nhận với chảng chấp nhận; Nhưng câu nói sau cùng như một quả penalty do một tiền đạo thượng thặng sút thẳng vào gôn: *"Chấp nhận tức chưa ra khỏi căn trần; chẳng chấp nhận tức hằng chìm sanh tử"* đã giúp cho sư Sư Nhan Đoan Nham thấy rõ con đường Trung Đạo. Nhờ con đường Trung Đạo này mà hành giả không bị mắc kẹt hai bên bờ đối đãi. Con đường giải thoát, con đường để trở về với Ánh Sáng, với Bản Thể Chân Như là ở đó.

Huynh đệ mình thường bị mắc kẹt ở nhị biên, không bên này thì bên

kia; không chạy theo "tốt" thì dính vào "xấu", không thiên lệch về "thiện" thì dựa dẫm vào "ác", không chấp chỗ "hung ác" thì lại nghiêng ngã theo cái "hiền lành"…Cùng một tình huống xảy ra mà người này khen "phải", kẻ kia chê trái. Người tu đã tự nhủ với chính mình là hãy buông bỏ hết thảy để tâm an, lòng nhẹ; Thế mà, chưa đụng đến thì thôi, nhưng khi va chạm vào thực tế thì tranh hơn, sợ thua từng li, từng tí.

Vì sao vậy?

Vì, trong cuộc sống đời thường chúng ta đang ở nơi động và động chuyển theo, nên quay cuồng theo cảnh. Vì vậy mà lúc ấy huynh đệ mình bị rơi tự do vào trạng thái Đa thù, nên thấy khác, nên cãi cọ, hơn thua. Chắc chắn là lúc đó chúng ta không thể nào tự hỏi: Các bậc ngộ Đạo thì ở nơi động mà vẫn luôn luôn ở trong từng sát-na hiện tiền bất động, nên các Ngài rất tự tại nơi trần thế, vẫn hành trì hoàn hảo việc Công Truyền mà hằng sống với tự tánh thanh tịnh thường nhiên. Phải chăng các bậc Đại ngộ ấy đã có một cái gì đó quán xuyến tất cả mọi tình huống đối lập nhau. "Cái gì đó" luôn luôn hiện tiền và siêu vượt mọi chấp trước nhị biên. Phải chăng "Cái gì đó" chính là con đường Trung Đạo? Các Ngài đã từng an nhiên, thong dong, tự tại đi trên con đường đó, còn mình sao không? Cứ gắng sức mà thử một lần xem sao!

Cùng với sự gắng sức ấy, chúng ta cũng nên bình tĩnh lại mà tự nhắc nhở mình: Ai lại không có tự tánh? Mình cũng có cơ mà! Tự tánh là *"Không một vật"*, không đến không đi, không hề biến đổi, nên Lục Tổ bảo *"Đối cảnh tâm thường sanh, Bồ Đề làm gì lớn"*. Biết vậy nên đừng để cho tâm mình bị dính chấp, đừng chạy theo cảnh thì tâm tự khắc sẽ thanh tịnh, Bồ Đề ắt phát sinh. Đạt đến cảnh giới giác ngộ rồi thì sẽ thấy có việc gì là lớn lao đâu? Đã không có gì lớn lao thì sao mình phải hơn thua cho mệt?

Bởi vậy nên Ngài Bảo Pháp Chơn Quân mới dạy:

*"Hơn thua phải trái mà chi,*
*Công truyền Tâm pháp đồng thì phải tu".*

Cũng giống như vậy, chúng ta thấy "Sắc", "Không" có khác vì mình bị mắc kẹt ở bên bờ đối đãi nào đó. Nếu muốn vượt thoát ra khỏi sự chấp dính ấy, trước hết, ta phải hiểu sâu hơn câu Kinh Bát Nhã "Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc". Cứ thử nghĩ: Khi chúng ta có vàng ròng, bạc tỷ, vợ đẹp, con xinh; hay chồng là "người đàn ông đích thực" (Lời quảng cáo của một loại dầu gội); Tiền bạc, của cải thì đã được cất giấu hay gửi ngân hàng hẳn hoi; chuyện lứa đôi thì đang cầm giấy hôn thú trên tay, nhưng liệu chúng ta có sợ mất hay không? Chắc chắn là trăm người như một đều nói có. Vì sao vậy? Vì ta sợ cái "Không" và "có", "còn" và "mất", "sinh" và "diệt"… của tính chất vô thường đều ẩn chứa, có đủ trong mỗi một sự vật, hiện tượng. Nếu như một ai đó không thật lòng mà nói không, thì sau đó chắc sẽ đỏ mặt cho mà xem, khi họ nghĩ rằng; "Ủa, mình cũng biết ghen tuông, cũng biết dòm chừng của báu, cũng dè xẻn khi chi tiêu, cũng sợ những đứa con có thể trở nên hoang đàng, hư hỏng…cơ mà!

Ta nói "ẩn chứa" và "có đủ" vì theo Kinh: Có là không, không là có; Có chẳng khác không, không đâu khác có. Như vậy, "Sắc" và "Không" chẳng phải là hai mặt đối lập, tương phản nhau; Chẳng phải phạm trù này có thì hiện tượng kia không và ngược lại. Chúng tồn tại song song nhau, nương nhau mà hiện hữu. Không nằm ngay trong Có. Có là biểu hiện bề mặt của không. Không thể tìm không ở ngoài Có, không thể tìm bản chất ở ngoài hiện tượng. Không chẳng phải là một khái niệm thuần lý, cũng không là một thực thể có hình tướng cho ta nắm bắt.

Sắc là dụng với muôn màu muôn vẻ, nhưng bản thể của tất cả đều Không. Không chẳng phải là không có gì, mà là không có tự thể. Muôn pháp đều do duyên hợp mà thành, khi hết duyên, chúng trở về Không;

Như bầu trời trong xanh với những vầng mây bàng bạc, ta thấy đâu sấm sét mà tìm? Nhưng do duyên sanh hai vầng mây có mang hai nguồn điện tích khác nhau hợp lại tạo nên ánh chớp và tiếng nổ rền trời. Hết duyên, chúng xa nhau, không còn sấm sét, cuối cùng trở lại Hư Không. Như vậy, Sắc do các Phi Sắc kết hợp theo duyên, tức từ Không mà có; lúc hết duyên, Sắc thành Không. Chúng ta cần quán sâu hơn ở chỗ: Chẳng phải trước khi Sắc sanh hoặc sau khi Sắc diệt mới là Không, mà trong hình tướng Sắc đã là bản thể Không ngay đó. Vì thế, Sắc tức Không và Không tức Sắc. Không là Thể tánh thuần nhất. Sắc là động dụng đa thù. Vì vậy, Công Truyền và Tâm Pháp chỉ là sự biểu hiện động hay tịnh của Đạo, nên Ngài Bảo Pháp Chơn Quân nói *"chẳng khác"* là vì vậy.

Thực tế hơn,

Đệ buồn vui, lo âu, chân thành hay xảo quyệt…,huynh tỷ chẳng bao giờ biết được đâu nếu không quán xét về ngôn ngữ, cử chỉ, ánh mắt…hiện ra trên khuôn mặt. Các trạng thái trong và ngoài như vừa nêu đều là duyên khởi. Chúng sinh ra từ Thể tánh. Đây gọi là Y tánh duyên khởi pháp. Y tánh là Tánh Không, Duyên khởi là nhờ duyên mà sanh khởi. Không có Pháp nào rời Thể tánh mà có thể sanh ra. Vì vậy, Phật có thuyết Chơn Như duyên khởi, Lão Tử cho là: Muôn vật sinh ra từ cái Có, Có sinh từ nơi Không. Khổng Tử gọi cái Không ấy là Thiên Lý, Thiên Mệnh. Đạo Thiên Chúa dạy rằng Chúa Trời là Đấng sáng thế tạo ra toàn thể vũ trụ. Triết thuyết Phương Đông có khái niệm Hình Nhi Thượng là Chơn Như, Hình Nhi Hạ là vạn tượng. Ở đây, ta thấy rằng; Tuy có nhiều tên gọi khác nhau nhưng tất cả cũng đều chỉ ra cái bản thể không tên gọi ấy mà thôi.

Từ đó ta có thể khẳng định: Sắc và Không đều có chung một bản thể; Công truyền và Tâm Pháp đều khởi nguồn từ Đạo; Đạo là đường lành đưa ta về với bản thể Chân Như.

Tương tự việc " nhìn mặt mà bắt hình dong" như đã ví dụ trên, nhờ Công Truyền mà người đời biết được con đường lành của Đạo, vào Đạo, theo Đạo cho đến cuối đời, thực thi hoàn hảo con đường Thế Đạo đại đồng; Nhờ Tâm Pháp mà người Đạo thoát xa mọi cám dỗ ngọt ngào, vượt qua những thử thách cam go để hành trì chu toàn, viên mãn con đường Thiên Đạo giải thoát.

Hai con đường Thế Đạo và Thiên Đạo phải được thực hiện theo thứ tự trước sau như thế nào?

Thưa, từ nội dung của câu hỏi, ta thấy ở đây đã bộc lộ sự hiểu nhầm rồi! Câu *" Nhơn Đạo bất thành, Thiên Đạo viễn hỷ"*; Không phải dạy ta tu xong phần Thế Đạo rồi mới được bước lên Thiên Đạo đâu! Có thể huynh đệ mình hiểu nhầm, mà biết đâu cũng có hiền hữu cố tình uốn cong chân lý để tạo đà mà nấn ná, dần dà, trì hoãn việc thọ Pháp tu?

Thôi, là gì đi nữa, đệ cũng xin thưa, Thế Đạo và Thiên Đạo phải hành trì cùng một lúc. Vì sao? Vì giống như *"Công Truyền, Tâm Pháp đồng thời phải tu"* vậy mà! Thử Nghĩ, mình đợi đến bao giờ mới tu xong phần Thế Đạo? Theo nhiều tư liệu phỏng đoán, quả đất này đã hình thành hơn bốn tỷ rưỡi năm rồi, thế gian này cũng "già" đến cỡ ấy; vậy mà sự thế có hết diễn ra đâu? Sự thế còn tiếp diễn thì việc "đối cảnh tâm thường sanh" cũng "ăn có" theo! Nếu thế thì tu đến bao lâu mới hoàn tất bước đầu? Năm tỷ năm? Mười tỷ năm? Hay tỷ tỷ năm? Đó là chưa nói đến việc không tự giải thoát được, thì cũng có thể mình bị sa chân vào ba đường ác đạo của sáu nẻo luân hồi đấy nhé! Đến thế thì đành chịu " nghìn trùng xa cách" (tên của một bài hát) mà thôi!

Vậy thì sao?

Thưa, vậy thì ta vận dụng từ "đồng thời" của Ngài Bảo Pháp Chơn Quân đã dạy ở đoạn Thánh giáo trên. Hai lĩnh vực Thiên Đạo và Thế Đạo thường hay bổ sung cho nhau thật hữu ích và kịp thời để cùng nhau

thăng hoa lắm đấy! Chẳng hạn, khi mình đang túng quẫn về mặt kinh tế mà lại nhặt được một khoản tiền lớn, liền định thủ giữ để giải quyết khó khăn ít nhất là trong tình thế vô cùng cấp bách này. Nhưng rồi, bỗng dưng Thần Khí nhiệm mầu từ lời Thánh Ngôn của Thầy ngăn lại:

*"Thành tâm niệm Phật,*
*Tịnh, tịnh, tịnh, tịnh, tịnh.*
*Tịnh là vô nhất vật,*
*Thành tâm hành Đạo".*

Liền theo đó là sự quán xét: Mình đang nghĩ gì và làm gì vây? Đang chiêu tập sự tham lam, vô nhân chăng? Vậy mà đòi tịnh ngũ căn là sao? Vậy thì làm gì có " Tâm không một vật" để được thanh tịnh?

Sau sự đấu tranh cam go, khốc liệt ấy là việc tìm được người bị mất để trả lại khoản tiền trên.

Ngược lại, cũng nhờ việc hành nhân ấy mà thân tâm của hành giả thêm an lạc trên con đường hành trì Tâm Pháp.

Thấu suốt sự hỗ tương qua lại của hai con đường Công Truyền và Tâm Pháp là vô cùng diệu dụng nên Ngài Bảo Pháp Chơn Quân khuyên người tu không nên ẩn trú mãi trong cảnh tĩnh lặng của Tâm Pháp mà sau khi liễu tri lẽ thật, phải bước ra, dùng công phu tu luyện của mình đã chứng đắc để thổi luồng sinh khí vào đời. Đây là đem Đạo vào đời, là Công Truyền vậy.

Đề cập đến việc chứng đắc, ta liền nghĩ ngay đến lời khuyên của Ajahn Chah trong Suối Nguồn Tâm Linh: "Chúng ta có thể tu hành hầu có thể nhận biết trí huệ thật để tự mình buông bỏ mọi ràng buộc". Lại có trí huệ thât., trí huệ giả ư? Có đấy! Phân tích điều này thì dài dòng lắm. Với phạm vi của bài viết, ta có thể nói gọn : Trí huệ thật là những điều đã quán xét thật sâu để thấy rõ mặt thật của sự việc; có khi phải vào tận hang

hùm để bắt được cọp vậy; Giống như Lưu Xứ Huyền phải vào tận trong làng buôn hương bán phấn ở Hàng Châu và Tô Châu để luyện trừ sắc tướng mà tu đắc thành một vị Chân Tiên. Nghĩ đến đây đệ bỗng bật cười. Cười là vì, với trình độ của những bậc Chánh giác thì mới dám tu theo kiểu đó, chứ còn lơ tơ mơ như đệ thì vào nơi ấy chỉ có mà tiêu cả hồn lẫn xác!

Còn trí huệ giả thì sao? Là loại nhận biết hời hợt. Vì hời hợt nên bị lòng tham dục phỉnh dụ mả hành giả mê lầm, đi lạc đường Chánh Giáo; như thấy kiếp trước mình là công chúa, là tiên ông…, bây giờ thì xưng mình đã thành Phật bà, ông Bồ tát… chẳng hạn. Thế là vô cùng nguy hiểm! Nguy hiểm vì tưởng là mình tu đã phát huệ nên đem cái mê tín, vô minh đó mà gieo rắc sự lạc lầm, mê đắm cho chúng sanh!

Nhiều bài Thánh Ngôn, Thánh Giáo đã dạy cho huynh đệ mình biết: Thời buổi nầy giả thật khó phân, chỉ có trở về với Thuần nhất con đường chơn chánh. Quan niệm về Sắc - Không, sự dị biệt về Công Truyền - Tâm Pháp cũng khó bề hóa giải! Chỉ có con đường Trung Đạo mới đáp ứng một cách thỏa đáng các yêu cầu trên. Để xóa mờ đến không còn sự dị biệt, Đức Bảo Pháp Chơn Quân không quên vạch ra một đường lối rõ ràng và khả thi:

*"Lấy công quả đền bù nợ trước,*
*Dụng công phu chế ước lòng tà;*
*Để rồi tự giác, giác tha,*
*Song hành Phước Huệ mới là viên thông".*

*(Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01-ĐĐ 57)*

# NHÂN TÍNH CỦA ĐỨC GIÊ-SU TRONG ƠN CỨU CHUỘC

**TRẦN QUỐC HUÂN**

Trong công cuộc rao giảng Tin Mừng về Đức Giê-Su Ki-Tô, mỗi tín hữu luôn có bổn phận loan báo Tin Mừng cho tất cả mọi người xung quanh về ơn cứu chuộc mà Thiên Chúa đã thể hiện qua con người của Đức Giê-Su: "Ngài đã nhập thế - từ bỏ thân phận Thiên Chúa để làm người phàm hèn mọn, bé nhỏ, để cứu chuộc muôn dân." Trong thân phận làm người, Đức Giê-Su sống giữa trần gian, chịu đựng tất cả tội lỗi của con cái trần gian và cứu chuộc mọi người bằng giá máu. Giá trị của sự cứu chuộc ấy được diễn đạt qua nhân tính của Đức Giê-Su.

oOo

Chương trình cứu chuộc bắt đầu với sự vâng phục của Đức Maria khi tiếp nhận Đức Giê-Su trong cung lòng. Khi được sinh ra tại hang Bê-lem, Đức Giê-Su mang lấy thân phận người phàm. Cuộc đời của Ngài giữa trần gian này cho mọi người biết Thiên Chúa ở giữa chúng ta, sống cùng chúng ta. Đức Giê-Su đã làm nên những mẫu mực sống động cho mọi người noi theo – cách sống, cách ở, cách làm việc, cách trở nên con người hoàn thiện trong thế gian đầy gian dối, lừa lọc.

Trở nên một người con trong một gia đình nhỏ bé, đơn hèn, nghèo khổ ở Nazaret, được cha Giu-se và mẹ Maria che chở, chăm sóc, Đức Giê-su muốn cho mọi người hiểu giá trị lớn lao của gia đình, dù gia đình đó ở thứ bậc nào của xã hội, giàu sang hay nghèo hèn.

Sự bách hại của vua Hê-rô-đê buộc thánh gia thất phải trốn chạy để bảo vệ hài nhi. Cuộc trốn chạy đó cho mọi người nhìn ra được bậc làm cha mẹ luôn muốn sự hạnh phúc, an vui, bình an cho con cái, gia đình mình. Con cái trần gian mà còn muốn sự an bình cho gia đình mình đến vậy huống hồ Thượng Đế là Cha chúng ta, Ngài luôn thương yêu, nâng đỡ, bảo vệ, an ủi con cái thế gian.

Đức Giê-Su cũng đã nhận được sự dạy dỗ của Mẹ Maria và Thánh Cả Giu-se để trở nên một người con mẫu mực, ngoan hiền, luôn biết vâng phục cha mẹ. Mặc nhiên chấp nhận làm con người, Đức Giê-su sống giữa trần gian âm thầm, lặng lẽ, không ai biết đến. Thánh Kinh, Thánh Sử, Thánh Truyền không nói nhiều đến cuộc đời niên thiếu của Đức Giê-su. Trong 30 năm âm thầm ấy, Ngài thực sự hòa quyện trong nhân thế, sống hỉ nộ ái ố như bao người trần gian. Thiên Chúa đã sắp xếp chương trình cứu chuộc, Người lựa chọn giữa muôn người để ngự vào một cung lòng hoàn hảo trong một dòng tộc, một gia đình thánh thiện. Người chọn cho con một một người mẹ tuyệt hảo giữa những thiếu nữ thế gian, mang Đức Tin khiêm hạ, uy nghiêm, dịu hiền, phẩm giá đạo đức, biết yêu người và kính sợ Thiên Chúa. Người lựa chọn một người

cha nuôi thật sự thánh thiện, đạo đức và công chính, sống giữa đời thật trung tín, biết kính sợ Thiên Chúa.

Như vậy, Thiên Chúa đã xây dựng ở trần gian một gia đình thánh để làm mẫu mực cho mọi gia đình ở trần thế, từ bậc cha mẹ đến con cái. Người đã làm nên một hình mẫu người con dương thế với nề nếp mẫu mực của một người con thảo hiếu, vâng phục Thiên Chúa Cha và vâng phục cha mẹ nuôi ở trần gian, nên trọn đường nhân lành cho những người làm con cái ở đời tạm này.

Nhìn qua cuộc đời của Đức Giê-su, chúng ta thấy rõ Ngài đã làm người hoàn hảo ở trần gian, một cách cụ thể trong cuộc sống:

- Ngài đã sống làm một người con hiếu thảo, mẫu mực.
- Ngài đã sống làm một công dân tốt, thực thi mọi bổn phận của một công dân sống trên một đất nước.
- Ngài đã chứng tỏ tình yêu thương với cha mẹ và loài người trên thế gian.

oOo

Đoạn Tin Mừng Mt 3, 14-15 kể lại Đức Giê-su từ miền Galilé đến sông Giodan gặp Gioan để xin ông làm phép rửa. Đức Giê-su buộc Gioan phải thanh tẩy Ngài như những kẻ phàm hèn khác để thể hiện danh phận con người đi đến cùng đích con đường cứu chuộc.

Sau khi chịu phép rửa, Ngài vào hoang địa chay tịnh 40 ngày. Đoạn Tin Mừng Mt 4, 1-11 diễn tả sự cám dỗ của ma quỷ. Cám dỗ ấy chính là thử thách nhân tính của Ngài, càng làm sáng rõ sự xác tín và lựa chọn làm người để cứu chuộc của Ngài.

Sự việc Đức Giê-su tĩnh nguyện trong hoang địa 40 ngày đêm cho thấy khi con người cần làm điều gì, dự định một chương trình gì, cũng cần sự yên tĩnh để suy nghĩ cẩn trọng. Trước khi bắt đầu sứ vụ công khai rao giảng, Ngài cần suy xét những việc phải làm để cứu loài người –

những kẻ lạc lối, tội đồ, phản bội. Ngài phải chấn chỉnh các luật lệ. Ngài thỉnh nguyện Thượng Đế soi xét cho công cuộc Ngài làm. Phận làm người yếu đuối có những lúc dao động, Ngài cần định tâm suy trí về con người, qua đó nhận chân sự sa đọa của loài người. Chính giây phút đó mà Satan đã luồn vào suy nghĩ của Ngài để dẫn dụ Ngài vào tội lỗi xác thịt, vào ham muốn tranh giành địa vị, danh lợi. Ngài cảm nghiệm được cuộc sống con người, sống giữa lề luật mà không hiểu lề luật, sự tự do làm con người lạc nẻo. Satan tung hoành giữa thế gian, Thiên Chúa mà nó còn cám dỗ, huống chi con người yếu đuối. Cuộc tranh đấu với cám dỗ của Đức Giê-su cho ta thấy tự thân con người khó chiến thắng tội lỗi mà phải luôn cậy nhờ vào tình yêu thương của Thượng Đế.

Với thể xác phàm hèn, Đức Giê-su đã dùng đến những điều có uy quyền dũng lực để vực dậy thế gian, để kéo thế gian khỏi tội lỗi. Để củng cố lại lề luật, điều Ngài nhấn mạnh là mở rộng lòng con người ra để họ nhận được lòng yêu thương và tha thứ vì Thiên Chúa là Tình Yêu. Con cái Ngài phải sống có tình yêu Thiên Chúa và sẵn sàng chết cho tình yêu đó.

Đức Giê-su bắt đầu sứ vụ rao giảng bằng việc kêu gọi các tông đồ ra đi. Ngài muốn mọi Ki-tô hữu nối bước Ngài rao giảng nước trời để Tin Mừng được loan báo đến tận cùng bờ cõi trái đất. Tường thuật Mt 4, 23-25 cho ta thấy Đức Giê-su đã đi khắp vùng Galilé, vùng thập tỉnh, thành Giêrusalem, miền Giu-đê, bên kia sông Giodan. Ngài tạo nên sự tin cậy của mọi người, Ngài nói mà thảy đều cảm nhận một giáo lý mới, Ngài phán định bằng ngôn ngữ, hành động và tình cảm của con người.

Ngài giảng dạy khắp nơi trong vùng Ngài đến. Qua con người cụ thể Giê-su, Ngài đánh động mọi người, giúp họ hiểu thấu lý lẽ của đường Thánh và cách sống làm người. Ngài chỉ vẽ làm sao để nên công chính, cách ăn ở, suy nghĩ, lời nói, hành động. Vì yêu thương nhân loại nên Ngài hướng mọi người đi trong con đường yêu thương đó. Ngài

muốn mọi người phải biết tha thứ, tha thứ là dấu chứng tỏ làm con Thiên Chúa. Để mọi người vững tin, Ngài dạy chúng ta cầu nguyện trong nhân tính của con người là cầu nguyện thực tại ở trần gian, không cao siêu màu nhiệm, mà hãy nói thật lòng (Mt 6, 7-15; Lc 11, 2-4)

Trong hành trình rao giảng, Ngài đã tỏ rõ nhân tính trong con người Giê-su. Ngài chạnh lòng thương xót, Ngài nóng giận.

Những dấu lạ, điềm thiêng Ngài ban tặng, những phép lạ chữa bệnh Ngài làm đều phát xuất từ sự nhân từ và lòng yêu thương.Thương xót cảnh lầm than, cơ cực và đau khổ thể xác của con người, Ngài mang đến những ủi an, xoa dịu. Ngài đến, Ngài sống và làm người để mọi người nhìn vào Ngài thấy được mỗi con người nhân thế đều có thể làm được điều Ngài đã làm. Ngài cũng chỉ rõ muốn được như thế phải có lòng tin, đức tin vững vàng. Có đức tin mạnh mẽ, chúng ta có thể làm được những điều phi thường mà Ngài đã làm. "Không chút nghi nan, anh em sẽ làm được những điều Thầy làm, mà còn hơn thế nữa". (Mt. 21, 21)

Như vậy Đức Giê-su làm người là để củng cố lại niềm tin cho tất cả chúng ta. Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Ngài thì niềm tin của Ngài cũng là của con người, song Ngài ban tặng sự tự do lựa chọn cho con người mà vì không nghĩ suy thấu đáo, con người đã đánh mất niềm tin ấy. Thiên Chúa thật trước mắt mà không nhận ra. Chính sự nghi ngờ ấy mà con người không tin vào sự thật. Đức Giê-su đến để con người tin vào Ngài, và đồng thời tin vào giá trị quý trọng của con người như ngụ ngôn "chim sẻ và hoa huệ". (Mt.6, 26-30).

Đức Giê-su sống ở giữa chúng ta, Ngài cũng có bạn bè, họ hàng thân thích mà Ngài thương yêu (Gioan 11, 32-38). Ngài cũng tức giận khi thấy cảnh buôn bán ồn ào nơi đền thờ. Ngài nóng giận thật sự theo cách của một con người trần thế. Giống như mọi người, Ngài đã chịu đưng, và khi sự chịu đựng có mức độ bị vượt qua, Ngài đã phẫn nộ.

Và trước cuộc khổ nạn, Ngài cũng run sợ, một sự sợ hãi tột cùng của con người. Ai đứng trước sự chết mà không run sợ, mà đó lại là cái chết đến từ cực hình dã man nhất của loài người. Đau đớn xác thịt đó thật khủng khiếp nhưng vẫn không bằng đau đớn tâm can khi người mình yêu thương lại bán đứng mình, phản bội mình, những người mình lựa chọn lại quay mặt làm ngơ, thậm chí lên án và đòi giết mình. Khi bước vào vườn cây dầu, nhìn thấy trước những cảnh tượng mà Ngài phải gánh chịu cho tội lỗi của nhân loại, Ngài xao xuyến và mồ hôi như những giọt máu rơi xuống (Lc 22, 42-44).

Con đường Thập Giá chưa đến 1000m nhưng chứa đựng cả cuộc đời Ngài, hành trình đau khổ của Ngài cũng là cuộc sống con người nơi trần gian. Ngài đã vấp ngã trên đường lên núi Sọ và ông Simon đã ghé vai vực đỡ rồi vác đỡ Thập giá cho Ngài. Con người cũng cần được nâng đỡ trên con đường trần gian, và sự nâng đỡ nhau cho sự nên Thánh của mỗi người.

Đức Giê-su thực hiện ơn cứu chuộc bằng chính cuộc sống làm người của mình:

- Ngài đã sống hiếu thuận, là người con mẫu mực để mọi người noi theo.
- Ngài đã sống trong gia đình thánh thiện để mọi gia đình học hỏi, noi theo và trở nên thánh thiện.
- Ngài đã sống giữ đúng luật lệ Thiên Chúa như để nhắc nhở mọi người hãy sống đúng theo luật Chúa.
- Ngài đã làm một công dân tốt như một người Do Thái bình thường để dạy chúng ta trở nên một người dân đúng đắn, đừng vi phạm luật lệ thế gian.

- Ngài chính là người Thầy dạy chúng ta biết sống một cuộc sống toàn diện, cách sống thực sự là con Thiên Chúa. Ngài vạch rõ những lầm lạc để con người quay về bến bình an mà Ngài luôn giang tay chờ đón.

- Ngài đã sống với tâm hồn yêu thương và củng cố cho chúng ta thấy "Nhân chi sơ tính bản Thiện". Con người sinh ra là tình thiện, thiện tâm ấy là yêu người vì tất cả là con cái Chúa và Thiên Chúa là tình yêu.

- Chương trình cứu độ qua con đường nhân tính của Đức Giê-su là chương trình yêu thương lớn lao của Thiên Chúa dành cho con người, làm cho chúng ta có khả năng yêu thương thật sự như tình yêu Đức Giê-su đã truyền dạy.

oOo

Nét độc đáo của Đức Giê-su trong công cuộc rao giảng là Ngài luôn nghĩ về gia đình quê hương. Ngài luôn muốn mọi người biết quay về nguồn cội, Ngài quy kết tất cả về một mối là gia đình, là cái nôi yêu thương của loài người.

Ngài đã đưa gia đình bé nhỏ Nazaret của Ngài làm mẫu mực cho các gia đình hằng nhớ về cội nguồn gốc rễ của trần gian để nên trọn con đường Ngài đi. Trong thời gian rất ngắn 3 năm để đem Tin Mừng rao giảng khắp nơi nhưng Ngài vẫn dành thời gian về quê nhà của Ngài, thăm mẹ Ngài và những người thân thương (Mt 13, 53-58; Mc 6, 1-6; Lc 4, 16-30). Ngài tỏ rõ cho mọi người thấy con đường đến với Thiên Chúa rất gần khi mỗi người biết giữ điều răn thứ tư[1] mà Thiên Chúa ban cho loài người, là điều răn giúp con người nhận ra cuộc sống gia đình là chủ yếu cho đời sống đạo, và gia đình là cái nôi để đưa con người đến gần

1 Điều răn thứ tư: "Thảo kính cha mẹ"

Thiên Chúa. Sự yêu thương, bác ái, vị tha cũng phát sinh từ gia đình. Mọi người sống theo hiếu đạo thì tất yếu sẽ đi đến sự hoàn mỹ của đời sống trần gian: "Mọi sự làm đẹp lòng cha mẹ là đẹp lòng Thiên Chúa" (Colose 3, 20).

Sự gặp gỡ của Đức Mẹ với Đức Giê-su trên đường thương khó là hình ảnh gia đình rõ nét nhất trong con đường cứu chuộc của Ngài. Nhìn con yêu dấu lần cuối là sự chua xót chấp nhận của Mẹ. Nhìn Mẹ và hiểu thấu sự đau xót của người mẹ trần gian, Đức Giê-su luôn suy tư về thân phận làm con của Ngài. Bị treo trên Thập giá, Ngài vẫn dõi mắt nhìn người mẹ yêu dấu, rồi khi Mẹ ở dưới chân Thập giá, Ngài trao ban một tình yêu bao la, sắp xếp cho mẹ mình một người con yêu dấu khác để an ủi phần cuối cuộc đời cho mẹ [2]. Nghĩa cử cuối cùng trước khi phó linh hồn cho Chúa Cha chính là dấu chỉ thân phận làm con ở cuộc đời trần gian của Ngài, chu toàn một đời sống hiếu thảo mà Đức Giê-su đã lấy làm chủ đạo trong hơn 30 năm cho công cuộc cứu chuộc trần gian. Giây phút ấy đã soi chiếu cho chúng ta bắt nguồn từ điều răn thứ tư "Thảo kính cha mẹ" mà mọi người biết tôn thờ và yêu mến Thiên Chúa hết linh hồn, hết trí khôn cũng như yêu mến mọi người như chính mình.

Đức Giê-su đề cao vai trò làm cha, làm mẹ trong gia đình thế gian. Đời sống gia đình bắt nguồn từ hôn nhân là cao đẹp. Vợ chồng, cha mẹ, con cái sống với nhau trong một tình yêu nhưng không. Chính vì nét đẹp cao trọng của đời sống vợ chồng mà Thánh Kinh, Thánh Sử đã ví giáo hội và Đức Giê-su Kitô như vợ chồng (Epheso 5, 21-30). Chính vì thế mà giáo hội đưa hôn nhân lên hàng bí tích (Mc 10, 5-9). Chính vì thế mà

---

**2** Tin Mừng theo thánh Gioan Ga 19:25-27: Khi ấy, đứng gần thập giá Đức Giê-su, có thân mẫu Người, chị của thân mẫu, bà Ma-ri-a vợ ông Cơ-lô-pát, cùng với bà Ma-ri-a Mác-đa-la. Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giê-su nói với thân mẫu rằng: "Thưa Bà, đây là con của Bà." Rồi Người nói với môn đệ: "Đây là mẹ của anh." Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình.

Thượng Đế luôn quan tâm đến đời sống gia đình, giáo hội luôn công nhận gia đình và thiên chức cha mẹ là nguồn sống cho con cái và là nơi nuôi dưỡng Đức Tin.

Hiếu là đạo đức căn bản nhất trong đời sống con người. Thiên Chúa cũng đặt Hiếu là điều răn đầu tiên trong những điều răn đối nhân. Ngay sau ba điều răn thờ phụng Thiên Chúa, điều răn thứ tư dạy Thảo kính cha mẹ Đức Giê-Su đã dùng hơn ba mươi năm của Ngài ở trần gian để làm tấm gương hiếu thảo.

oOo

Đức Giê-su đã dùng hơn ba mươi năm của Ngài ở trần gian để làm tấm gương cho con người trần gian hiếu thảo với cha mẹ trần gian. Nhưng là hiếu tử của Chúa Cha, Ngài thực hiện ý Chúa Cha là đưa con người vượt thoát cuộc sống trần gian, hướng đến cuộc sống đời đời. Đối với Đức Giê-su, "mọi sự đã hoàn thành" chỉ sau khi Ngài gửi gắm Mẹ Maria cho Thánh Gioan, nhưng ngược lại, đối với con người trần gian chúng ta, trọn hiếu với cha mẹ trần gian chỉ là bước khởi đầu để trọn hiếu với Thượng Đế, và chỉ khi tròn đạo Hiếu với Thượng Đế, mọi sự mới đã hoàn thành đối với mỗi con người trần gian chúng ta. ☯

# THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN
# DẠY VỀ ĐỨC HẠNH NGƯỜI TU

**ĐỖ PHÚ QUỐC -** Họ đạo Từ Vân

Chúng ta được Thầy và các Đấng Thiêng liêng dạy rất nhiều về việc tu tâm dưỡng tánh những lời nhủ khuyên quý báu. Để không phụ công khó nhọc của Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng liêng hằng ngày chúng ta phải rèn luyện thân tâm trau giồi đức hạnh để trở nên người đạo đức xứng đáng là môn sanh của Chí Tôn Thượng Đế. Và trở thành người tín đồ gương mẫu của Đại Đạo.

Sau đây chúng ta hãy tìm hiểu một số quy điều mà Thầy đã dạy về đức hạnh của người tu trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

**1. Sự khiêm nhường.**

Khiêm nhường có nghĩa là khiêm tốn và nhường nhịn trong các mối quan hệ, không tự đánh giá cao bản thân mình và cũng không khoe khoang. Nói tóm lại khiêm nhường chính là không tranh hơn với người khác, khiêm tốn không ba hoa hay khoe khoang và đồng thời cũng là nhường nhịn sẵn sàng cho đối phương có ý nghĩ là hơn mình.

Thầy khuyên chúng ta bắt chước Thầy dầu là bậc Chí Tôn song còn hạ mình xuống thế để mở Đạo độ rỗi chúng sanh còn xưng mình là Tiên Ông và Bồ Tát là hai phẩm chót của hàng Tiên Phật.

Thầy dạy:

*"Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ rỗi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ… Cười…*

Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rỗi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy."

**2. Xem mọi người bình đẳng.**

Chúng ta không được thấy kẻ giàu sang mà kính ngưỡng , thấy kẻ nghèo hèn mà khinh bỉ.

*"Các con thường để mắt nhìn lên thấy kẻ cao sang thì các con cho rằng mình vô phước, còn nhìn xuống đồng chủng thấp hèn thì các con lại đem lòng khinh bạc ấy là điều vô đạo".*

**3. Luôn Sám hối sửa mình.**

Đã là người phàm thì ít nhiều chúng ta thường mắc phải những lỗi lầm trong cuộc sống. Nhưng nhận ra lỗi sai và sửa lỗi thường xuyên để ngày càng hoàn thiện bản thân, trở nên người đạo đức làm gương cho sanh chúng.

Thầy khuyên:

*"Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cắn rứt chăng?*

*Nếu phận còn nết chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh, thì phải biết cải hóa, rán sức chuộc lấy tội lỗi đã làm. Thì các con chẳng lo chi chẳng bì bực chí Thánh.*

*Thầy mong rằng các mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy, thì lấy làm may mắn cho nền Đạo, rồi các con sẽ được thong dong mà treo gương cho kẻ khác. Các con thương mến nhau, dìu dắt nhau, chia vui sớt nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó".*

**4. Phải cẩn ngôn cẩn hạnh.**

Cẩn ngôn nghĩa là nói những lời chơn thật, chánh đáng, có đạo đức để người nghe phát tâm hành thiện hay tu hành.

Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây ra khẩu nghiệp. Trong Tam nghiệp thì khẩu nghiệp dễ mắc phải nhứt, vì lời nói không mất tiền mua, nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi vô tội vạ. Nhưng người tu nên nghĩ rằng: lời nói không tốt sẽ gây ra khẩu nghiệp, cũng nặng nề như thân nghiệp và ý nghiệp vậy.

Cho nên khi nói ra lời nào, phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại hay phiền giận cho ai không.

Bên Tây phương có một câu châm ngôn làm lời khuyên rất quí báu: *"Trước khi nói hãy uốn lưỡi bảy lần".*

Nho giáo có dạy rằng: Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ táng bang. (Một lời nói có thể làm nước hưng thịnh, một lời nói có thể làm nước mất).

Thầy đã dạy:

*"Một câu thất đức thiên niên đọa*
*Nhiều nỗi trầm luân bởi ngọn ngành"*

Thầy có dạy:

*"Các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà các con làm tội mà chịu tội cho đành hơn là các con nói tội, mà phải mang tội trọng hình đồng thể."*

Hoặc: *"Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh"*.

Tác phong đức hạnh của chúng ta phải luôn được trau giồi vì đó không những giúp cho đường tu ta tinh tấn mà còn là hình ảnh mà người ngoài nhìn vào đó sẽ đánh giá không những riêng cá nhân mà cả cộng đoàn tu học của chúng ta.

*"Các con phải giữ gìn đức hạnh đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hòa, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung."*

Thầy dạy:

*"Thử nghĩ lập một nước còn dễ hơn dạy một người dữ đặng hiền, huống chi trong Tam Kỳ Phổ Độ nầy các con phải độ rỗi cả nhơn loại khắp cả năm châu, thì trách nhậm ấy lớn lao là bực nào? Cái hạnh và cái đức của các con nó phải phù hạp với cái trách nhậm mới đặng. Các con là đèn và gương soi của nhơn loại; phải tập mình cho xứng đáng. Các con có đặng hạnh phúc ấy là do học đặng mảy mún nơi Thầy, mà Thầy dạy các con chẳng nghe, Thầy sai các con chẳng tuân.*

*Tu thân còn chưa xong, thì thế nào mong mỏi thành Tiên Phật đặng?"*

**5. Phải cần kiệm.**

Tại thế gian này khi chúng ta còn khả năng thì phải chuyên cần làm việc để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, phải tiết kiệm không phung phí se sua vì còn lắm người còn khó khăn thiếu thốn cái ăn cái mặc.

Thầy dạy chúng ta phải chuyên cần và tiết kiệm, mặc đồ bô vải.

*"Vì đồ bô vải là tấm gương đạo đức, các con đã rõ Đạo thì biết đức cần kiệm là đức hạnh đầu trong lúc các con ở thế gian này. Sự lãng phí se sua ở đời này Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy."*

**6. Tu hành phải khổ hạnh.**

Chúng ta nên hiểu rằng sự khổ hạnh chính là việc mà Thầy và các Đấng Thiêng liêng dành cho ta để chúng ta trả cho xong nợ gây ra trong những kiếp trước. Do vậy ta phải vui vẻ mà nhận lãnh mà hòng trả cho hết nợ trong kiếp này.

*"Nên trò đạo đức dễ gì đâu?*
*Vui chẳng vui, sầu chẳng dám sầu.*
*Cái khổ của đời mình ước vọng.*
*Cái chê của chúng lại nài cầu"*

*"Thầy nói cho các con hiểu rằng: Muốn xứng đáng làm môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu.Như đặng làm môn đệ Thầy thì Bạch Ngọc Kinh mới chịu rước, còn ngã thì cửa địa ngục lại mời. Thương thương ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi!*

*Bởi vậy cho nên Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyến dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quỉ dỗ dành..."*

**7. Tu hành phải vong kỷ vị tha.**

Vong kỷ vị tha là quên mình vì người.

Muốn phụng sự nhơn sanh thì phải quên mình mà vì người, coi người trọng hơn bản thân mình, thì việc phụng sự mới đúng ý nghĩa và mới đạt hiệu quả cao.

Chủ nghĩa vị tha dựa trên nguyên tắc đạo đức đòi hỏi chăm lo một cách vô tư đến ích lợi của người khác.

Giáo lý các tôn giáo đều khuyến khích sự vị tha, nhứt là Đạo Cao Đài với chủ trương phụng sự nhơn sanh thì lại càng gắn bó với sự vị tha.

Thầy dạy:

*"Người đạo đức thuần thành phải đi ngược lại người thường tình thế sự, sự vui buồn sướng khổ của minh đều tùy thuộc nơi sự vui buồn và sướng khổ của nhơn sanh. Phải biết vong kỷ vị tha, quên mình hy sinh hạnh phúc riêng tư mà chỉ nghĩ tới hạnh phúc tha nhân, vui cái vui của thiên hạ... Vì phải đoái lại bá thiên vạn ức nhân sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi"*

**8. Phải lo bòn công quả.**

Chúng ta đã biết công quả là một trong ba pháp tu tam công của người Cao Đài Giáo. Công quả là phần trọng yếu trong pháp tu vì nó là nền móng cho tòa nhà đạo đức của mỗi người. Nếu nền móng không tốt thì có xây phần công phu bên trên tốt bao nhiêu đi nữa thì sự sụp đổ là hiển nhiên.Thầy dạy:

*Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong, Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế nầy thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao." (TNHT):*

*"Một trường thử Thánh Tiên Phật phải lập nơi thế gian này và một trường thi công quả, các con muốn đến đặng Cực Lạc thì phải đi cửa này mà thôi".*

Hoặc:

*"Người dưới thế nầy muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả.Thầy đến độ rỗi các con là thành lập một trường công đức cho các*

*con nên Đạo. Vậy đắc đạo cùng chăng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ."*

**9. Lòng bác ái.**

Bác ái là lòng thương yêu bao la, thương khắp chúng sanh.

Thầy dạy:

*"Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn mình, cho nên, kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ hơn mảy lông mà coi thiên hạ nặng bằng Trời Đất."*

Hay:

*"Thầy khuyên các con phải mở rộng trí ra mà thương nhơn loại thì mới hạp ý Thầy".*

**10. Sự thương yêu.**

Khi có sự thương yêu thì thế giới sẽ hòa bình nhân sanh sẽ an lạc, con người sẽ sống hạnh phúc trong một cộng đồng đoàn kết thân ái. Không còn sự tranh giành mà chỉ có sự giúp đỡ, không còn hận thù mà chỉ có sự tha thứ, không còn sự chỉ trích mà chỉ có sự bao dung.

Thầy dạy:

*"Điều Thầy vui hơn hết là muốn cho các con yêu thương giúp đỡ lẫn nhau như con một nhà, phải đồng tâm hiệp chí, chia vui sớt nhọc cho nhau, nương đỡ dìu dắt nhau đem lên con đường đạo đức, tránh khỏi bến trần ai khốn đốn này"*

*"Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng đặng ghét nhau nghe à"*

*"Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập lục Thiên. Cực Lạc Thế giới và Bạch Ngọc Kinh"*

**11. Phải biết tự lập vị.**

Phải tự lo tu hành sửa cải bản thân, bòn mót công quả, lập công bồi đức mới mong đạt được sự cứu rỗi của Thầy. Thầy dạy:

*"Thầy ước ao sao các con biết tự lập thì Thầy mới vui lòng, chớ các con nhập môn cho đông, lãnh thiên phong cho nhiều mà không đủ tư cách, thì các con phải tự hỏi mình coi có bổ ích vào đâu chăng? Hiểu à?*

Thầy dạy tiếp:

*"Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: Nếu các con không tự lập ở thế gian này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó!"*

**12. Đừng háo danh.Thiên phong là gì?**

Thầy khuyên: *"Các con trước hết phải ở sao cho ra vẻ Đạo. Đừng để ý gì về việc công quả mà nêu danh nơi cõi tạm này. Các con phải mở rộng tâm trí ra mà hành đạo mới nên cho, chớ đừng mơ hồ rằng: Đạo thành thì mình được làm một vị xứng đáng và đại ích trong Đạo. Do đó lẽ ra thì các con không cần Thầy nhắc đến mới phải, nhưng vì còn nhiều đứa háo danh và ham làm một vị chủ tướng trong Đạo, nên cần phải nói cho mà xét mình".*

Đức Chí Tôn hỏi: *"Thầy phong chức sắc để làm gì?" Và cũng trả lời " là để có cơ hội đoái công chuộc tội tiền khiên"*

*Thầy vì thương căn quả của các con mà lấy đức từ bi đặng Thiên Phong cho các con, là cố ý để các con hành đạo cho hoàn toàn, dễ bề tương công chiết tội tiền khiên, hầu nâng mình vào nơi cựu vị"*

Thầy giải thích Thiên Phong thêm như sau:

*"Các con! Phần nhiều chư môn đệ ham muốn phong tịch, nhưng*

*chưa hiểu Thiên Phong là gì? Thầy để lời cho các con biết rằng: Nhiều Thánh, Tiên, Phật xuống phàm, nếu công quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải bợn nhơ nhiều, thì dầu không Thiên Phong, hễ gắng công thiện niệm, thì địa vị cũng đạt hồi đặng.*

*Thiên phong là để cho các bậc Thánh, Tiên, Phật lìa trần phải lắm dày công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cựu phẩm đặng. Các con nên nhớ Thầy lấy từ bi phong tịch nhưng các Chức Sắc, nếu vì áo mão hơn đạo đức thì tội chất bằng hai".*

**KẾT LUẬN:**

Chúng ta đã may duyên gặp đạo được Thầy và các Đấng Thiêng liêng ban nhiều Thánh giáo để chỉ dạy cặn kẻ về tất cả các mặt để chúng ta tạo Tiên tác Phật. Các bậc tiền khai đã có công sưu tập để cho chúng ta có một quyển Thiên thơ vô cùng quý báu đó là quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Vậy chúng ta hãy cố gắng học và hành theo lời dạy của Thầy và các đấng thiêng liêng trong TNHT. Nhân đây chúng ta hãy nhìn lại bản thân với khía cạnh về đức hạnh thôi, chúng ta có chắc rằng đã thực hành được theo lời Thầy dạy chưa? Và hằng ngày luôn phải nhìn lại mình, soi lại bản thân có điều chi còn thiếu sót thì cần phải sửa bỏ để trở nên người đạo đức mà làm gương cho kẻ khác.

*"Nếu chưa phản tỉnh nội cầu*
*Giảng hay nói giỏi, khỏi đâu luân hồi"*

*(Minh Lý Đạo, 13/08/Đinh Mẹo-1987)*

# XÉT ĐOÁN SỰ LÝ, **GIẢI THOÁT TRẦN TÂM**

**BỬU PHIỆT**

Khi xử sự, tiếp vật trong cuộc sống cũng như trong lúc hành đạo, người chức sắc chức việc cần có một thái độ bình tĩnh, một tâm hồn trong sáng mới mong thấu hiểu đúng đắn sự việc, con người; tránh nhầm lẫn, sai chạy. Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: *"Các đệ luôn luôn bình tĩnh mà xét đoán mọi sự lý ở đời."*

Bình tĩnh là không bối rối mà làm chủ được tình cảm, hành động của mình. Bình tĩnh mới sáng suốt, nhận rõ được bản chất của sự vật hiện tượng, không bị hình tướng, màu sắc bên ngoài chi phối, từ đó nhận chân được sự thật. Vì sao phải bình tĩnh để xử sự, tiếp vật? Bình tĩnh để tránh nhầm lẫn. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *"Đời vì vô minh mà lầm mà lẫn. Lẫn vì cái giả gọi chân, lầm vì cái hay mà dở. Hay dở không phải lấy mắt mà nhìn, giả chân không thể lấy ngoài mà đoán. Phật do nơi tục, sen ở chốn bùn lầy. Các con muốn được khỏi lầm lẫn, phải luôn luôn bình tĩnh, lấy linh năng linh giác mà nhìn."*

Sự lý ở đời thật là phong phú và phức tạp. Tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ sự, lý thật sự quan trọng. Sự là sự việc trong đời. Sách Dưỡng Chơn Tập nói về cái sự, tức sự việc của người tu học như sau: *"Việc ở trong thiên hạ, khó mà gặp cơ hội. Việc nào liệu làm được thì chẳng khá thối thác, thối thác thì không có công đức chi. Việc nào liệu không làm được thì chẳng khá cượng cầu, cượng cầu thì sẽ thấy thất bại. Việc nó đến cho*

*mình, chẳng phải là không có lý. Người quân tử nghĩ về phải trái, kẻ tiểu nhơn luận về lợi hại...”*

Lý là cái lẽ tự nhiên của vật. Sách Dưỡng Chơn Tập nói: *“Đạo có một mà thôi, ở trên trời gọi là mạng, ở nơi người thì gọi là tánh, ở tại vật thì gọi là lý... Cái lý này lưu hành trong khoảng trời đất, phát hiện trong việc làm hằng ngày. Duy người quân tử hay nói lý, thì mới lấy lý mà xét vật: phải quấy, lành dữ, nhơn đó mà bày ra. Người thế nhờ minh lý mà bảo thân vẫn nhiều, vì tranh lý mà táng thân lại cũng chẳng ít. "*

Người tu học, hay chức sắc chức việc hiểu được sự việc rõ ràng mà làm lành, bỏ dữ; biết được tường tận cái lý của vật mà xử sự, tiếp vật cho sáng suốt, phải đạo.

**Biến chuyển để đến chỗ toàn chân chí thiện**

Mọi sự vật trong thế giới này đều biến chuyển không ngừng nghỉ. Đức Quan Thánh dạy: *“Ngày ngày đi qua, ngày ngày sắp tới, không một vật gì không chuyển biến theo thời gian hoàn cảnh.* ” Đức Bạch Phụng Đồng tử khi dạy về thanh niên, có đề cập đến sự vận động luôn luôn của sự vật trong thế giới xung quanh chúng ta: *“Kìa dòng nước sông Cửu Long chảy mãi không ngừng nghỉ phút nào, chẳng kể ngày đêm. Kìa chòm cây cổ thụ cằn cọc khô khan nơi dãy Trường Sơn thiệt khó mong nảy mụt sanh mầm, đâm chồi mọc nhánh xanh tươi như ngày xuân của nó trước kia. Kìa đàn kiến tha mồi, đàn ong gầy mật, trâu kéo cày, ngựa kéo xe, chim làm tổ, quanh năm suốt tháng không phút nào ngơi, không giây nào ngừng. Kìa vừng Thái dương mọc phương Đông, quanh vòng Thiên Địa sang phương Tây rồi lặn khuất, mà hết ngày nọ đến tháng kia, cũng mãi mãi lo tròn bổn phận chiếu ánh sáng cho loài người. "*

Cũng như mỗi tế bào trong cơ thể sinh vật. Nó luôn vận động, phát triển không ngừng trong mỗi phút giây, thay cũ đổi mới, để cơ thể sinh vật ngày càng phát triển, tốt đẹp thêm lên.

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: **“Trong một khoảnh khắc đã thấy**

**vô lượng biến thiên, từ thể này sang qua trạng thái khác, không nghĩ không ngừng. Mục đích cũng là đi đến nơi toàn chơn chí thiện."**

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *"Thầy nắm máy huyền vi, hằng lấy cân thiêng liêng mà day trở máy Càn khôn, vì vậy thế cuộc phải tuần hườn, bầu nhơn sự phải luân chuyển vần xây phiêu linh cho đến buổi nhơn loại được vẹn toàn, thế giới cũng vì đó phải đổi thay, gạn đục lóng trong mà tạo thành miền Cực lạc."*

**Con người mê vọng phàm tình**

Đức Quan Thánh dạy tiếp: *"Nhưng chúng sinh sống dưới cõi đời nầy mãi bị lăn theo vòng biến chuyển, thân khổ tâm sầu, kiếp kiếp trầm luân, dịch hóa theo cái hữu vi ảo cảnh pháp trần."* Theo Phật Học Từ Điển của tác giả Đoàn Trung Còn, trầm luân là chìm đắm; ảo cảnh là cảnh giả mà tưởng như thật; pháp trần là tất cả những pháp ở ngoài, chạm vào cái ý căn, liền đó nảy sanh ra cái ý thức. Pháp trần là một cảnh trong lục trần. Lục trần là sáu cảnh bên ngoài thân tâm ta, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như vậy, pháp trần chỉ thế giới sự vật, hiện tượng nói chung ở bên ngoài thân tâm của con người.

Chúng sinh sống trong thế gian này với bao nhiêu buồn phiền, khổ đau, vì lòng muốn mà không được như ý, không muốn mà vẫn phải gặp; tranh giành vì miếng ăn, tấm mặc, danh lợi ràng buộc, muôn kiếp chìm đắm, lăn trôi trong thế giới vật chất giả tạo không nguôi. Môi trường vật chất trong thế giới ngày nay càng ngày càng tiện nghi, xinh đẹp; càng thỏa mãn cái sở thích, thị dục của con người, càng làm cho con người bị hấp dẫn; nếu không dừng chân nhìn lại, không dứt ra thì mãi bị nó cuốn trôi vào đó, như bị cuốn trôi trên dòng lũ không phương thoát ra.

Ví dụ: khi một người mua một cái điện thoại mới ra đời với nhiều chức năng hấp dẫn, phải trả một giá tiền khá cao. Sau một thời gian ngắn, điện thoại đó bị lỗi thời. Một mẫu điện thoại mới ra đời với cấu

hình mạnh hơn, chạy nhanh hơn, đẹp hơn, thời thượng hơn, giá tiền tất nhiên mắc hơn. Vì ham theo đời mới, người ta phải ráng làm ra tiền nhiều hơn để đổi điện thoại theo đời mới. Hãng điện thoại thăm dò thị hiếu người tiêu dùng, lại chế ra loại điện thoại mới hấp dẫn hơn. Người dùng lại mua sắm điện thoại mới. Cứ thế đua nhau chạy, không biết đâu là điểm dừng, nên gọi là bị cuốn trôi theo dòng tiện nghi vật chất là vậy.

*"Ngũ quan cứ phục dịch cho mê vọng phàm tình".* Ngũ quan là: nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân. Mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân ưa. Thầy dạy về việc năm giác quan của con người bị ngoại cảnh bên ngoài tác động, làm cho mất hết thanh tịnh, nô lệ mù quáng cho lòng tham, gây ra điều tội lỗi: *"Còn thân. Cái thân thể muốn sự dâm dục quá độ mới hao tán nguơn tinh, nguơn khí, nguơn thần. Thiệt là lưỡi. Miệng ham ăn món ngon vật lạ, đồ mỹ vị cao lương, nên phạm tội sát sanh mà sa đọa vào đường lục đạo. Tĩ là mũi. Mũi ưa thơm tho mới khiến lòng ham muốn. Nhĩ là tai. Tai nghe điều phi lễ. Nhãn là mắt. Mắt ngó thấy sự tốt đẹp màu sắc thì khiến lòng dục dấy lên."*

*"Nhận cái giả làm chơn, lấy cái hư làm thực".* Con người trong thời mạt kiếp không phân biệt được sự thật giả ở đời, không biết lẽ phải, sống nhục mà tưởng là vinh, say mồi chung đỉnh mà nào biết mình say. Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*"Cảnh trần gian đau xót buổi mạt kỳ,*
*Quên đạo đức, thiếu nhân luân, có màng chi lẽ phải.*
*Nhơn loại đã say sưa trong khổ hải,*
*Theo lợi danh đi mãi vào vực hố ma vương.*
*Thấy quần sanh chìm đắm trong giấc huỳnh lương,*
*Lấy giả làm chơn, đi trên đường gai chông lầy lội.*
*Gây tai khốc nào thấy chỉ tội lỗi,*
*Miếng đỉnh chung mãi chắp nối thành liên tiếp đau khổ luân hồi.*

*Lửa não phiền đốt tâm não trào sôi,*

*Hụp lặn bến tanh hôi mà cứ cho là vinh hạnh. "*

Con người mang nặng vô minh, nghiệp thức dẫy đầy, tham sân si chồng chất, thất tình lục dục tràn ngập, nên khó lòng nhận thấy chân lý. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *"Cuộc đời buổi hạ nguơn này, mỗi một giờ, một phút diễn tả đủ trò ảo hóa, làm cho loài người không phân biệt giả chân, nên không tự chủ tự cường. Ai cũng bị vật chất thôi miên, lợi danh ám ảnh, lôi cuốn cả cuộc đời vào nơi bể tham sân, núi gươm ao lửa".*

**Nào có mấy ai tự nói mình say, nào được mấy ai tìm được cái chân trong cái giả, cái thực trong cái hư, cái hoàn toàn trong cái ảo vọng** Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *"Đời vì vô minh mà lầm mà lẫn. Lẫn vì cái giả gọi chơn, lầm vì cái hay mà dở, hay dở không phải lấy mắt mà nhìn, giả chơn không thể lấy ngoài mà đoán*". Ít người biết được rằng trong thế gian này, trong cái giả luôn có cái thật, trong cái không luôn có cái có, và luôn có cái thực trong cái hư. Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương dạy: *"Biết đâu trong chánh có tà. Trong tà có chánh ai mà biết đâu! "*

Người chức sắc chức việc hiểu được quy luật của tạo hóa "Trung âm hữu dương, trung dương hữu âm - Trong âm có dương, trong dương có âm " để thấy cái tốt trong cái xấu, điều hay trong cái tệ. Ứng dụng quy luật này vào đối nhân xử thế sẽ đắc nhân tâm, tạo thêm nhiều bạn hiền, giúp người xấu trở nên tốt đẹp hơn. Bởi vì, trừ hàng thánh nhân ra, con người ai cũng có cái tốt cái xấu. Quên cái xấu của người ta đi, luôn nghĩ đến cái tốt của họ thì sẽ chan hòa với mọi người, giúp người nên đạo. Tương tự, Đức Trần Hưng Đạo dạy rằng trong cái họa có cái phước, trong cái tốt ẩn chứa điều chẳng lành. Khi con người trực nhận ra phiền não tự khắc sinh ra giác ngộ. Ngài dạy *"Phước trong họa, bỉ trong hanh. Ai ngờ phiền não tự sanh Bồ đề. "*

**Người thiện căn hay nhàn lạc, tịnh an nhờ giải thoát ra ngoài giả cảnh.**

Thiện căn có nghĩa là gốc rễ lành. Theo Phật Học Từ Điển, thiện căn là ba nghiệp lành của thân, khẩu, ý. Ba nghiệp căn bản đều trở nên từ thiện, chân chính một cách kiên cố, chẳng vì nghịch cảnh, nghịch duyên mà suy nhược, thối thất. Ngoài ba thiện căn chính ra, các bực thành đạo còn vô số thiện căn khác nữa.

**"Xét ra chỉ người thiện căn. Họ hay nhàn lạc trong chốn điêu đứng của mọi người".** Người thiện căn ở đây muốn nói đến con người thanh tịnh tam nghiệp rồi thì không bị câu thúc bởi nghiệp thức nên thường thong dong, an vui; trong khi nhiều người khác đang khổ não, điêu đứng vì tham sân si, vì thất tình lục dục xô đẩy, khiến sai.

***"Họ tịnh an không biến chuyển theo hình ảnh bên ngoài. Lòng họ lúc nào cũng sáng suốt cảm thông cùng vạn vật. "*** Nhờ giải thoát mà lòng người được thanh tịnh, an nhiên, định lực được vững vàng, mạnh mẽ; bên ngoài không bị ngoại cảnh, lợi danh tác động; bên trong được giải thoát khỏi sự trói buộc của thất tình, lục dục. Từ đó tinh thần thêm sáng suốt, cảm thông cùng vạn vật.

***"Nhờ đạt được cái lý mầu nhiệm bên trong mà họ giải thoát được ra ngoài dịch hóa giả cảnh".*** Đạt được cái lý mầu nhiệm bên trong là đạt được cái tâm không. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *"Thầy truyền có một chữ Không. Chữ Không làm đặng lục thông chứng thành."* Để đạt được tâm không mầu nhiệm ấy, phải làm nhiều cái không, như lời Đức Cao Đài Tiên Ông dạy qua bài Sắc không luận trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*"Lòng Tiên mới là chơn chánh Đạo,*
*Không không mà thông thạo diệu huyền;*
*Dứt rồi nghiệp quả nhơn duyên,*
*Đoạn xong tư tưởng nối chuyền về sau.*

*Không, không sắc, không màu, không tướng,*
*Không, không hình, không tượng, không nghe;*
*Không ham kết đảng lập phe,*
*Không ham sang trọng, không khoe khoang mình.*
*Không cầu lợi, cầu danh tham dục,*
*Không làm điều tà khúc hại đời;*
*Không làm khó nhọc cho người,*
*Không làm chuyện quấy để đời phiền phân.*
*Không lưu luyến hồng trần buộc trí,*
*Khỏi bốn tường trực chỉ Đào Nguyên,*
*Không không mới thiệt diệu huyền,*
*Chữ không làm đặng thì Tiên trong đời.*
*Để tâm không Phật, Trời bố hóa,*
*Người tu hành chẳng khá bỏ không,*
*Chữ không mầu nhiệm nơi lòng,*
*Hành theo thấy rõ tâm trong diệu huyền."*

Đạt được tâm không rồi thì lòng mình sáng suốt, thanh tịnh, lặng trong. Nhờ vậy mà không bị ngăn che, thấy biết được thật tướng muôn vật, thoát khỏi sự biến hóa của giả cảnh.

**"Nhờ sự giải thoát trần tâm mà họ có những ngày giờ thanh tịnh. Họ luôn luôn giao cảm được cùng Trời Đất, Thánh Thần, học nhiều pháp môn giải thoát cao hơn để cầu sự giải thoát hoàn toàn và trọn vẹn".** Theo Hán Việt Từ Điển của tác giả Đào Duy Anh, trần là bụi bặm, thế gian. Theo Phật Học Từ Điển, trần là tất cả những sự, những pháp trong thế gian có tính cách làm nhiễm dơ cái chơn tánh. Như vậy trần tâm là cái tâm dính mắc chuyện thế gian. Sáu căn con người bị ngoại cảnh tác động qua sáu trần. Người giải thoát khỏi trần tâm là người

không còn bị ràng buộc bởi thất tình lục dục, tham sân si, danh lợi, thị phi, v.v… Nhờ đó mà lòng họ thanh tịnh, giao cảm cùng Trời đất Thánh Thần. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*"Người có giải thoát thì người mới khỏi nô lệ cho miếng ăn tấm mặc, cho danh lợi tài sắc ở đời. Có giải thoát thì thân mới thoát ra kiếp ngựa trâu, thân nô tỳ, mới làm chủ được sáu dục, bảy tình. Mà làm chủ được sáu dục bảy tình thì sai khiến được mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, thân thì đâu còn khổ, còn nhục, còn hèn hạ tấm thân. Thân được tự do, thắng cả ngoại giới nội tâm thì thân tâm thanh tịnh, tình ý lặng trong, sức khỏe ngày một tăng lên, tinh thần ngày thêm sáng suốt, hào quang chiếu diệu mười phương, trí tuệ cảm thông Trời đất. "*

Ngoài việc học và tập tu theo các pháp môn mà Giáo hội ban trao, chỉ truyền; người tu học còn học được các pháp môn cao hơn để cầu sự giải thoát hoàn toàn từ Ơn Trên chỉ bày qua các giờ công phu thanh tịnh. Đức Cái Thiên Cổ Phật dạy:

*"Cần luyện tập tâm thân thanh tịnh,*
*Để Vô vi ban lịnh mật truyền;*
*Để Thầy lui tới thường xuyên,*
*Thường xuyên giao cảm Phật Tiên dạy bày."*

***"Nên lúc nào lòng họ cũng gieo mầm thiện hạnh, mở lối đường lành để chờ đón nhân sinh những ngày hội ngộ".*** Người thọ pháp tu có lời hứa nguyện tu kỷ độ tha, tu cho mình mà cũng dễ cứu độ chúng sinh. Cho nên đồng thời với việc tu tập cho mình thanh tịnh, thanh cao thì cũng mở lòng từ tâm, gieo mầm thiện hạnh đến mọi người. Người tu may duyên đi trước, trải nghiệm đường tu, thành tựu kết quả, trên con đường tâm pháp rộng mở, chờ đón người đi sau, để cùng gặp nhau trên con đường tu học về Thầy. Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: *"Cơ Đạo hoằng dương, phép Trời đại xá, chư Thánh từ bi, đường lành rộng mở là để đón rước các bậc nguyên căn, chúng nhân thiện chí. "* Với ý nghĩa

tương tự, Kinh Cầu An trong Kinh Tận Độ có câu: *"Lo tu cứu vớt nạn đời. Gieo mầm thiện quả về nơi nguơn thần. "*

**Thiên hạ đang say đắm, người tu hành dọn sẵn đường lành.**

***"Nay thiên hạ còn say còn đắm trong bao trò ảo hóa thì người của các đệ cũng không phương gì kế gì ngăn cản nhủ khuyên ai được; mà cũng không cần đón ngăn thiên họ mà làm gì. Vì bao nhiêu pháp trần ảo cảnh nó làm che lấp cả ngũ quan ý thức rồi, có nói cũng nhọc lời, mấy ai lưu ý".*** Danh lợi, tiền tài, sắc dục ở thế gian làm cho con người say đắm, cuốn trôi vào đó. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *"Cuộc đời buổi Hạ nguơn này, mỗi một giờ, một phút diễn tả đủ trò ảo hóa, làm cho loài người không phân biệt giả chân, nên không tự chủ tự cường. Ai cũng bị vật chất thôi miên, lợi danh ám ảnh, lôi cuốn cả cuộc đời vào nơi bè tham sân, núi gươm ao lửa."*

Khi con người đã mê say vào một điều gì thì sẽ không còn nghe theo lời người khác nữa. Vì thế, không cần khuyên nhủ lúc họ đang say sưa như thế. Vì sao mà họ không nghe lời nói phải? Vì giả cảnh cuốn lôi, họ không còn phân biệt được thật giả, phải trái, tu hành đạo đức là gì. Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

*"Còn chúng sinh cứ mãi lăn theo bánh xe luân hồi sanh tử, nào có biết gì là đạo đức tu hành. Sống trong vòng sanh tử mà không biết là khổ, họ không hề biết đến tự tánh bản giác chơn như là gì, chỉ biết có vọng tâm bát thức suốt đời này qua đời khác bị ngã chấp câu sanh. Cứ chiều theo vọng tưởng điên đảo mà nào có biết nó dẫn dắt con người mải miết đi theo con đường của ma quỷ, nào ai có hiểu là gì".*

***"Chi bằng ta tạo sẵn một con đường vinh quang thiện mỹ mà chờ, rồi thiên hạ sẽ đến ngay trong lúc cơ Trời định lệ. Chúng sinh có đi đường nào, ngả nào mà không bước vào con đường giải thoát".*** Con đường vinh quang thiện mỹ là con đường đạo đức thiện lương, được hình thành từ Giáo hội anh minh; nhân sinh thuần lương, lo tu lo học,

đầy tình thương yêu, đủ sự sống hằng còn. Có được như vậy là nhờ những người trong Giáo hội, từ chức sắc chức việc đến nhân sinh tích cực học đạo, hiểu đạo rồi hành đạo, chung gánh sứ mạng cùng Thầy phổ độ. Đức Gia Tô Giáo Chủ dạy: *"Các con cùng với Thầy gánh chung sứ mạng tạo cõi an bình, quét sạch vô minh tội chướng để con người sớm được hưởng Thượng nguơn Thánh đức"*. Từ sự giác ngộ của mỗi con cái Đức Chí Tôn trong Giáo hội sẽ là liều thuốc để thức tỉnh những người khác đang còn say mê trong chốn hồng trần.

Để giải thoát hoàn toàn, pháp môn mà Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy cho là Giới, Định, Huệ như sau: *"Thầy dạy tùng theo Tân pháp mà giải thoát, thương yêu nhau mà giải khổ, hành trì châu niệm chú và xây đắp công quả cho cao để chuộc lấy tội xưa là tiền khiên oan trái thì tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì trí huệ mở rộng. Trí huệ mở rộng là nhờ hành trì Giới, Định mà giải thoát hoàn toàn"*.

Để dọn sẵn đường lành, giúp cho nhân sinh thoát vòng khổ não trầm luân, Ơn Trên đã ban cho chư thiên ân hướng đạo, chức sắc chức việc một phương tu xóa tan bao hắc ám nơi tâm, đem lại chỗ sáng tỏ của bản giác ban đầu của Trời phú cho. Nhờ đó mà họ sẽ đưa đường cho nhân sinh hướng về Thầy. Phương pháp đó gọi luyện châu, hay lần chuỗi từ bi.

☯

# TÌNH TRI NGỘ GIỮA
# CHÍ SĨ PHAN BỘI CHÂU VÀ TIỀN BỐI HƯỚNG ĐẠO CAO ĐÀI

*Nhà chí sĩ chân chính và nhà tu hành thuần thành có điểm gặp gỡ chung là lòng yêu nước. Vì vậy khi có đủ nhân duyên gặp nhau thì giữa họ có sự tương tri, tương đắc. Đó là trường hợp của chí sĩ Sào Nam Phan Bội Châu và các bậc tiền bối Cao Đài trong buổi cầu cơ truyền bá về Trung. Sống Đạo xin giới thiệu mối tình tri ngộ giữa chí sĩ Phan Sào Nam và quý hướng tiền bối với hai trích đoạn từ Hồi Ký Thanh Long*

*(NXB Tôn Giáo, Hà Nội, tháng 10 năm 2012)*

**I. ĐẠO TRƯỞNG LÊ KIM TỴ và Chí sĩ Phan Bội Châu**

Chuyến về mang theo một thành công mỹ mãn[1], cụ Lê Kim Tỵ thấy tinh thần phấn khởi, hào hứng như một tướng sĩ cầm quân vừa thắng trận. Cụ lần tay tính lại thì chỉ còn có 22 ngày nữa là đến mùng 8 tháng 4 ta, cái ngày phải khánh

1 Cụ Lê đã thành công trong việc vận động Toàn Quyền Đông Dương can thiệp với Công sứ Pháp ở Tourane cho xây dựng Thánh Thất Trung Thành.

thành Thánh thất Trung Thành mà Thiêng Liêng đã định, lòng bỗng thấy nôn nao. Cụ không nghĩ, soạn giấy bút ra tự vạch một chương trình công tác sẵn, để khi về đến nơi mang ra áp dụng. Tàu vào đến Huế 5 giờ sáng, cụ xuống Huế vào nhà hàng điểm tâm, chờ đến 8 giờ gọi xe kéo đến bến Ngự vào thăm cụ Phan Bội Châu.

Thời ấy nhà cụ Phan Bội Châu hằng ngày có mật thám lảng vảng dòm ngó, theo dõi người đi kẻ lại ghi chép, có khi xét hỏi cả giấy tờ. Hôm ấy xe kéo cụ Lê vừa đổ xuống, có tên mật thám lại gần, trông cụ Lê bận Âu phục bộ tịch oai vệ, nói tiếng Sài Gòn, không biết nhân vật nào không dám xét hỏi, nhưng theo dõi từng bước. Cụ Lê biết rằng tên mật thám, là thứ cụ rất ghét, nên quay lại nghiêm mặt hỏi: anh là người gì, anh muốn gì mà anh cứ theo tôi? Tên mật thám phải nói thật là nhân viên sở liêm phóng. Cụ còn quát to: Tôi Lê Kim Tỵ ở Sài Gòn đến đây thăm cụ Phan Bội Châu không được sao? Nói xong cụ lấy tấm danh thiếp trao cho tên mật thám bảo về trình lên ông chủ anh. Trong nhà cụ Phan nghe có tiếng quát lớn, biết có người đến thăm bị xét hỏi, cụ định ra can thiệp, vừa ra đến sân thì cụ Lê Kim cũng vừa vào.

Gặp cụ Phan lần đầu, một bậc chí sĩ lão thành quắc thước, hy sinh cả đời mình cho Tổ Quốc, dân tộc mà chưa được toại nguyện, nay về nước bị giam mình trong cảnh tù lỏng dưới túp nhà tranh của quốc dân, cụ Lê trình bày tỏ

nỗi ngậm ngùi kính mến xin đến hầu thăm.

Cụ Phan cũng không ngăn được nỗi cảm xúc mỗi khi nghĩ đến đồng bào cả nước, nhất là miền Nam dành cho cụ tình cảm sâu sắc nồng nàn, từ những ngày cụ bôn ba hải ngoại cho đến nay không đáp lại được kỳ vọng của quốc dân, thật là có tội.

Hai cụ đàm đạo ngót 3 tiếng đồng hồ, cụ Phan được biết cụ Lê Kim Tỵ ra Trung xây dựng giáo sở cho Đạo Cao Đài tại Tourane, cụ tỏ ý vui mừng và khuyến khích.

Trước khi cáo biệt, cụ Lê thành tâm kính biếu cụ Phan 20$00 biểu lộ khối lòng kính mến sâu xa của cá nhân cụ và cũng là của bổn đạo Cao Đài.

Từ giã cụ Phan, còn thì giờ cụ Lê Kim Tỵ đến Sở Mật Thám Huế nói qua việc cụ đến thăm cụ Phan Bội Châu, để tránh việc viên mật thám về báo cáo xuyên tạc, và trưa hôm ấy cụ đáp chuyến tàu hỏa thường về Tourane.

Huỳnh Ngọc Trác (1898-1945)

**II. Quan hệ mật thiết giữa nhà chí sĩ và tiền bối Huỳnh Ngọc Trác**

Thời gian ấy Huỳnh Tiên sinh đón nhận nhiều sách báo như tạp chí Từ Bi Âm, Duy Tâm của Hội Phật Học Nam kỳ và Lưỡng Xuyên ở Trà Vinh, báo Đuốc Tuệ của Hội Phật Học Bắc kỳ ở chùa Quán Sứ Hà Nội, và báo Viên Âm của Hội Phật Học Trung kỳ ở Huế. Càng đi sâu hơn đến cuối năm 1931-1932 mấy lần Tiên sinh đến Huế để gặp cụ Lê Đình Thám và các bậc Đại Sư ở Huế để thảo luận

vấn đề chấn hưng đạo đức. Nhân dịp này Tiên sinh đến tòa báo Tiếng Dân yết kiến cụ Huỳnh Thúc Kháng, tỏ bày tâm sự. Tiên sinh, được cụ Huỳnh có nhiều thiện cảm, và từ đây tiên sinh được gặp gỡ nhiều nhân sĩ trong nước, nhất là giới khoa bảng và Tây học. Cũng từ đây Huỳnh tiên sinh được yết kiến cụ Phan Sào Nam, trong vấn đề luân lý đạo đức dân tộc, đạo đức và nhân loại, vấn đề Khổng học, cụ Sào rất mến phục Tiên sinh. Cụ giới thiệu với Tiên sinh những biên khảo cụ đã soạn như *"Châu Dịch Quốc Văn Chú Giải", "Khổng Học Đăng", "Nhân Sinh Triết Học"*v.v… Huỳnh tiên sinh càng bái phục cụ Sào Nam nhiều hơn lúc cụ còn bôn ba quốc sự. Nên lúc Huỳnh tiên sinh ra về, cụ Sào Nam đưa chân và đọc câu phong dao để nói lên nỗi lòng chua cay của mình:

*"Gió đưa cây cải về trời,*

*Rau răm ở lại chịu lời đắng cay !".*

Ý câu nầy nói ông tu hành thoát tục như cây cải về Trời, ung dung tự tại. Còn tôi ở lại với thế gian, với dân tộc như rau răm chịu bao nỗi đắng cay !.

Huỳnh tiên sinh ứng khẩu đáp cũng câu phong dao:

*"Trách lòng con cá thia thia,*

*Vực sâu không ở, ở đìa nỗi chi ".!*

Ý câu này nói con cá thia thia thật đẹp, sao không ở ngoài sông sâu rộng rãi, ở đìa làm chi chật hẹp, có nghĩa là ngợi khen cụ Sào là bậc Thánh kế nghiệp Khổng Mạnh, sao không đem đạo đức mà hóa độ nhân loại năm châu, ở trong khung cảnh một quốc gia thấy chật hẹp? Câu chuyện này cũng giống như câu chuyện người Cuồng nước Sở đón xe mà can Khổng Tử: *"Phụng hề, Phụng hề hà đức nhi suy"*... nghĩa là chim Phụng ơi, chim Phụng ơi đức của mầy sao mà suy?.. trong chuyện Đông Chu nước Tàu ngày xưa.

Tiếp xúc với cụ Phan Sào Nam lúc ấy thật là rắc rối. Quanh nhà cụ luôn luôn có mật thám rình rập theo dõi người đi kẻ lại,

những người xa lạ có khi bị xét hỏi giấy tờ ghi tên. Dầu vậy Huỳnh tiên sinh bất chấp cứ đi lại tự nhiên, có khi đến chùa Từ Đàm gặp cụ Lê Đình Thám, đến chùa Linh Quang (bên nhà cụ Sào) gặp các Sư, tiên sinh thản nhiên vào thăm cụ Sào. Nhân dịp tiên sinh xin cụ Sào cho gởi đến một vài thanh niên tâm phúc để được hầu cụ, giúp cụ ghi chép những gì cụ cần, nhất là việc biên soạn lại các sách cụ đã làm xong, những lúc rỗi rảnh xin cụ dạy cho những gì cụ thấy cần dạy.

Cụ Phan Sào Nam vốn sẵn tinh thần cảm phục các sĩ phu xứ Quảng, cảm mến Huỳnh tiên sinh, càng trông cậy vào đám trẻ, nên điều thỉnh cầu của Huỳnh tiên sinh cụ sốt sắng nhận lời. Thế là đầu năm Quý Dậu 1933, Huỳnh tiên sinh và Trần tiên sinh đồng ý đưa anh Trần Nguyên Chí biệt hiệu là Đồng Khê (nhà ở gần khe Đồng) năm ấy anh vừa 20 tuổi, trưởng nam của cụ Thầy Kê bào huynh Trần Tiên sinh, theo học cụ Sào Nam, và đầu năm 1934 gởi tiếp anh Trần Nguyên Khởi biệt hiệu là Tây Khê (khe Đồng phía bên Tây nhà) em ruột của anh Trần Nguyên Chí cùng theo học cụ Sào Nam. Năm 1935 anh Trần Nguyên Chí nghỉ, Huỳnh tiên sinh lại đưa anh Phan Quang Phục con trai cụ Phan Sĩ Nhiếp ở Hiền Lộc ra thay, nhưng chỉ được mấy tháng bị xét hỏi anh Phan Quang Phục phải thôi học về Quảng, chỉ còn một mình anh Trần Nguyên Khởi tiếp tục học cho đến năm 1936 mới nghỉ.

Được học ở nhà Cụ Sào Nam thật là một vinh dự, mà cũng là khổ cực trăm bề, nếu không bởi một chủ trương, một hoài bão vị tha tương lai, không có tinh thần kiên trì nhẫn nại thì không theo học được. Suốt ngày quanh quẩn trong nhà, trong vườn, ra khỏi cổng sợ mật thám bắt. Khi cần lắm muốn ra phố thì phải có người xem trước ngó sau mới dám đi. Học hành thì không có thời khắc, cụ rỗi lúc nào thì học lúc ấy, có khi đang học khách vào thì phải nghỉ. Ăn ở thì thật là đạm bạc, có ở gần

cụ Sào thì mới cảm thấu đời sống của các bậc chí sĩ. Thật cuộc sống đáng thương và đáng kính phục. Sống vì lý tưởng, nên nếu những ai còn mơ lộc cả danh cao, giàu sang hưởng thụ, thì tưởng đừng nên mơ đến những việc làm của người chí sĩ ! Thế mà các anh Trần Nguyên Chí đến anh Trần Nguyên Khởi, mỗi anh theo học với cụ Sào vài năm. Nhất là anh Trần Nguyên Chí, người thanh niên đầy cương nghị và kiên nhẫn, thủy chung một mực kính thành. Cụ Sào Nam rất thương mến và phục anh, và anh càng ở lâu càng kính trọng tâm trường người chí sĩ. Mỗi lần có người sĩ phu tâm huyết đến thăm cụ Sào, cụ thường giới thiệu anh, nhờ đó mà anh được biết nhiều các nhân sĩ Bắc và Nam. Có lần cụ Huỳnh Thúc Kháng đến thăm cụ Sào, thấy anh đương học cụ Huỳnh bảo: “Bây giờ còn học Bắc Sử làm gì?”. Cụ Sào đáp “cũng cần đọc để biết mối liên hệ với mình” luôn dịp cụ Sào nói: “Đây là một thanh niên ưu tú xứ Quảng". Từ đó cụ Huỳnh lưu ý càng tin cậy anh, và cũng từ đó anh thường liên lạc giữa cụ Sào, cụ Huỳnh và cụ Cử Võ Bá Hạp là ba ông bạn tương tri nhau ở Huế lúc bấy giờ.☯

*Ngẫm xưa nghĩ nay*

# LÃO TỬ VỚI : TÍN - THIỆN - TRI

**HÙNG VẠN**
(Minh Lý Thánh Hội)

Đạo Đức Kinh của Lão Tử, chương 81, có viết: ***Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín; thiện giả bất biện, biện giả bất thiện; tri giả bất bác, bác giả bất tri,*** nghĩa là: *Lời nói chân thực thì thường không văn vẻ, lời nói văn vẻ thì thường không chân thực; người chất phác thì thường không bao biện, người bao biện thì thường không chất phác; người hiểu biết thì thường không nói nhiều, người nói nhiều thì thường không hiểu biết.* Ba sự "đúc kết" trên nhằm đánh giá bản chất của một con người thông qua lời nói, xét về mặt nhân sinh cho đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn tính xác đáng.

* Thứ nhất, ***tín ngôn bất mỹ,*** nghĩa là lời nói chân thật, trung thực thì không hoa mỹ, bóng bẩy, bởi đó là những suy nghĩ xuất phát tự đáy lòng, như mạch nước tự nhiên tuôn chảy, không có sự rào đón, trau

chuốt,… nên chữ dùng ắt hẳn đôi chỗ sẽ còn thô sơ, đơn giản hoặc vụng về. Và, ***mỹ ngôn bất tín,*** nghĩa là lời nói văn hoa, từ ngữ bay bổng thì thường thiếu sự chân thực, điều này thường thể hiện qua những người khi diễn thuyết, trình bày thường khua tay múa chân,... mà đời hay nói là "chém gió" hoặc "phô diễn" nên thiếu chất "thật"; trái ngược với người "ngôn bất mỹ" thì điệu bộ, thái độ thường "ngay như chào cờ", diễn tả mộc mạc, thiếu lưu loát, đôi lúc luống cuống hay mất tự nhiên, nhưng vì *"nghĩ sao nói vậy",* nên *cái thật nằm trong cái vụng* cũng như "ngọc trong đá" nên đáng tin là vậy.

Ca dao, thành ngữ, tục ngữ Việt Nam cũng có đề cập đến *"tính thực trong lời nói",* như sau:

*- Ăn ngay nói thẳng.*

*- Ăn ngay nói thật mọi tật mọi lành.*

*- Một câu nói ngay bằng ăn chay cả tháng.*

*- Thật thà ma vật không chết.*

*- Ẩn trong thật thà là lời thô kệch.*

*- Bề ngoài thơn thớt nói cười. Mà trong gian hiểm giết người không đao.*

*- Tu thân rồi mới tề gia. Lòng ngay nói thật gian tà mặc ai.*

Ngoài ra, nếu nói mà cứ "liên tục trôi chảy" và " mãi mãi lưu loát" thì chẳng khác chi "máy phát" vì sự vô cảm của người nói, bởi chẳng quan tâm đến cảm xúc của người nghe nên thiếu tính thuyết phục và chẳng thể chạm đến trái tim của mọi người vì thiếu sự chân thực, đó là *"mỹ ngôn bất tín"* . Cho nên, nhà văn, tiểu thuyết gia nổi tiếng người Mỹ là Mark Twain (1835 - 1910) đã nói: *"Mọi cảm xúc nếu chân thật*

*đều không chủ tâm", **"không chủ tâm"*** đây, nghĩa là ***tự nhiên,*** tức là không có sự sắp đặt, lên kế hoạch hay chuẩn bị từ trước, về mặt tinh thần cũng đồng nghĩa là *"tín ngôn bất mỹ"*.

* Thứ nhì, ***thiện giả bất biện***, nghĩa là người lương thiện, chất phác thì thường không bao giờ ngụy biện cho việc làm và hành vi của mình mà sẵn sàng nhận trách nhiệm về những gì đã thực hiện, thể hiện sự thẳng thắn, dám làm dám chịu. Do đó, *"thiện"* ngoài nghĩa là hiền lương còn có nghĩa là ngay thẳng, chính đáng, là phẩm chất của người cương trung, nghĩa khí. Và, ***biện giả bất thiện,*** nghĩa là người hay thanh minh thì tâm tánh không tốt, bởi nếu cứ bao biện, che đậy cho những điều chưa đúng hay sai trái mà mình đã gây ra, đồng nghĩa là dung túng và đồng lõa với cái xấu một cách mặc nhiên, đó là tính cách của những kẻ cơ hội, gian trá, bất chính. Tiếc thay, trong cuộc sống hiện tại, vì sĩ diện cá nhân, vì danh dự bản thân, vì gia đình, địa vị,... mà con người hay thoái thác những lỗi lầm, sai trái và vin vào hoàn cảnh, tình thế khách quan mà bào chữa cho việc làm chủ quan của mình, chẳng khác nào mang mặt nạ mà diễn tuồng. Đến lúc mặt nạ rơi xuống, lộ diện nguyên hình thì thân bại danh liệt, thậm chí thân tàn ma dại. Cho nên ca dao, thành ngữ, tục ngữ Việt Nam cũng khuyên nhủ và cảnh tỉnh về *"tính thực trong việc làm"* như sau:

- *Cây ngay không sợ chết đứng.*
- *Đi đêm có ngày gặp ma.*
- *Không để quýt làm cam chịu.*
- *Chớ gắp lửa bỏ tay người.*
- *Đừng ăn đằng sóng, nói đằng gió.*

* Thứ ba, ***tri giả bất bác,*** nghĩa là người hiểu biết thì không nói nhiều, chỉ nói đúng mức những gì cần nói và những điều người khác cần

nghe. Ý muốn đề cập đến "cái tôi" của mỗi người, bởi cái tật cố hữu của con người là hay khoe khoang, tỏ vẻ ta đây, muốn người khác phải phục mình về sự uyên bác, thông hiểu. Cho nên được dịp là nói thao thao bất tuyệt, đủ chuyện từ đông sang tây, hết trên trời xuống dưới đất, bất chấp nội dung, bất kể người nghe,… Và, ***bác giả bất tri,*** nghĩa là người nói nhiều thì chẳng hiểu biết bao nhiêu. ***"Chẳng hiểu biết"*** đây có hai nghĩa, một là ***chẳng biết*** người nghe đang cần mình nói điều gì, hai là người nghe ***chẳng hiểu*** mình nói điều gì, nghĩa là chẳng có nội dung cụ thể, gọi là *"nói lan man cho hết thời gian"* mà đời hay nói là "nói tầm phào" hay" nói tào lao". Đó là tính cách của những người có chút ít kiến thức, bằng cấp, địa vị nhưng lại hay vỗ ngực xưng tên, luôn muốn thể hiện mình trước đám đông, là bệnh của những người có chức vụ, địa vị, quyền lực nhưng lại hợm mình, tự cho mình hơn hẳn những người khác, biểu lộ sự thiếu tôn trọng và tự trọng bản thân mà ca dao, thành ngữ, tục ngữ Việt Nam cũng có đề cập đến, như sau:

*- Biết thì thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe.*

*- Nói hươu nói vượn, nói quạ nói diều.*

*- Một tấc tới trời.*

*- Bán trời không mời thiên lôi.*

*- Nhún nhường quý trọng biết bao. Khoe khoang kiêu ngạo ai nào có ưa.*

Nhà văn Jean Jacques Rousseau (1712 – 1778) đồng thời là triết gia, tiểu thuyết gia, chính trị gia có tầm ảnh hưởng lớn đến chính trị, tư tưởng của nền văn hóa Pháp cũng như trong thời kỳ Cách mạng Pháp 1789, đã nói: *"Người biết ít thường nói nhiều, trong khi người biết nhiều thường nói ít"* hoàn toàn tương đồng với: *"Tri giả bất bác, bác giả bất tri"* của Lão Tử. Đó là sự gặp nhau giữa Đông và Tây, nghĩa là những tư tưởng lớn thường gặp nhau, không biên giới và địa giới.

**Tóm lại:** ***Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín; thiện giả bất biện, biện giả bất thiện; tri giả bất bác, bác giả bất tri*** là hai mặt đối lập trong một thể thống nhất, luôn song hành bên nhau, cũng như hai lẽ chánh tà, hai mặt tốt xấu luôn thể hiện trong cuộc sống qua các mặt: Ngôn – Hành – Tri , tức là lời nói, việc làm và tri thức. Đó là hai khoảng sáng tối trong mỗi con người, nếu sự sáng được phát huy thì cái tối tự lụi tàn, con người trở nên chân chánh, trung trực và cũng là lời nhắn nhủ mà cổ nhân muốn truyền trao: *"Át ác dương thiện",* nghĩa là phải luôn ngăn chặn điều xấu và tích cực phát huy điều tốt để ***Tín càng thêm Thực – Thiện càng thêm Trực – Tri càng thêm Thâm.***

☯

# AN ĐỊNH NỘI TÂM

**ĐẠT THẬT**

Tốc độ phát triển về mọi mặt hiện nay của xã hội khiến cho con người bị cuốn theo dòng chảy của thời gian, lăn mình theo thời cuộc, thời lượng hai mươi bốn giờ trong một ngày hầu như không đủ để giải quyết khối lượng công việc quá tải, dẫn đến tình trạng không ít người bị căng thẳng, mất thăng bằng do bị tác động của nhiều vấn đề trong cuộc sống.

Hoàn cảnh của một kiếp người vốn như thế nên từ trước Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt đã để lời ân cần khuyên bảo động viên chư tín đồ Đại Đạo:

*"Lão khuyên chư hiền đệ hiền muội ráng lo tu học và an định nội tâm, dầu hoàn cảnh sanh sống có bận rộn cũng nên để chút thì giờ hành đạo lập công hoặc tham thiền tịnh dưỡng để tìm thấy ánh sáng của ngọn nhiên đăng trong lòng người và tự khêu thắp cho tỏ rạng mà đi. Đừng lười biếng hững hờ mê theo lợi nhỏ mà quên cái hại to để nước đến trôn nhảy sao cho kịp. Cũng đừng ỷ sự hộ trì của Thiêng Liêng khi lòng mình chưa chơn chánh"*[1].

1 Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

Thật vậy, phản tỉnh nội cầu quay về với chính mình để thắp sáng lại ngọn tâm đăng đã bị vật dục phủ mờ theo thời gian. Trải qua bao năm tháng, nghiệp lực chất chồng kéo lôi trì níu con người, thoáng chốc tóc đã điểm sương, báo hiệu quỹ thời gian không cho phép chúng ta dụ dự trì hoãn. Hãy tăng tốc trong việc tu công luyện kỷ cho nội lực được tinh toàn hầu vững vàng vượt qua bao cám dỗ của danh lợi thường tình. Không chủ quan dựa vào tha lực, mà phải tự lực tự cường, tự tu tự tiến...

Nội tâm an định tự khắc nội tình sẽ ổn định. Muốn đạt được điều thiết yếu đó, hành giả phải ngày đêm kiên trì hạ thủ công phu theo lời dạy của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*"Thiền là tâm vô niệm. Định là dừng lại tất cả. Chỗ công phu này đòi hỏi hành giả phải ngày ngày tu tập để đến khi cần hòa hợp cùng vận khí cơ thiên, mới có đủ tinh thần mà phóng phát điển lực trong cuộc điều hành vận chuyển, từ nhơn thân đến vũ trụ".*[2]

Lời dạy trên ví như kim chỉ nam, soi đường dẫn lối cho tất cả chúng ta. Sự an định của nội tâm là bửu pháp vi diệu giúp chúng ta vượt qua mọi chướng ngại của tình đời thế đạo, để làm tròn bổn phận vi nhân đối với nhơn quần xã hội, đồng thời thực hành trọn vẹn sứ mạng đại thừa đối với tiền đồ Đại Đạo.

Thật thế, cuộc sống mưu sinh trong tình hình xã hội phát triển cao độ như hiện nay, đã khiến cho con người phải đương đầu với nhiều vấn đề và chịu nhiều áp lực. Vì vậy, từ tinh thần đến thể xác đều phải làm việc với tốc độ chóng mặt mới theo kịp thời đại. Thế thì còn thì giờ đâu để nghỉ ngơi, để an dưỡng, để tu tập…

Các Đấng vì thương người giác ngộ biết tìm về cửa Đạo, mới dạy bảo nhủ khuyên, chỉ dẫn cho chúng ta phương tu giải thoát, hầu nương

---

**2** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-11 Kỷ Mùi (28-12-1979)

tựa vào lời Tiên tiếng Phật, để tâm hồn được tỉnh lặng, thể xác được nghỉ ngơi.

Đại tượng truyện quẻ Tùy có đoạn: "Quân tử dĩ hướng hối nhập yến tức."

Hướng: hướng về; Hối: ban đêm, buổi tối; Yến: nghỉ ngơi; Tức ngưng lại.

Đức Cái Thiên Cổ Phật giải nghĩa:

*"Quân tử là người biết thời, biết lẽ. Người quân tử biết lúc nào động thì động, lúc tịnh thì tịnh. Lúc ngày thì làm, lúc ban đêm thì nghỉ. Nghỉ không phải không làm, nghỉ xác thịt để bồi bổ cho tinh thần. Cốt là biết thời mà hướng hối yến tức"*[3].

**LỢI ÍCH THIẾT THỰC CỦA THIỀN ĐỊNH**

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

*"Trong hàng đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiền định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo phật tác tiên, thoát thai thần hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phân nửa mà thôi, còn phân nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng. Thứ nữa là nhờ pháp môn ấy để làm phương tiện chuyển hóa tâm hồn được thuần thành khả ái do không chấp, không câu, không nê, không lự. Hễ lòng người không chấp, câu, nê, lự sẽ được phóng khoáng thuần thành thơ thới vui tươi, khoan dung từ ái, ôn hòa, phúc hậu. Đó là diện mạo của Thánh nhơn tại tiền"*[4].

---

3 Châu Dịch Huyền Nghĩa, quyển 2, xuất bản 2016, trang 160.

4 Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.15-12 Giáp Dần (26-01-1975)

Theo lời dạy của Đức Quan Thánh, công phu thiền định là yếu tố căn bản giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu không tốn kém, lại có được một tinh thần phá chấp, một tâm hồn cao thượng, thuần thành khả ái, nhờ thế lúc nào cũng cảm thấy thư thái vui tươi, ôn hòa phúc hậu, những yếu tố tích cực đó là diện mạo của bậc Thánh nhân tại tiền. Sống được như thế con người sẽ ít bịnh, lâu già, có điều kiện và thời gian phụng sự nhân sanh, cống hiến cho nhân loại, xứng đáng đứng trong tam tài đồng đẳng.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

*"Thế nên cần đến các thời cầu nguyện hay tịnh tập thể để các dòng tư tưởng trọn lành phát xuất tự tâm linh của mỗi tịnh viên hướng lên để cảm hóa cùng Thiên địa, ứng hiệp với các Đấng Thiêng Liêng như linh quang, như vân võ để biến tỏa thành trận mưa ban phát rưới chan mát mẻ khi con người đang sống trong bầu lửa dục của trần gian"*[5]

Lời dạy trên của Đức Chơn Nhơn cho thấy sự mầu nhiệm của các thời cúng cầu nguyện hay tịnh tập thể Nguyện lực của chúng ta đã khế hợp cùng thiên điển của các Đấng Thiêng Liêng, dệt thành một tấm lưới thiêng, tạo nên những cơn mưa điển lành chan hòa cho càn khôn vũ trụ được ổn định, và chan rưới cho bầu lửa dục trần gian được mát mẻ, lòng người được lắng dịu. Những diệu dụng nêu trên của thiền định, đúng với ý nghĩa câu kệ hồi hướng *"Công đức tọa thiền lớn biết bao"*.

Như vậy, kết quả của công phu, ấn chứng của thiền định là tiên đơn, là diệu dược chữa được bịnh trần, cứu an nhân loại, thế giới ổn định, càn khôn an tịnh.

Tầm quan trọng của thiền thật lớn lao, công đức thiền trải rộng khắp

---

**5** Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975)

muôn phương: *"Phước lành hồi hướng khắp nơi nao"*. Chính vì lẽ huyền vi mầu nhiệm của thiền định như thế, Đức Lý Giáo Tông đã để lời gởi gắm đến các bậc tu hành chơn chánh: *"Nhắc khách chơn tu một chữ thiền"*[6].

Thiền là một phương pháp hữu hiệu, một công năng hữu ích giúp cho hành giả được an định nội tâm. Nội tâm đã an định hành giả an nhiên làm chủ lấy mình, biết chế ngự lục dục kịp thời, dừng lại thất tình đúng lúc, và ngăn ngừa tam độc đúng nơi.

Thiền là công đức vô lượng, năng lực vô biên hóa giải ân oán của người trần tục, làm vơi nhẹ nỗi đau của nhân thế, giảm lần cộng nghiệp của chúng sanh. Như thế, hành giả đã góp một phần công đức khiêm tốn vào công cuộc cứu độ chung cho toàn cả nhân loại.

Được dự phần vào sứ mạng Tận Độ Kỳ Ba là niềm vui vô tận của người tu, là phần thưởng vô giá của thiền nhân. Hành giả quyết tâm cầu tu giải thoát, phải gác bỏ danh lợi, đoạn dứt trần duyên, chặt đứt não phiền, thẳng một đường theo các Đấng Thiêng Liêng, cảm nhận ân Thiên để tu, để học, để hành cho rốt ráo tân pháp Cao Đài, để giúp đời độ chúng, để chứng quả vô sanh nơi non Bồng nước Nhược.

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*"Chỉ có đại nhân mới làm nên đại sự, chỉ có vĩ nhân mới có vĩ nghiệp, chỉ có hàng tu chứng mới có thể cứu độ toàn nhân sanh.*

*(...) Hiện tình nhân loại ngày nay vẫn còn trong cơ sàng sảy tận diệt. Con người đang hoảng sợ trước sự biến động của thế giới mà không nghĩ rằng đó là lý tự nhiên của vòng tuần hoàn từ sinh ra, phát triển, suy tàn của con người và vạn vật đều tuân theo những quy luật của*

6 Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18.10. Nhâm Thìn (31-12-2012)

*tạo hóa, con người không thể cưỡng lại được. Điều quan trọng là giữ tâm bình và giúp mọi người được bình tâm trước những biến động xảy ra"*[7].

**LỜI KẾT**

Mỗi người chọn cho mình một phương tu phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh của chính mình, không nhất thiết là rập khuôn một kiểu, miễn làm sao tu đạt được kết quả khả quan, tạo được nhiều công đức. Và chúng ta hãy cùng nhau khắc cốt ghi tâm lời giáo huấn của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

*"Nếu đường tu hành mà chư hiền Thiên mạng không đủ công đức thì làm sao trở về ngôi xưa vị cũ"*[8].

Thời gian gần đây Đức Quảng Đức Chơn Tiên xác tín rằng:

*"Bao nhiêu thành quả độ đời,*
*Bấy nhiêu công đức ơn Trời dành cho"*[9]

Như vậy, muốn vượt vũ môn cho cá hóa rồng, muốn về non Thần động Thánh hay cõi Tiên bang, khi còn ở chốn phong trần phải giữ phong độ, phong thái, phong cách của người tu. Và muốn được: *"Linh Tiêu Điện, bảng danh nêu"*, phải tự trui rèn, phanh luyện cho mình một ý chí kiên định, một lập trường vững chắc, tâm chí thành bất tức…Đó là tường đồng vách sắt, bảo vệ an toàn cho chúng ta trong suốt quãng đường dặm dài thiên lý, thực thi sứ mạng phổ độ nhân sanh, hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

*"Đấng Chí Tôn luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ*

7 Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-10 Nhâm Thìn (31-12-2012)
8 Huờn Cung Đàn, 14.03 Tân Sửu (28.4.1961) .
9 Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời 17 rạng 18 - 7 Đinh Dậu (7-9-2017).

*muội. Phật Tiên Thánh luôn luôn hộ trì, chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập cho thật dũng mãnh sáng suốt, dầu đạo pháp ở cấp bực nào cũng có thể tu chứng được"*[10]

Đức Đông Phương Lão Tổ để lời dạy:

*"Chư hiền đệ hiền muội rất có thiện chí để thuận hành đạo pháp vượt khổ hải trùng dương là một điều đáng ngợi khen, nhưng phải bền chí nhẫn nại tìm cho được cái mấu chốt duy nhứt để điều động guồng máy cho thông suốt, khả dĩ tự hoan lạc tâm trung và phát hiện ra diện mạo hiền hòa thư thái. Sự chứng ngộ đó sẽ có ảnh hưởng rất to tát cho cơ tận độ ngày nay"*[11]

Đức Quan Âm Bồ Tát nhắn nhủ:

*Cõi trược bao vây lấy khách trần,*
*Dưỡng sanh si dục với tham sân,*
*Lòng phàm an định trong thanh tịnh,*
*Phật tánh chơn như phát hiện lần.*[12]

☯

10 Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).
11 Minh Lý Thánh Hội, 06-12 Quý Sửu (29-12-1973).
12 Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).

*Tìm hiểu ý nghĩa*

# KINH THUYẾT PHÁP

**TÙNG NGUYỄN**

## I. KINH VĂN

### KINH THUYẾT PHÁP

*(Giọng nam xuân)*

*Trường phổ tế khó khăn lắm nỗi,*
*Cậy thánh tâm sửa đổi tánh phàm,*
*Dìu đời với sức không kham,*
*Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.*
*Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,*
*Trợ giúp con đặng lập nên công,*
*Muốn cho thiên hạ đại đồng,*
*Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.*
*Nguyện lời nói biến hình bác ái,*
*Nguyện chí thành sửa máy tà gian,*
*Nguyện cho khí tịnh thần an,*
*Nguyện xin thính giả hiểu đàng chơn tu.*
*Nguyện các Đấng đương chầu Bạch Ngọc,*
*Giúp thông minh lảu thuộc văn từ,*
*Cảm quang diêu động lòng tu,*
*Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô.*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

(Niệm 1 lần)

**PHẠM HỘ PHÁP**

**Chỉnh văn: NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN**

## II. TÌM HIỂU NGHĨA TỰA BÀI KINH.

Pháp nói ở tựa bài kinh này là một trong tam bửu của Đạo Cao Đài gồm Phật, Pháp, Tăng. Pháp là phương pháp tu học của Đạo Cao Đài do Thượng Đế và các Đấng Thiêng liêng chỉ dạy khi lập Đạo và đã được Giáo hội ban hành. Pháp bao gồm giới luật, quy định của Giáo hội, lời dạy của Ơn Trên chứa trong kinh điển, thánh ngôn, thánh giáo. *Pháp* theo nghĩa như vậy còn gọi là *giáo lý Cao Đài.* Ngoài ra còn có các pháp như: cầu lành bịnh, giải oan, tâm pháp,..., phần này gọi là bí pháp.

*Thuyết pháp* là thuyết giảng giáo lý Cao Đài, không thuyết phần bí pháp.

## III. TÌM HIỂU Ý NGHĨA NỘI DUNG CÁC CÂU KINH.

*Trường phổ tế khó khăn lắm nỗi,*
*Cậy thánh tâm sửa đổi tánh phàm,*
*Dìu đời với sức không kham,*
*Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.*

*Phổ* là bày ra.

*Tế* là cứu giúp.

*Trường phổ* tế là nơi cứu giúp con người và được bày ra rộng rãi. Trong Đạo Cao Đài, *trường phổ tế* được hiểu là nơi phổ biến thuyết minh giáo lý của Đạo, hướng dẫn nhơn sanh tu hành đúng chánh pháp,

thúc dục nhơn sanh tu hành tinh tấn, nếu nhơn sanh lỡ bị chước quỉ cám dỗ lạc lối phải dùng chánh pháp Cao Đài ngăn đón quay trở lại.

*Thánh tâm* là cái tâm tốt của con người. Ngược lại của thánh tâm là *phàm tâm*, cũng gọi là tánh phàm.

*Quyền* có vai trò là danh từ hoặc động từ. Về danh từ, quyền là điều mà pháp luật hoặc Giáo hội cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi, hoặc những điều do địa vị hay chức vụ mà con người được làm. Ví dụ: Một tín đồ thuần thành *được hưởng* ơn tận độ của Thầy, trưởng ban Phổ tế được quyền thuyết minh giáo lý tại một kỳ đàn lệ ở thánh thất sở tại. Về động từ, quyền là tạm giữ một chức vụ lãnh đạo nào đó trong khi người phụ trách chính thức vắng mặt hoặc chưa được chỉ định.

*Quyền – pháp* là hai phần không thể thiếu trong tu học. Mọi việc làm trong nhà đạo phải trọn cả *quyền pháp* thì mới thành công. Như trưởng hướng dẫn một vườn đoàn phải được họ đạo cho phép mới có quyền, và trưởng phải có pháp tức là trưởng phải nắm giáo lý và kỹ năng mới hướng dẫn các em được.

Trở lại đoạn kinh văn trên ta có thể hiểu: Phổ tế là một công việc khó khăn, phải dùng thánh tâm để sửa tánh phàm, việc hướng dẫn bảo ban bổn đạo chỉ dựa vào một người thật khó, phải nhờ quyền được giáo hội giao cho để làm cơ quan mà thuyết pháp hướng dẫn nhơn sanh tu học.

*Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,*
*Trợ giúp con đặng lập nên công,*
*Muốn cho thiên hạ đại đồng,*
*Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.*

Hồng ân là ân huệ lớn của Đức Thượng Đế.

*Khổ* là vấn đề mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trăn trở từ khi Ngài còn là thái tử. Ngài nhận thấy rằng cuộc đời con người vốn khổ mà ai cũng phải chịu cho dù giàu sang hay nghèo hèn. Từ đó Ngài từ bỏ hoàng

cung vào rừng tu hành, tìm ra được nguyên nhân của khổ và vạch ra con đường thoát khổ. Sau đó Ngài chỉ con đường này cho chúng sanh.

*Cứu khổ* là thoát khỏi nỗi khổ. Theo giáo lý nhà Phật cũng như Cao Đài để thoát khỏi nỗi khổ phải biết nguyên nhân của nỗi khổ là do ham muốn và tham ái, từ đó tu hành tinh tấn từ bỏ ham muốn, tham ái.

*Câu cứu khổ* ở đây là muốn nói đến toàn bộ giáo lý Cao Đài vì hai lý do sau. Thứ nhất giáo lý Cao Đài giúp nhơn sanh tu hành để thoát khỏi nỗi khổ của kiếp người; thứ hai nghĩa như vậy thì mới tương xứng câu kinh trước *Muốn cho thiên hạ đại đồng*.

*Thương sanh* là nhơn sanh hay con người.[1]

*Dụ lòng thương sanh* ở đây là khuyến khích con người.

*Thiên hạ đại đồng* là đời thịnh trị, hoàn toàn hòa bình an lạc, bốn biển một nhà, không phân biệt màu da, giai cấp hay quốc tịch, tất cả như nhau. Trong kinh điển hay văn học còn gọi là đời Nghiêu, Thuấn. Tương truyền khi các vua Nghiêu, Thuấn cai quản đất nước chỉ ngồi gảy khúc nhạc âu ca hay Nam Phong mà xã hội thái bình thịnh trị, nhà không cần đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi. Thánh Truyền Trung Hưng miêu tả xã hội này bằng những vần thánh thi:

*Ai ai cũng nhìn Cha Thượng Đế,*
*Người người đều đồ đệ Tiên Ông;*
*Khắp cùng Nam, Bắc, Tây, Đông,*
*Không giàu, không khổ, cũng không sang hèn.*
*Đã không kẻ đua chen lấn lướt,*
*Lại không tuồng mạnh được yếu thua;*

1 Kinh Xưng tụng công đức chư Phật, Tiên, Thánh, Thần có câu: Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy, Xuống hồng trần khuyên dạy thương sanh.

*Không còn trộm cướp tranh đua,*

*Cửa ngoài không đóng, gió mưa điều hòa.*[2]

Hai câu kinh *Muốn cho thiên hạ đại đồng, Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh* nêu lên một mục đích của Đạo Cao Đài. Muốn cho xã hội thái bình thịnh trị thì phải đem giáo lý Cao Đài giảng dạy và khuyến khích nhơn sanh tu hành theo.

Nguyên đoạn kinh văn trên có thể hiểu: Xin Thầy ban bố hồng ân trợ giúp con thuyết giảng giáo lý được thông suốt đặng lập chút công quả; bổn đạo nhận ra cuộc đời vốn khổ nên nương theo giáo lý Cao Đài tu hành tinh tấn, từ đó xây dựng một xã hội đại đồng.

*Nguyện lời nói biến hình bác ái,*

*Nguyện chí thành sửa máy tà gian,*

*Nguyện cho khí tịnh thần an,*

*Nguyện xin thính giả hiểu đàng chơn tu.*

Các từ nguyện ở trên tùy theo từng trường hợp có thể hiểu là *cầu nguyện* hoặc *hứa nguyện thực hiện.*

*Bác ái* là lòng thương yêu rộng khắp đến với mọi người mà không đòi hỏi một điều kiện gì cả. Từ này đồng nghĩa với *tâm từ* hay *tâm Bồ tát* trong nhà Phật. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy một ví dụ về lòng bác ái: *Nếu khi gặp cơn đói lạnh, mình chỉ còn một chén cơm cho cả gia đình, trong lúc đó gặp người hàng xóm xin chia bớt một phần, mình có chia chăng? Nếu không, tức là thiếu lòng bác ái, chẳng được thành Tiên.*[3]

*Hình bác ái l*à hình ảnh cụ thể hay hành động cụ thể về lòng bác ái, như việc chia phần cơm cho nhà hàng xóm trong ví dụ trên.

*Nguyện lời nói biến hình bác ái* có nghĩa: Ước mong cho lời nói

---

**2** Bạch Phụng Đồng Tử, đàn ngày 10/8/1938.

**3** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh giáo sưu tập, đàn 13/6/1965.

chuyển tải giáo lý của người thuyết pháp được bổn đạo vận dụng trong cuộc sống là thương yêu con người.

*Chí thành* là rất thành thật. Ở đây ý muốn nói người tu phải thành thật tu hành.

*Máy tà gian* ở đây chỉ những động cơ đưa đến các việc làm không tốt của con người. Nó chính là những ý tưởng xấu của con người.

*Nguyện chí thành sửa máy tà gian* có nghĩa: Ước mong cho bổn đạo nghe giáo lý rồi thành tâm tu hành để có tâm tốt, tâm tốt này sẽ loại bỏ những ý tưởng xấu hay động cơ xúi giục con người làm việc xấu. Câu kinh cũng có thể hiểu nghĩa khác: Khi con người thành thật tu hành thì làm cho xã hội tốt đẹp. Ý này Thầy có dạy: *Người tu đến bực chí thành, Làm cho Thiên lý lưu hành bốn phương.*[4]

*Khí, thần* là hai trong tam bửu tinh, khí, thần của con người. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy dạy: *Thần là chủ nhơn ông, tức là điểm linh quang của Trời ban cấp; khí là cái khí hư vô để giúp cho cơ thể con người được an nhàn, vô bịnh; mà muốn rõ căn nguyên thần, khí thì phải truy tầm diệu lý Thiên cơ mới được.*[5] Thầy lại dạy: *Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì hao thần (linh hồn); còn muốn ham, mơ mộng phú quí vinh hoa thì tán khí.*[6]

*Tịnh* có các nghĩa: trong sạch, yên ổn, yên tĩnh hoặc yên lặng.[7]

*Nguyện cho khí tịnh thần an* có thể hiểu: Cầu nguyện Ơn Trên cho chúng con được khí trong sạch và thần yên ổn, hoặc nguyện cố gắng

---

**4** Đại thừa chơn giáo, đàn 2/8/ Bính Tý (1936). Thiên lý là luật Trời, luật Trời thì công bình và bác ái.
**5** Đàn ngày 22/9/ Bính Tý (1936).
**6** Đàn ngày 11/8/ Bính Tý ()1936.
**7** Từ điển Hán Nôm, Trần Văn Chánh.

sống không ham muốn để cho khí tịnh, không vọng tưởng điều này sự nọ để cho thần an.[8]

*Đàng* là đường lối chỉ dẫn. *Đàng chơn tu* là đường lối tu hành chơn chánh hay cũng nói là *chánh đạo*.

*Nguyện xin thính giả hiểu đàng chơn tu* có nghĩa là: Cầu nguyện Ơn Trên giúp cho bổn đạo hiểu rõ đường lối tu hành chơn chánh của Đạo Cao Đài mà Thầy đã dạy.

*Nguyện các Đấng đương chầu Bạch Ngọc,*
*Giúp thông minh lảu thuộc văn từ,*
*Cảm quang diêu động lòng tu,*
*Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô.*

*Lảu thuộc văn từ* là thuộc làu văn từ.

*Cảm* là nhận biết bằng giác quan của con người.[9] Thông thường chúng ta chỉ quan niệm con người có năm giác quan là thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác, khứu giác. Chính vì vậy mà có thêm từ *cảm nghĩ* để chỉ việc nhận biết của con người bằng ý hay trí tuệ. Ví dụ: *cảm thấy lạnh* là thân nhận biết cái lạnh, nhận biết bằng xúc giác; *cảm thấy thơm* là mũi nhận biết mùi thơm, nhận biết bằng khứu giác; *cảm nghĩ bài thơ này hay* là ý hay trí tuệ nhận biết nội dung hay của một bài thơ.

*Quang* là viết tắt của từ *huệ quang*. *Quang* là ánh sáng, *huệ quang* là chỉ ánh sáng trí huệ của con người. Trong Kinh Tận Độ còn dùng một từ khác là *ánh chí linh*. Con người muốn có huệ quang, ngoài việc học tập còn phải tu hành tinh tấn. Để tìm lại ánh sáng này Kinh Nhập hội dạy không được hờn giận, ghét ganh:

---

**8** Câu kinh này chúng ta tạm hiểu như vậy. Qua tu chứng cao hơn sẽ hiểu rõ hơn. Kinh Khai cửu có câu: *Đã quá chín tầng Trời đến vị, Thần đặng an tinh khí cũng an, hay kinh Đệ nhị cửu: Khí trong trẻo dường như băng tuyết, Thần im lìm dường nét thiều quang.*

**9** Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Đà Nẵng, 2014.

*Đại Từ Phụ ra ơn dìu dẫn,*
*Diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh,*
*Để tìm dưới ánh chí linh,*
*Soi đường chơn lý chỉ rành chánh văn.*

*Cảm quang* là nhận biết sự việc bằng trí huệ. Đã nhận biết bằng trí huệ thì không thể dùng các giác quan thông thường hoặc lý trí.

Ngoài ra nghĩa của từ *cảm quang* có thể mượn từ *mạc khải* của Đạo Thiên Chúa để giải thích. *Mạc khải* là sự tác động trong yên lặng của Thượng Đế bộc lộ những điều vượt tầm hiểu biết của con người.[10] *Cảm quang* là hệ quả của việc *các Đấng đương chầu Bạch Ngọc giúp cho con người thông minh* giống với cách định nghĩa khái niệm *mạc khải.*

Vậy, *cảm quang* là nhận biết sự việc bằng trí huệ hoặc hiểu theo nghĩa có sẵn là *mạc khải.*

*Diêu* cũng đọc là *dao*. *Diêu động* là *dao động* hay *lay động* hoặc *rung động*.

*Cảm quang diêu động lòng tu* có nghĩa là cảm nhận thánh ngôn, thánh giáo của các Đấng Thiêng liêng bằng trí huệ làm cho lòng con người muốn tu hành. Câu kinh này cũng lý giải cho chúng ta tại sao có những người tuy không học rộng biết nhiều nhưng khi nghe lời dạy của Ơn Trên là họ tu ngay. Như một số bổn đạo Cao Đài trong thời mới khai đạo, hay ngài Huệ Năng, hoặc như thánh An Tôn.[11]

Cơ là chỉ sự xoay chuyển như cái máy. *Khai cơ giải thoát* là khai mở việc giải thoát con người. Ý này cũng nói luôn phần còn lại mục đích của

---

**10** Dẫn theo Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, Cao Đài từ điển.

**11** Vào năm 20 tuổi, An Tôn cảm kích trước câu trong Phúc Âm: "Hãy đi và bán những gì anh có, và phân phát cho người nghèo". Người thanh niên Ai Cập thực hiện theo và về sau là thánh An Tôn. (Dựa theo Lm Đặng Xuân Thành (biên dịch), Thánh An Tôn, vị Thánh khổ hạnh, NXB Tôn Giáo, 2008).

Đạo Cao Đài là giải thoát con người, mà trước đó bài kinh đã nói phần cải thiện thế gian.

*Phong đô* chỉ cõi Âm Phủ hay Địa Ngục.[12] Nơi này để giam giữ những linh hồn có tội nên mới gọi là *tù Phong Đô. Mở tù Phong Đô* thì không còn linh hồn nào bị giam cầm ở đây nữa.

*Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô* nghĩa là khai mở Đạo Cao Đài để giải thoát con người, ai tu thì không bị đọa vào Âm Phủ. Ngoài ra câu kinh cũng nhắc lại việc Đức Chí Tôn tận độ mọi chơn linh trong Kỳ Ba đại ân xá này:

*Vô địa ngục, vô quỉ quan,*
*Chí Tôn đại xá nhứt tràng qui nguyên.*[13]

Hoặc:

*Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,*
*Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương.*[14]

Tóm lại, đoạn kinh trên có thể hiểu: Cầu nguyện Ơn Trên giúp cho chúng con thông minh để thuộc lòng giáo lý, bằng trí huệ sáng suốt chúng con hiểu được lời dạy của Ơn Trên phát tâm nương theo Đạo Cao Đài tu hành tinh tấn, từ đó giải thoát không bị đọa vào Âm Phủ.

☯

12 Kinh Đưa linh cửu có câu: N*am mô Địa Tạng thi ân, Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đô.*
13 Kinh Tận Độ, *Phật Mẫu chơn kinh.*
14 Kinh Tận Độ, *Kinh Giải oan.*

# QUAN HỆ HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO VỚI MINH LÝ THÁNH HỘI QUA QUÍ TIỀN BỐI MINH THIỆN, HUỆ LƯƠNG VÀ LIÊN HOA

**ĐỖ THỊ THANH NGA**

***Nhân kỷ niệm ngày Minh Lý Đạo Khai (26 tháng 11 âm lịch), Sống Đạo gửi đến quí huynh, tỷ, đệ, muội bài viết về vai trò của quí Đạo trưởng tiền bối đã giúp tạo nên mối quan hệ cộng tác giữa hai Hội Thánh.***

Đọc lại Thánh giáo, ta thấy mối quan hệ giữa Hội Thánh Minh Lý và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là do Thiêng Liêng sắp đặt sẵn:

***Thầy các con, Thầy*** mừng các con!

**NGỌC** *lành Thầy đã định trao cho,*

**HOÀNG** *phụ khuyên con gắng dạ lo.*

**THƯỢNG** *hạ thương yêu vầy một mối,*

**ĐẾ** *quyền thiết lập phải gay go.*

*Thầy miễn lễ, các con an tọa nghe dạy.*

*Cũng trong khoảng này vào tháng Juillet 1927*[1] *tại đây Thầy đã dạy các con: giữa hai bên Tam Kỳ và Minh Lý phải tương ứng tương trợ lẫn nhau.*

*Thầy đã đặt để trước khi Thầy lâm trần mở Đạo chia cho mỗi con một phần sứ mạng. Phần tận độ, Thầy đã hình hiện khắp nơi, về sâu lẫn rộng, Còn về phần bí pháp Thầy lại trao tay cho Minh Lý…"*[2]

Ngược dòng lịch sử đạo ta thấy rằng Ơn Trên đã chủ ý ban nhiều

---

1 Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ngày 27-7-1927

2 Ngọc Hoàng Thượng Đế, đàn cơ ngày 01/7/ Đinh Mùi (06/8/1967), MLTH

kinh cho Minh Lý Thánh Hội, vì đây chính là nơi sẽ truyền kinh cho Đạo Cao Đài. Trong việc thỉnh và truyền kinh ta cũng thấy được sự sắp đặt của Thiêng Liêng, vì khi chư tiền khai Đại Đạo gồm quí Ngài Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Vương Quan Kỳ nhận lệnh Ơn Trên đến Minh Lý (tư gia ngài Âu Minh Chánh) để thỉnh kinh *(bao gồm các bài như: Niệm hương, Khai kinh, Kinh Sám Hối, Kinh xưng tụng công đức Phật Tiên Thánh Thần, Kinh Cầu siêu),* thì đồng thời tại Minh Lý cũng được Ơn Trên ban lệnh truyền kinh:

*"Ngã Lục Đinh Thần giáng đàn hỉ chư nhu.*

*Ta vâng lệnh Đạo Tổ giáng xuống truyền cho chư nhu rõ: Chư nhu phải sắm 12 cuốn kinh Sám Hối cho thiệt tốt, sạch, chẳng chút bợn nhơ gì hết. Sắm rồi thì phải cho đi mời Trung, Lịch, Kỳ lại nhà chư nhu, biểu chúng nó làm lễ mà thỉnh kinh ấy. Nơi bìa kinh phải để hiệu Tam Tông Miếu"*[3]

Từ đây mối quan hệ giữa Minh Lý Thánh Hội (MLTH) và Đại Đạo Tam Kỳ đã được thiết lập, tạo điều kiện cho chức sắc hai bên qua lại với nhau để gieo mối thân hòa, tương trợ lẫn nhau trên đường hành đạo. **Thầy còn cho Ngài Lê Văn Trung đến hỗ trợ MLTH trong việc hành đạo:**

***"… Ta mừng cho con đó, Trung. Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt Quốc. Các con khá nghe lời Thầy dặn, chớ khá nghịch lẫn nhau; phải đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng đạo đức. Tuy bây giờ phân chia nhiều nhánh, nhiều chi, chớ ngày sau cũng có một mà thôi. Các con dầu bên nào cũng thương nhau như con một nhà, chớ khá ganh gỗ chê bai nhau.***

---

3 Đàn cơ ngày 26/8/Bính Dần (6/8/1926), MLTH - tài liệu BDGL CI – Huệ Nhẫn – CQPTGLĐĐ

***Thầy xin lập Tiểu Đàn này là Thầy biết có con đến đó Trung, con khá nhớ những lời Thầy đã dạy; con phải nên trợ giúp cho Minh Lý nên việc, nghe há! … Bên Minh Lý đây là Séminaire, là chỗ các Thầy tu, ngày sau độ về phần linh hồn đó con…"*** [4]

**Khi Ngài Lê Văn Trung qui tiên, nhiệm vụ trên được Thầy chuyển giao cho đạo trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế:**

*"…Quế, con còn nhớ đoạn Thánh giáo đó không?*

……..

*Hôm nay Trung qua đời, thì nhiệm vụ này Thầy định gắn cho con để liên hệ nhau hầu bắc cầu cho tương lai thông đồng, khỏi bề bợ ngợ. Thầy đã chuyển cơ lập pháp nơi này, bắt đầu khai nguyên giáo pháp để đi sâu vào Đạo, mà cầu chứng Chơn Lý, hầu sau có người tiêu biểu đường hướng cho thế gian…"*[5]

Năm 1935 khi Liên Hòa Tổng Hội thành lập theo lệnh Ơn Trên để vận động thống nhứt cơ đạo, MLTH cũng là một thành viên trong Hội và đạo trưởng Trần Văn Quế làm Tổng Thư Ký. Nhờ vậy khi Đại Hội Long Vân Đệ Bát tổ chức tại Trung kỳ, cơ đạo miền Trung đã dễ dàng tiếp xúc tạo mối liên giao thân thiết với Minh Lý. Tiếp đó tuân theo lệnh Đức Chí Tôn dạy trong đàn cơ ngày 09/5/Mậu Dần (6/6/1938), đạo trưởng Huệ Lương dù đang sinh hoạt ở Liên Hòa Tổng Hội, đã về cộng tác với Minh Lý giữ nhiệm vụ Thư ký của Bình Nghị Thất Tam Tông Miếu.

Từ khi đạo trưởng Huệ Lương trở thành Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo, mối giao hảo giữa Hội Thánh Truyền Giáo (HTTG) và Minh Lý Thánh Hội (MLTH) ngày càng thắm thiết hơn. Năm 1958 Hội

---

**4** Ngọc Hoàng Thượng Đế, Minh Lý Đàn, tháng 7/1927, TNHT, 1972, tr 153,154

**5** Ngọc Hoàng Thượng Đế, TTM, đàn cơ ngày 01/7/Đ.Mùi (06/8/1967)

Thánh thiết lập Văn Phòng đại diện ở Sài Gòn, để tiện việc giao tiếp với các chi phái trong miền Nam, đã mượn tạm Thánh sở Tam Tông Miếu làm trụ sở liên lạc và MLTH đã sẵn lòng giúp ngay. Trong quá trình sinh hoạt tại MLTH, đạo trưởng Huệ Lương ngoài nhiệm vụ Thư ký, còn tham gia làm Giảng Sư các lớp học giáo lý tại Tam Tông Miếu, đặc biệt là dạy Hán văn. Qua đó đã tạo nên mối thâm tình giao hảo giữa đạo trưởng Huệ Lương và Ngài Minh Thiện trong tinh thần Vạn Giáo Nhất Lý, Tam Giáo Đồng Nguyên mà hai đạo trưởng theo đuổi từ trước đến nay, và đã chung vai hành đạo với mục đích liên giao vận động thống nhất cơ đạo:

*"...Năm 1956 Minh Lý đã cùng với Truyền Giáo tổ chức các buổi tiếp xúc liên giao tôn giáo với các nhà lãnh đạo trong và ngoài nước như Nhật Bản, Mã Lai, Trung Hoa...*

*Năm 1957 hai Hội Thánh cùng thành lập Ủy Ban Liên Giao Tôn Giáo Việt Nam.*

*Năm 1967 Ngài Minh Thiện cùng Hội Thánh Truyền Giáo thành lập Hội Đồng Liên Giao Chi Phái Đại Đạo, với thành phần nòng cốt là Minh Lý, Truyền Giáo, Tiên Thiên, Minh Thiện Đạo, và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.*

*Nhờ những hoạt động ấy mà sau này mới có những sự liên giao chặt chẽ giữa các phái Cao Đài và Minh Lý như tổ chức các lớp học chung về Dịch Lý, giáo lý và đặc biệt là tu tịnh chung tại Bác Nhã Tịnh Đường...."*[6]

Đức Hưng Đạo Đại Vương trong một lần giáng đàn đã nhắc nhở hai đạo trưởng trên đường thi hành sứ mạng:

*"... Đây Bản Thánh dặn dò Định Pháp cùng Huệ Lương, luôn luôn*

---

6 Ngài Minh Thiện – cuộc đời và Đạo nghiệp, tr45,46

*lúc nào cũng giữ gìn đạo thể cho xứng đáng một hướng đạo sư giữa thời thế rối loạn. Định Pháp, bên trong sưu tầm nghiên cứu giáo lý, đem lại cho người đời hiểu rõ "Thuần Chơn Vô Ngã" là thế nào, "Vạn giáo nhứt lý" là thế nào. Huệ Lương bên ngoài nắm giềng mối Cơ quan Phổ thông Giáo lý, đem lại cho người đời sự hiểu biết chỗ tương quan thiết thực "Tam giáo đồng nguyên", "Ngũ chi hiệp nhứt".*

*Ngoại giáo nội tâm, hai công thức quan trọng nầy do nhị đệ thọ lãnh, phải làm sao đạt đến hồi kết quả chân chính của nền Đạo học…"*[7]

Năm 1965 khi đạo trưởng Liên Hoa theo lệnh Ơn Trên,vào giúp MLTH trong vai trò Đồng tử để nối lại ân điển với Thiêng Liêng, Đạo trưởng đã tiếp cơ lập thành nhiều sách, nhận nhiều Thánh giáo quan trọng như: Minh Lý Chơn Giải, Đạo Học Chỉ Nam, Dịch Kinh Huyền Giải; Sáu chương Đạo Pháp; Bác Nhã Không Môn; cùng nhiều bài dạy về Dịch lý. Đạo trưởng còn tham gia làm Giảng sư tại Thánh tịnh Tân Minh Quang. Đàn cơ năm 1967, Đức Chí Tôn đã minh định rõ ràng vai trò nhiệm vụ của từng Đạo trưởng:

*"…Con và Liên Hoa, hai phận sự lớn tại Hội Thánh Truyền Giáo nặng nề song mọi việc cũng chưa vào đâu. Gánh sứ mạng Thầy phải gắng thêm một phần nữa, để con làm xong nhiệm vụ.*

*Về Hội Thánh Truyền Giáo, con cố thành hình Quyền Pháp để nối lại chơn truyền buổi đầu và phần thứ nữa hiệp cùng anh em, quay lại bánh xe giáo lý, để nói lên những lời của Thầy cho bốn phương thiên hạ nhận chơn cho được đường hướng, mà trở về mục đích, vầy hiệp quanh Thầy. Vậy khi phận sự phổ thông giáo lý cũng cần một tiếng nói chân chính đạo đức vang lên, để phá mê dẫn lối cho đàn chiên trở về chuồng*

7 Đức Hưng Đạo Đại Vương, đàn cơ ngày 04/9/Canh Tuất (03/10/1970), MLTH

*cũ...*

*...Thầy cũng định chia cho các nơi đương nghèo thiếu. Vậy các con chung nhau mà gìn giữ cho tương lai, không phải riêng chi cho Minh Lý, mà chung trong hệ thống loài người, thì Quế phải đóng một vai trò làm cái cầu cho những nguyên nhân sớm về cùng Đạo. Thầy ban cho con một ghế để đi lại khỏi ngỡ ngàng, mà cũng luyện được lòng con: không ta, không người, không không để về với Đạo.*

*Con y tuân lịnh Thầy. Đó là Thầy mở đường để các con gặp nhau mà tương quan với Đạo. Nhưng con nhớ chỉ "giữ vị mà không giữ chức", đến khi nào cần thì chia lo, cùng toan cùng liệu...*

*...Hôm nay, Thầy đặt con vào ghế Vĩnh Tịnh Sư, tăng phong Minh Thiện lên Siêu Tịnh Sư giữ phần Định Pháp, còn Quế giữ phần hoằng pháp...*

*...Về Liên Hoa, Thầy định cho con giúp Minh Lý còn nhiều chương, nhất là Dịch đạo cần được phát minh. Thầy tin con đủ điều kiện gánh vác, tuy Minh Lý có tập đồng riêng, song không làm xong sứ mạng này được.Thầy cũng dành cho con một phận sự, song để tùy anh em gia đình Minh Lý định liệu, vì con người đồng, Thầy không muốn ấn định cho con..."*[8]

Ngoài việc làm đồng tử chính cho MLTH, Đạo trưởng Liên Hoa còn giúp cho các nơi khác theo lệnh của Thiêng Liêng:

*"...Đây phần hành sự của Liên Hoa:*

*- Việc thứ nhứt: chấp cơ đàn đêm 13 mãn khóa tịnh đợt II. Bộ phận đàn cơ gồm có: Khai Minh pháp đàn, Khai Sắc độc giả, Tường Định,*

8 Ngọc Hoàng Thượng Đế, đàn cơ ngày 01/7/Đinh Mùi (06/8/1967), MLTH

*Bạch Tuyết điển ký.*

*- Việc thứ hai: sau khi mãn các khóa tịnh, Liên Hoa tuân hành Thánh ý đến "Tam Thanh Hư Vô" để trợ duyên cho khóa tịnh nơi đó. Hiền đệ Kiến Minh đã hứa lời cùng Liên Hoa và cũng là dịp cho hiền đệ lập thêm công quả giữa tinh thần hòa đồng đạo mạch... Phần "Bác Nhã Huyền Môn" Liên Hoa sẽ giúp phần này cho Khai Sắc..."*[9]

Khi Bác Nhã Tịnh Đường xây dựng xong, quí Đạo trưởng đã tổ chức các khóa tu tịnh để thể hiện tinh thần hòa hiệp của bốn khối Minh Lý, Tiên Thiên, Truyền Giáo, Cơ Quan:

*"... Song với trách nhiệm hiện hữu của "bốn khối", từ đây càng nên trao đổi phần giáo lý, cũng như pháp lý đạo vô vi, để đồng tiến cho kịp thời cơ cứu nhơn độ thế vậy... Sẽ còn một khóa tu tổng hợp cho "bốn khối" nữa. Hiền đệ nhớ lời Bần Tăng dạy hôm nay để vững vàng tiến đạo...*

*Tuân Thánh ý, Tịnh Đường Bác Nhã,*
*Hợp tâm linh phổ hóa điển linh;*
*Cùng nhau xây đắp tiền trình,*
*Cơ quan, Hội Thánh chung tình hòa uy.*
*Cùng Minh Lý, Tiên Thiên kết hợp,*
*Với Trung Hưng mở lớp Tịnh Đường;*
*Điển lành bủa khắp muôn phương,*
*Huyền đồng thiên địa, kiết tường hòa quang..."*[10]

Đức Đông Phương Lão Tổ cũng giáng đàn dạy về tầm quan trọng

---

9 Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, đàn cơ ngày 08/11/ Giáp Dần (21/12/1974), BNTĐ
10 Đức Lê Đại Tiên, đàn cơ ngày 04/11/Giáp Dần (17/12/1974), BNTĐ

của việc tu chung bốn khối :

*"**Đông,** Tây, Nam, Bắc bốn phương trời,*

***Phương** pháp làm sao hiệp khắp nơi;*

***Lão** luyện tâm linh cho sáng suốt,*

***Tổ** đình quyền pháp mở xây đời.*

*Bần Đạo chào chư hiền đồ nam nữ thiên ân*

*Bần Đạo được lịnh Chí Tôn đến sắp đặt cho chư thiên ân nhập khóa tịnh tu trong đợt Đông chí sắp đến. Đợt tu đặc biệt năm nay phối đồng trong tinh thần giao hữu của bốn khối đã liên hệ giữa nhau. Trước là chư thiên ân nhập tịnh để tắm gội hồng ân, hâm thêm sức để lo tròn sứ mạng, và cũng thêm một vài phương tại tiến tu huyền đồng cùng pháp giới chơn như thiên nhơn hiệp nhứt. Thứ nữa, để chư thiên ân có dịp lập công cùng đồng bào đất nước, tự lấy lòng thanh tịnh và quyền pháp của mình mà hòa một với cơ tạo, nhứt dương Đông chí khai sanh, hầu chế ngự họa đời, giải tiêu ác nghiệt cho nhơn sanh.*

*Đợt tu giữa bốn khối cộng đồng tại Bác Nhã Tịnh Đường để hết lòng thành mà cầu nguyện cho Đại Đạo hưng minh, đồng bào thoát khổ, đất nước hanh lợi… Huệ Lương cố gắng dẫn khóa tu cầu nguyện này. Cũng một dịp cho giữa nhau huyền đồng cùng ơn điển trong dịp Đông chí nhứt dương sanh…."* [11]

Theo lệnh Ơn Trên, các lớp học Dịch kinh cũng được khai mở dưới sự hướng dẫn của hai ngài Minh Thiện và Huệ Lương. Sau khi Ngài Minh Thiện qui tiên, các khóa tu tịnh Hạ chí, Đông chí tại Bác Nhã Tịnh Đường vẫn tiếp diễn dưới sự hướng dẫn và giảng dạy của Đạo trưởng

---

**11** Đức Đông Phương Lão Tổ, đàn cơ ngày 26/10/Giáp Dần (09/2/1974), BNTĐ

Huệ Lương. Hiện nay các khóa tu Hạ chí, Đông chí ở Bác Nhã Tịnh Đường vẫn được mở hằng năm, với sự tham gia thường xuyên của Hội Thánh Tiên Thiên, Thánh tịnh Tân Minh Quang, Hội Thánh Truyền Giáo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Trong quá khứ hai Hội Thánh đã có mối quan hệ tốt đẹp dựa trên những hoạt động chung như cộng tác vận động tìm kiếm cơ hội để thống nhất cơ đạo, cùng học cùng tu với nhau trong các khóa tu Hạ chí, Đông chí tại Bác Nhã Tịnh Đường, cùng nhau học tập nghiên cứu về Dịch lý dựa trên những lời dạy của thiêng liêng qua sự hướng dẫn của ngài Minh Thiện và Huệ Lương. Mối quan hệ tốt đẹp đó đến nay vẫn còn được duy trì qua việc tu tịnh chung ở Bác Nhã trong các tiết Hạ chí, Đông chí; học tập về Dịch lý ở Tam Tông Miếu, và tham dự liên giao giữa hai Hội Thánh, nhưng chỉ dừng lại ở mức trung bình cộng chứ chưa bằng được như trong quá khứ.Vì vậy những hoạt động đó cần được củng cố để phát triển tốt hơn trong tương lai, đồng thời tăng cường thêm việc liên kết hỗ trợ giảng viên cho nhau trong các khóa học của hai Hội Thánh. Sinh hoạt của thanh niên con em nhà đạo ở MLTH và HTTG cần có sự kết nối ở cấp trung ương, để có những chương trình sinh hoạt chung, qua đó giúp mối quan hệ được duy trì bền vững và có bước những tiến mới trong tương lai.

☯

# ẢNH HƯỞNG CỦA TÔN GIÁO TRÊN ĐỜI SỐNG VĂN HÓA XÃ HỘI

**Giáo sư THƯỢNG VĂN THANH**
Trình bày tại Hội ngộ liên tôn IX ngày 27/10/2019
tại Trung tâm Mục Vụ TGM TP.Hồ Chí Minh.

**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

*Kính thưa Đức Giám mục Tổng giáo phận Tp. Hồ Chí Minh.*

*Kính thưa Quý Tôn đức, quý môn sinh thuộc các tôn giáo tham dự Hội ngộ Liên tôn hôm nay.*

Hòa trong niềm vui Hội ngộ Liên tôn lần thứ IX, chúng ta có mặt nơi đây với nhiều sự khác nhau về hình thức, về danh xưng, màu sắc tu phục, lời ca tiếng hát… nhưng trong đó có một điểm chung nhất: mỗi người chúng ta đều có tôn giáo.

Với tôn giáo ấy, chúng ta từ bao thế hệ tổ tiên đến chúng ta và chắc chắn cả con cháu chúng ta đều dâng trọn tín tâm phụng hiến. Chúng ta đã phụng hiến trọn cả cuộc đời với thời gian, của cải và cả sinh mệnh để sống với tôn giáo của mỗi chúng ta.

Từ sự tương đồng ấy và với lòng tôn trọng đức tin của nhau, chúng ta hãy cùng suy nghiệm về ảnh hưởng của tôn giáo trên đời sống xã hội mà chúng ta là thành phần quan trọng.

*Kính thưa quý vị.*

Xin mời quý vị cùng suy nghĩ về câu hỏi này: - Nếu suốt dòng lịch sử trên hành tinh này không có tôn giáo thì nhân loại ngày nay sẽ như thế nào? Một nhân loại không tôn giáo chắc chắn sẽ khác rất nhiều với nhân loại hiện nay. Và chỗ khác nhau ấy có phải là sự tốt đẹp hơn chăng?

Chắc chắn là không. Đó là câu trả lời của chúng ta, những người đang sống với tôn giáo.

Bây giờ chúng ta hãy tạm không dùng từ tôn giáo để dùng một từ thông thường, đơn giản hơn trong tiếng Việt cũng có nghĩa là tôn giáo. Đó là từ đạo (không viết hoa).

Chữ đạo ấy đứng trước các danh từ chỉ thị đức tin của một cộng đồng như đạo Phật, đạo Chúa, đạo Baha'i, đạo Lão, đạo Khổng, đạo Hòa Hảo, đạo Cao Đài v. v… Chữ đạo ấy rất đẹp. Nó vừa giữ tính cách tôn giáo, vừa vượt lên trên tính phàm thế tầm thường.

Một người ở trong một tổ chức hay đoàn thể xã hội nào mà cư xử bất nhân, bất nghĩa với ông bà cha mẹ, với người mà hắn thường gặp gỡ (láng giềng, đồng nghiệp v.v…) gọi là người vô đạo, bất luận họ mang một danh xưng tốt đẹp nào.

Những mỹ từ như nhân nghĩa, bác ái, vị tha bắt nguồn từ tôn giáo, tức là từ đạo hay đạo giáo. Những hành động hy sinh, quên mình vì người đều phát sinh do tôn giáo một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Những việc làm cao cả, đẹp đẽ ấy thường xảy ra một cách tự nhiên, có tính cá nhân, rời rạc, không tổ chức, không mang danh nghĩa lớn lao nên không được xem là của tôn giáo. Nhưng những hành vi và tình tự ấy được khởi đầu do sự hướng dẫn của các bậc Minh Sư giáo tổ. Từ các đấng Minh Sư giáo tổ hình thành trường phái có giáo lý, lễ nghi, đẳng trật, diễn ra bằng nhiều hình thức hoạt động như cúng dường, truyền giáo, khất thực, giáo dục, từ thiện… Từ đó tác động đến tâm thức con người.

Loài người là sinh vật có tư tưởng, biết sáng tạo và có tính xã hội từ đó nhân rộng ra sẽ có nhiều sáng tạo sản phẩm cũng như nhiều hoạt động mang nặng ảnh hưởng tôn giáo hoặc nghịch lại tôn giáo.

Chúng ta không đi vào chi tiết của từng loại hình hoạt động nhân sinh để nêu bật ảnh hưởng tôn giáo nhưng ai cũng thấy rõ ảnh hưởng của

tôn giáo trong kiến trúc, các loại hình nghệ thuật như thi ca, nhạc họa…và ảnh hưởng trong tổ chức quần chúng.

Nhà thờ, chùa chiền, Thánh thất, các đạo quán, am miếu đều mang dấu ấn tôn giáo.

Trước và sau khi ăn cơm, khi đi ngủ và khi thức dậy… người có tôn giáo làm gì và những thực hành ấy đều có ảnh hưởng đến họ trong mọi hành vi ứng xử trong ngày.

Có thể nói rằng việc kiểm điểm, phê và tự phê đều bắt nguồn từ nghi thức sám hối, xưng tội tức là từ trong thánh sở tôn giáo đi vào sinh hoạt xã hội.

Rõ ràng tôn giáo ảnh hưởng tốt đến xã hội, làm phong phú, đẹp đẽ đời sống nhân loại. Nhưng từ đó cũng phát sinh những hiện tượng chướng ngại tôn giáo.

Đó là sự lợi dụng tôn giáo vì các ý đồ riêng tư của cá nhân hoặc cho một xu hướng xã hội. Mượn đạo tạo đời là thành ngữ phổ biến. Đã có trường hợp dùng hình tượng tôn giáo để quảng cáo và còn đặt ở vị trí không được trân trọng. Ở tầm mức lớn lao hơn là dựa vào tôn giáo để gây thế lực.

Có thể suy luận ngược từ quả ra nhân để thấy rằng những sự bách hại, đàn áp hay tiêu diệt tôn giáo đều vì lo sợ ảnh hưởng tôn giáo nơi quần chúng. Lịch sử các tôn giáo không thiếu những trường hợp này như các thừa sai tuẩn đạo ở một số nước thuộc châu Phi, châu Á, hoặc hàng ngàn tăng sĩ bị sát hại tại đại học Nalanda.

Đức tin đòi hỏi hy sinh với nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Những hy sinh ấy là giá chuộc cho danh đạo được sáng.

Những khổ nạn lắm khi chết người mà người tôn giáo, hay người có đạo phải chịu là chuyện bình thường, bởi vì ma có khảo đạo mới thành.

Thành thử khi đề cập vấn đề ảnh hưởng tôn giáo trên đời sống xã hội, chúng ta cũng bàn đến phát sinh đến từ xã hội nhằm vào tôn giáo vì lo sợ tôn giáo chi phối dân chúng.

Xã hội là nơi Phật ma lẫn lộn, Thánh phàm đồng cư. Ma luôn luôn tranh giành ảnh hưởng với Phật.

Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng.

Đạo cao nhất trượng, ma cao đầu trượng.

Trong nhiều chỗ khác nhau giữa chúng ta có một sự giống nhau là chúng ta có tôn giáo.

Sống tôn giáo trong thời mạt pháp không nên phân biệt đạo cao đạo thấp, đạo lớn đạo nhỏ mà chỉ nên nhớ có một điều duy nhất là phân biệt sự đối lập giữa ma và đạo. Ma có rất nhiều chiêu trò nhưng không ngoài các cách thức như lợi dụng, hăm dọa, khủng bố, cám dỗ, lường gạt. Ma dụ chúng ta bằng nhiều cách tinh vi nên chúng ta phải luôn luôn thanh tịnh, tỉnh trí.

Thay vì khư khư với tâm địa hẹp hòi, ôm giữ cái tiểu dị mà quên đi tầm nhìn và tâm hướng đại đồng rồi lo sợ và cạnh tranh lẫn nhau, đồ chúng thuộc các tôn giáo nên trưởng dưỡng và phát triển một cách thế sống đạo cộng thông, cùng nhằm một cứu cánh chung là giáo hóa nhân loại hướng thiện, hướng thượng.

*"Liên minh hợp bạn tinh thần,*
*Cảm thông cởi mở xích gần lại nhau;*
*Có dịp bàn, đổi trao học hỏi,*
*Góp gương hay cứu khỏi nạn đời;*
*Ví bằng khác ý nhiều nơi,*
*Theo Phật Phật lớn, theo Trời Trời cao.*
*Cãi lẫy nhau chừng nào lắng dịu,*
*Khúc nhạc lòng hòa điệu mới hay.*
*Nguyện cầu chánh pháp hoằng khai,*
*Đại đồng thế giới Như Lai xuất triền".*

(Thánh ngôn Đức Bác Nhã Thiền Sư).

*Kính thưa quý vị,*

Các nhà tư tưởng nhân bản, đặc biệt các đấng Giáo tổ như Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Jesus Christ đều có chung và duy nhất một mục đích là chuộc tội cho loài người, cứu khổ nhân loại, giải thoát nhân sinh khỏi vô minh tội lỗi. Thế nhưng lòng tham dục vô minh đã xô đẩy loài người lao dốc không gì thắng lại được bất chấp bao nhiêu sự tận tụy hy sinh của tôn giáo. Dẫu vậy sự giáo hóa của tôn giáo trải nhiều ngàn năm và truyền thừa qua bao thế hệ đã thấm sâu vào tâm tư tình cảm cùng ý chí của chúng ta khiến chúng ta vẫn kiên trì sứ mạng tôn giáo đã được thọ lãnh.

Trong nhiều thế hệ đi trước không ít người đã hy sinh, tận hiến đời mình cho tôn giáo, cho con đường đạo mà họ đã chọn. Đức tin đạo giáo giúp họ sống đạo vững vàng, nếu cần lấy mạng sống làm giá chuộc. Những hy sinh của họ đã làm sáng tỏ sự thật là các xu thế bất nhân, tà mị, vô đạo đều bị tàn hoại và chỉ có sự chân chính trường tồn vĩnh cửu.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ có lời Thánh huấn dạy rằng:

*"Thầy là tình yêu, là lẽ công bình. Thương yêu công bình là đất tự do cho điều chân chánh phát triển và điều không chân chánh cũng được sinh hoạt nhưng kết cục chỉ có điều chân chánh được trường tồn. Rồi các con sẽ thấy"*. (Thánh Truyền Trung Hưng).

Nhân loại đã từng thấy như vậy.

Xin được chia sẻ với quý vị và mong cùng chiêm nghiệm.

Tâm thành cầu nguyện cho sự hòa ái liên tôn mãi mãi thăng hoa.

**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

# GƯƠNG HƯỚNG ĐẠO
# Giáo sư THÁI KIÊN THANH
## (1899 – 1975)

*Cùng toàn đạo hồi hướng truy niệm công đức chư Tiền bối, ngày 02 tháng 11 âl kỷ niệm Anh lớn Giáo sư Thái Kiên Thanh đăng tiên, xin giới thiệu hành trạng và đạo nghiệp một bậc Thiên phong sáng ngời tâm trường phụng đạo, suốt đời gắn bó với cơ đạo tại Bình Định.*

Anh lớn Giáo sư Thái Kiên Thanh, thế danh Hồ Kiên, sinh năm Kỷ Hợi (1899) tại thôn Cửu Lợi, xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Anh lớn là anh cả có ba người em trai, xuất thân trong gia đình nghèo theo nghề truyền thống chuyên buôn dây dừa từ miền Trung vào Nam bằng ghe bầu. Thân phụ là cụ Hồ Xa, thân mẫu Nguyễn Thị Hành (Thánh danh Nguyễn Thị Hữu Dư).

Những năm 1934 – 1935, quý vị Phan Nghị, Lê Đại Luân… đem mối đạo mới từ Thánh thất Tân Định (Sài Gòn) về truyền bá vùng Tam Quan. Năm 1936 hình thành giáo sở đầu tiên tại Tam Quan là Thánh thất Tân Định tại thôn Tân Định. Lúc này, Anh lớn đã 36 tuổi, trên đường sinh kế vào Nam buôn bán cũng gặp duyên lành với Đại Đạo, nhập môn tại Thánh thất Tân Định (Sài Gòn). Từ đó nhiều tài liệu giáo lý, Thánh ngôn và kinh sách Cao Đài được Anh lớn đem về truyền bá rộng rãi cho bà con thân quyến và người hữu duyên với nền tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tại Tam Quan, Anh lớn phát nguyện cho công cuộc phổ truyền chơn đạo, liên kết hợp sức với quý

ngài Phan Nghị, Lê Đại Luân, Trần Châu, Nguyễn Phụng Hoàng, Huỳnh Phụng, Phan Bồi, Dương Minh Tánh… hướng dẫn nhân sinh tu học, từng bước đưa Thánh thất Tân Định ngày càng phát triển. Giáo sở Tân Định tạm đặt tại Từ đường của ông Phan Bồi. Do nhu cầu đạo sự ngày càng nhiều, số bổn đạo ngày càng đông nên Anh lớn Hồ Kiên hiến cúng một xác nhà để xây thêm cho giáo sở rộng hơn.

Lúc này tại Tam Quan có thêm quận đạo Tăng Long do ngài Trương Nhẫn làm Đầu quận đạo, cùng với quý Hướng đạo đương thời như ngài Ngô Hữu Thường, Trương Hoài, Trần Húy, Nguyễn Phiến, Nguyễn Cấn… và Hồ Kiên là những bận tu trụ cột, liên kết học tu lập công xây dựng nên Thánh thất Tăng Long tại vườn nhà Đạo huynh Nguyễn Phiến (15/3/Kỷ Mão – 1939). Tại huyện Hoài Nhơn cũng thành lập các Thánh thất Phụng Sơn (Hoài Hảo), Ngọc An (Hoài Thanh), Nhơn Hương (Hoài Hương), Mỹ Thọ (Hoài Mỹ). Chuyện người áo trắng về nhà Thánh sinh hoạt tu học, lễ bái tạo nên khí thế tưng bừng, nhộn nhịp khiến cho chính quyền tỏ ra e ngại. Đến năm 1941 chính quyền Nam triều thẳng tay đàn áp, các Thánh sở phải đóng cửa. Anh lớn vẫn tỏ lòng trung kiên vì Thầy giữ đạo, dành nhiều thời gian đi khắp nơi thăm viếng đồng đạo, khuyến tu và truyền tiếp cho tín đồ ngọn lửa đức tin duy nhất vào ơn cứu chuộc kỳ ba đại ân xá. Do tình trạng xã hội đương thời nhiều biến động, cơn pháp nạn kéo dài nhiều năm.

Đến năm 1945, đời sống tín ngưỡng của người Cao Đài vẫn còn nối tiếp những khó khăn, sinh hoạt tu học và các đạo sự khắp các tỉnh miền Trung vẫn mờ mịt. Anh lớn vẫn không thoái chí tu, chí đạo ngày càng thấm nhuần tinh thần vị nhân sinh, xả thân hành đạo. Anh lớn thường xuyên đi lại, liên lạc với Đạo trưởng Huỳnh Thanh ở Phù Cát và chư Hướng đạo thuộc Quyền Hội Thánh Trung Kỳ.

Từ năm 1947 – 1948 Anh lớn gặp thời thọ khảo, bị bắt giam nhiều lần. Đầu năm Mậu Tý

(1948), chư Hướng đạo bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên về dự Hội nghị tại Thánh thất Trung An, Quảng Nam, thành lập Cơ Quan Truyền Giáo Trung bộ, Anh lớn được cử làm Đầu Họ Đạo đầu tiên Thánh thất Tăng Long.

Đàn cơ ngày 01/8/Ất Mùi (1955), tại Thánh thất Thái Hòa (Quảng Nam), Ơn Trên ân phong phẩm Lễ sanh Thái Kiên Thanh. Trong suốt thời gian khởi sự công trình giáo sở trung ương tại Đà Nẵng và xây dựng Linh Tháp, Anh lớn chẳng quản khó khăn bôn ba khắp tỉnh tại Bình Định vận động công quả. Sau ngày khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa và thành lập Hội Thánh Truyền Giáo, cơ đạo miền Trung như bừng mở trang sử mới, đời sống nhân sinh khởi sắc. Đàn cơ trong ngày Thánh Đán Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Anh lớn được Thiên phong Giáo hữu. Hội Thánh bổ nhiệm Anh lớn về đảm nhiệm sứ vụ tại Cơ quan Phước thiện. Ơn Trên điểm hồng danh như lời khải thị cho đời tu của Anh lớn:

*"Danh cao nhờ ở phước dày,*
***Kiên** tâm tu học có ngày*
*thảnh thơi;*
*Xưa lo trả nợ cho đời,*
*Nay lo tu niệm phước Trời*
*hưởng vui".*

Từ người chí nguyện tuân theo chơn pháp Cao Đài, Anh lớn tỏ rõ đạo hạnh khiêm cung nhưng hết lòng phụng đạo, nay được ban trao thiên chức Anh lớn như được tiếp thêm sức khỏe, tinh thần xả thân hành đạo càng thêm mạnh mẽ khác thường. Qua nhiều năm bước chân thừa sai Thái Kiên Thanh như trải dài trên đường thiên lý… Từ Sài Gòn về Tam Quan, ra Quảng Ngãi rồi thẳng tiến Đà Nẵng; có lúc còn hào hứng tìm về thăm các Thánh sở tận vùng quê xa… Anh lớn mãi vui với hành trình xa xôi trên chiếc xe đạp cổ lỗ từ thời thuộc Pháp. Hình ảnh "đi – về" này khắc họa nên bức tranh tuyệt vời về đức kiên trì và sức bền của bậc chân tu trung kiên vị đạo.

Anh lớn Thái Kiên Thanh không phải là nhân vật đặc biệt

chói sáng về tài năng nhưng tâm trường phụng Đạo chưa bao giờ vơi cạn nhiệt huyết. Từ cương vị một Đầu Họ cần mẫn, rồi đảm đương công cán ngành Phước thiện, Anh lớn là bậc chân tu biểu lộ rõ bước chân Thiên sứ. Gần hai thập niên Anh lớn đi khắp "hang cùng ngõ hẻm" thăm viếng và động viên tinh thần tu học sống đạo cho nhân sinh. Dường như Anh lớn biết lấy khó khăn làm chất liệu cho nguồn vui hành đạo. Ai từng một lần tiếp xúc chắc khó quên ấn tượng về chân dung một chức sắc năng động, trò chuyện chân thành, ngôn từ chất phát mà mềm mỏng... tất cả tính cách tận tình ấy sáng ngời lòng từ tâm, sáng ngời khí chất người làm Phước thiện.

Năm 1975, đất nước thống nhất, đời sống xã hội và cơ đạo bước vào giai đoạn lịch sử mới, cũng chính là lúc Giáo hữu Thái Kiên Thanh đến ngày hao hụt sức khỏe, không thể còn xông xáo trên đường đạo nghiệp. Tuổi già buộc Anh lớn xin Hội Thánh về an dưỡng với con tại Vũng Tàu. Ngày 02 tháng 11 năm Ất Mão (1975), Anh lớn thoát trần hóa sinh về cõi vĩnh hằng. Đến ngày 01/12/Ất Mão (1975), Hội Thánh cầu truy phong Anh lớn thăng phẩm Giáo sư.

## TU TỪ TỪ[1]

# Giận thì Dữ

"Tôi trông vào người khác lúc giận tợ như chằng tinh, bộ như thú dữ, mắt mũi tay chân dễ sợ, lúc bình thường đẹp đẽ vui tươi ra người hiền đức đạo mạo lắm, thế mà khi họ nóng giận thì người của họ lại trở thành con vật dữ.

Tôi nghĩ tại sao mình tu để cầu thoát kiếp thú, kiếp người mong được thành Tiên, thành Phật mà giận dữ làm gì cho nó hóa thành con thú, lúc mình là người, vậy tôi cố gắng ăn năn nhẫn nhịn cho cơn giận để đừng tái diễn sa vào kiếp thú".

Được gợi ý từ Thánh Huấn của Ngài Thái Sơ Thanh, TTT nhớ lời dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*"Còn bốn vách của đời là sắc, tài, tửu, khí mà người tu nếu hễ mang vào thì thôi có mong chi siêu rỗi nữa*

*Sắc hễ gần rồi thì thần hồn hôn muội*
*Tài hễ máng đến thì tâm chí lo ra.*
*Tửu hễ say mê thì kim- đơn hư hỏng.*
*Khí hễ còn vướng thì xá lợi tiêu tan.*

*Mà cái độc nhứt chỉ là cái GIẬN , vì các con, dầu công phu đến mấy chục năm, song các con nếu để cho lửa giận một phen bừng cháy thì cũng đủ thiêu đốt kim-đơn phải rả tan ra nước hết trơn."* **(ĐTCG, bài 42)**

1 Mục mới, nhằm đáp ứng sự khó tính của bạn đọc muốn bài trong Sống Đạo nên viết ngắn, dễ đọc

Đỗ Thị Kết

# Ánh mắt & Niềm tin

*Lại nghĩ về*
*Ánh mắt . Niềm tin*
*Tan biến âu lo*
*Ước mơ bay bổng*
*Ánh mắt nói bao điều*
*Chứa chan nhựa sống*
*Điểm tựa vững bền*
*Gian khó vượt qua*
*Ánh mắt diệu kỳ*
*Dẫu nửa thế kỷ qua*
*Người thầy trong ta*
*Phi thường, vĩ đại*
*Ánh mắt ấy, rưới chan lòng nhân ái*
*Trí tuệ  kia, thiết kế những tâm hồn*
*Lớp lớp học trò*
*Với dạ sắt son*
*Ánh mắt  ấy*
*Tấm gương ngời sáng ấy*

Trần Dã Sơn

# Ánh sáng ngày mai

*Ta nghĩ tới những bờ lau hiu hắt*
*Sẽ về đâu nước chảy mỏi chân cầu*
*Buồn lảo đảo một lần xin cúi mặt*
*Để vô tình ngồi ngắm chuyện bể dâu*

*Hồn ta với thời gian từng hẹn ước*
*Cùng gặp nhau nơi ánh sáng Thiên đường*
*Nhưng mưa gió xói mòn lời thuở trước*
*Ta một mình lận đận giữa mù sương*

*Em đừng hỏi vì sao thơ buồn thế*
*Và vì sao nhạc đọng những cung trầm*
*Buổi nhân loại ngủ vùi theo dâu bể*
*Thì khi nào mới thấy được chơn tâm*

*Các em đến chúng tôi già mấy lớp*
*Đội phế hưng đi tìm lại chính mình*
*Giờ đã điểm buồn làm chi tan hợp*
*Hãy vui lên! Hào quang Đạo lung linh*

29-8-2019

Trần Dã Sơn

# Mùa đông sẽ qua mau

*Mưa rơi trên đầu, mưa ướt mi ai*
*Một mai cô đơn lạnh xuống hình hài*
*Một mai hoang vu gặm mòn nỗi nhớ*
*Người đi tìm người giữa buổi tàn phai*

*Lá cỏ còn non sao cỏ nhạt màu*
*Mùa đông về rồi  ơi chim bay mau*
*Thương biết bao nhiêu đàn chim di trú*
*Chờ đến khi nào mới gặp lại nhau*

*Ai đi bơ vơ một mình trong chiều*
*Và ai lẻ loi trong màu tịch liêu*
*Sao nghe xanh xao lên từng hơi thở*
*Từng bước đi về từng bước quạnh hiu*

*Mong cho mùa Đông qua mau qua mau*
*Cho lòng bình an dâng lời nguyện cầu*
*Thế hệ chúng tôi ra đi thanh thản*
*Thế hệ các em Đời Đạo bên nhau*

2019

Võ Văn Pho

# Bông hồng trắng

*Tiếng chim chuyền*
*đậu bờ rào*
*dăm bông hoa nở*
*lao xao hiên nhà*
*rộn ràng quá*
*ngước nhìn ra*
*chào đôi cánh gió*
*la đà ghé chơi*
*chẳng khách khí,*
*chẳng đợi mời*
*nhẹ nhàng đến,*

*vui vẻ rời*
*như nhiên*
*một buổi sáng*
*thật an yên*
*thêm đóa hồng trắng*
*nở riêng lạ kỳ*
*như thấu cảm*
*mẹ ra đi*
*thương tôi thầm gởi*
*chút gì*
*Vu lan.*

V.V.N

Lê Hoàng Nguyên

# Ơn gọi

Kính tặng khóa Lễ sanh, - Tháng 8/ Kỷ Hợi

*Ơn tận độ kỳ Ba Thầy đã nhỏ*
*Dìu chúng con qua bể khổ mê trần*
*Để hôm nay hội ngộ khắp xa gần*
*Về Hội Thánh học làm người sứ mạng.*

*Học để biết người tu không tự mãn,*
*Học để hay phải thương bạn, yêu người*
*Học thượng tôn quyền pháp Đấng Cha Trời.*
*Ôi Thượng Đế! Đấng muôn đời bất diệt*
*Con cũng biết mình còn nhiều khiếm khuyết*
*Còn buông lung, bê trễ đủ mọi đường*
*Mà nhân sanh đoái tưởng gởi lòng thương*
*Mà Hội Thánh đã nặng lòng giao phó.*
*Đường phía trước còn biết bao gian khó*

*Những chông gai đang lấp ngõ ngăn đường*
*Nầy dục tham, yêu khí của ma vương*
*Đây ái nhiễm của hồng trần rộn rực*
*Những tập khí ươm mầm từ vô thức…*
*Con mong manh chỉ có đức tin Thầy*
*Một lòng thành nguyện sửa những lầm sai*
*Câu kinh nguyện cứ mỗi ngày con đọc*
*Lời Thánh giáo là cách ngôn châu ngọc*
*Con nương theo noi lấy để răn mình.*
*Xin cúi đầu vọng bái Đấng oai linh*
*Đại Từ Phụ xin lượng tình dung thứ*
*Dìu bước con qua muôn ngàn sự dữ*
*Cho gót phàm lạm dự nẻo lương sanh*
*Để kiên tâm soi bước ở đường lành*
*Và vững lái dong buồm qua bể khổ.*
*Xin loan reo ngợi mừng ơn cứu độ*
*Xin lần tay vén lộ dấu chân kinh*
*Để ngày sau ở cuối cuộc đăng trình*
*Được diện kiến nhan Thần ngày Thiên triệu.*

LHN

Nguyễn Quốc Huân

# Cái lu

*Tự nhiên ngồi nhớ cái lu*
*Mùa đông hứng nước, mùa thu đựng đường*
*Mùa xuân để mẹ ủ tương*
*Mùa hạ để chị giú buồng chuối xanh*

*Nhà nông thời vụ xoay vẩn*
*Xê qua xít lại từ sân đến hè*
*Phận mình là cục đất quê*
*Tay người nhào nặn vỗ về thành tên*

*Em về gội tóc bên thềm*
*Múc trong veo ánh trăng mềm mượt thơm*
*Cái lu chừng bớt cô đơn*
*Thấy dòng trăng chảy nhẹ tơn thu mùa*

*Những sáng nắng, những chiều mưa*
*Những đêm rét mướt, những trưa oi nồng*
*Mái tranh nhểu giọt long tong*
*Cái lu thầm lặng đo đong với đời*

*Cúi soi thấy bóng cõi người*
*Rỗng rang lòng dẫu đầy vơi, tràn trề*
*Mảnh sành quăng ở bụi tre*
*Có khi lượm lại vào kê chân bàn.*

*N.Q.H*

Nguyễn Thị Sen - Linh Bửu

# Cảm xúc chiều đông

*Đầu đông trời rét ngọt*
*Tiếng mưa đánh thánh thót*
*Đêm mưa giăng đầy trời*
*Ly cà phê nhỏ giọt*

*Đầu đông trời lạnh buồn*
*Không gian kín mưa phùn*
*Chon chân đời phiêu lãng*
*Trầm mình nghe tiếng chuông*

*Đầu đông em khăn áo*
*Đỏ xanh một vùng trời*
*Đi về hiên lạnh buốt*
*Đâu màu tươi em ơi*

*Đầu đông trời Quảng Nam*
*Bóng thuyền ai ảm đạm*
*Bên bến buồm xuôi mái*
*Quên thời gian phôi phai*

*Đầu đông trời buốt giá*
*Bếp ai phong khói tỏa*
*Không đủ ấm gian nhà*
*Trầm ngâm nhớ phương xa*

*Ta con người lữ thứ*
*Hành trình qua mấy xứ*
*Đường về chân lê bước*
*Rã rời buốt tâm tư./.*

Tịnh Khiêm

# Người xưa khuyến học

**1.** *Làm người biết ưu tư giáo dục*
*Biết học hành phát triển bản thân*
*Biết thương yêu, biết giữ mình*
*Tìm phương kiếm kế đăng trình tiến lên*

*
* *

**2.** *Vốn xưa kia, tự học hành*
*Nâng tầm trí tuệ, rõ rành chân như*
*Người học chữ, người lập ngôn*
*Mong cho hậu thế, cháu khôn con tài*

**3.** *Sách xưa đậm chất thiện lương*
*Người xưa đậm chất tam cương ngũ thường*
*Văn chương đậm chất thương đời*
*Truyền rao đạo đức sáng ngời nhân tâm*

Mai Hậu

# Tỉnh thức

*Tôi chợt nhận ra mình đã già*
*Con đường tu học thì còn xa*
*Nhanh chân bước tới may còn kịp*
*Cứ mãi la cà sẽ tụt xa!*

……

*Tôi chợt nhận ra mình hay quên*
*Đầu óc khi xưa là cái nền*
*Chỉ huy mọi điều trong suy nghĩ*
*Bây giờ thoáng cái lại là quên*

……

*Tôi chợt nhận ra mắt đã mờ*
*Cúi nhìn dòng chữ thấy lơ mơ*
*Giật mình mới biết không còn trẻ*
*Đời sống trần gian như giấc mơ*

……

*Tôi chợt nhận ra tóc bạc màu*
*Năm tháng đời người trôi quá mau*
*Thời gian còn lại không nhiều nữa*
*Quyết định đi thôi chớ để lâu./.*

# TƯ LIỆU VÀ THÔNG TIN

## HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI - NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

(Tham luận tại cuộc hội thảo do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức tại tỉnh Tây Ninh ngày 24.7.2019)

GS **THƯỢNG VĂN THANH**

*Kính thưa Ban Chủ nhiệm Đề án*

*Kính thưa quý vị,*

Tôi rất hoan hỉ được có mặt tại cuộc hội thảo này do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức và mời tham dự.

Điều hoan hỉ thứ nhất là được gặp gỡ quí vị từ cơ quan chủ quản nhà nước về tôn giáo cũng như quí vị thuộc cộng đồng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Điều hoan hỉ thứ hai là tôi có cơ hội được trình bày cùng quí vị với đề tài: **" Hoạt động giáo dục và đào tạo của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài – những thuận lợi và khó khăn".**

Với hi vọng rằng qua sự trình bày của tôi quí vị sẽ hiểu biết và cảm thông với Hội Thánh chúng tôi về nhiều phương diện và nói riêng về mặt giáo dục tín chúng, đào tạo chức sắc, chức việc.

Tham luận này lần lượt trình bày qua 3 phần:

1. Nội dung
2. Phương cách giáo dục đào tạo.
3. Những thuận lợi và khó khăn.

*Kính thưa quí vị,*

Mọi cộng đồng nhân loại tuy lớn nhỏ khác nhau và trình độ chênh lệch nhưng đều quan tâm đến giáo dục và đào tạo. Giáo dục để nâng cao trình độ các thành viên trong cộng đồng, đào tạo để có người làm việc, phục vụ cộng đồng.

Nơi Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài cũng có sự quan tâm như vậy nhưng bên trên phần hữu hình còn có sự soi dẫn, nhắc nhở của vô hình, tức là nơi các đấng Thiêng liêng. Chẳng hạn, Đức Tổng Lý Vô vi có lần dạy:

*"Điều cấp thiết ngày nay, ở đây nói riêng Hội Thánh Truyền Giáo, và cũng chung cho Đại Đạo, làm sao tập trung mọi khả năng tâm lực vào việc đào luyện người Chức sắc Thiên ân tạm đủ khả năng chấp hành Đạo Pháp trong hiện tại. Một mặt đặt kế hoạch: đoản kỳ, trường kỳ, mở tu viện, tuyển chọn tu sinh, tu sĩ, đào luyện thành các giáo sĩ để hành đạo, truyền đạo tương lai"*

Đạo Cao Đài truyền bá về Trung từ năm 1934, liền sau đó trong các Thánh giáo đều lưu ý đến việc giáo hóa thanh niên, Thánh giáo dạy:

*"Thanh niên phải dồi trau đạo đức*
*Thanh niên cần trí thức cho cao*
*Thanh niên làm chủ đời sau*
*Đời sau lưu tệ tại màu thanh niên*

*Đời vị tấn bình yên thạnh trị*

*Bởi thanh niên có chí lo đời*

*Thanh niên sanh đứng trong trời*

*Thanh niên tạo bởi cái đời thanh niên*

*Đời thanh niên biết truyền đạo đức*

*Đời vị lai nhờ sức thanh niên"*

Khi Hội Thánh Truyền Giáo ra đời, phụng hành Thánh ý, các tiền bối thời ấy đã thành lập các tổ chức giáo dục tuổi trẻ như Thanh niên phổ thông giáo lý, Thanh xuân Tân sinh hoạt, Tráng Anh Đoàn... Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Pháp nên các tổ chức này ngưng hoạt động. Đến năm 1964, việc hướng dẫn con em nhà đạo tu học tái hoạt động. Đó là gia đình Thanh niên Hưng Đạo.

Công việc chính của các tổ chức giáo dục tín hữu trẻ là tạo điều kiện cho thanh thiếu niên trong Hội Thánh tu học về giáo lý, giáo luật, đạo sử, rèn luyện khí chất, tu thân, hành thiện.

**VỀ PHƯƠNG CÁCH**, chú trọng thực hành qua lễ bái, cúng kiến, sinh hoạt đội, hoạt động từ thiện giúp ích, lồng ghép giáo dục vào vui chơi, giải trí, dã ngoại song song với công việc giáo dục tuổi trẻ thì việc đào tạo chức việc chỉ thực hiện ngắn ngày nhằm giúp chức việc biết cách hành lễ, hành pháp độ sanh độ tử trong các dịp quan, hôn, tang, tế.

Sau này, do nhu cầu hành đạo và điều kiện tương đối cho phép, Hội Thánh cho mở Hạnh đường đào tạo nhân sự ở cấp chức việc và giáo sĩ.

Hạnh đường của HTTG lấy tên gọi là Hạnh đường Hưng Đức do có tính đặc thù vì người được nhận vào học chưa phải là chức việc hay chức sắc mà là từ hàng nhân sinh đạo chúng hội đủ điều kiện và có tâm nguyện theo học Hạnh đường. Những người này gọi là Hạnh sinh, sau

khi tốt nghiệp tùy theo tâm nguyện, khả năng cùng đạo hạnh và do nhu cầu hành đạo, sẽ được chọn mời làm việc ở các cấp và được thọ phẩm, cao nhất là Lễ sanh.

**NỘI DUNG** đào tạo của Hạnh đường Hưng Đức có 3 khoa mục là: Học nghiệm, Tu đức, Sống đạo.

- Học nghiệm bao gồm các môn lý thuyết như giáo lý, giáo luật, giáo sử, kinh, lễ...
- Tu đức chú trọng thực hành các tầng bậc từ công phu và lễ bái, cúng kiến đến tịnh luyện.
- Sống đạo tập trung lập công quả ở Họ đạo, sống huynh đệ với đồng đạo và cư xử tốt với đồng bào.

Xuyên suốt ba khoa mục này là thực hành tam công: công phu, công quả, công trình. Hạnh Đường giáo dục và đào tạo Hạnh sinh theo phương châm mà Ơn Trên đã dạy:

*"Có công không hạnh không thành. Có hạnh không công không lập. Muốn thành lập nơi mình nên Tiên, Phật, Thánh, Thần đều phải đủ công đầy hạnh"*

Tôi rất thú vị khi đang soạn tham luận này thì nghe lời Thủ tướng khẳng định tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Học viện Hành chính Quốc gia: *"Anh có tài nhưng đức kém càng không giải quyết được gì"*

Để chuyển tải nội dung ba khoa mục: Học nghiệm, Tu đức, Sống đạo đến hạnh sinh ở phân tán nhiều nơi, Hạnh đường Hưng Đức áp dụng cách đào tạo hàm thụ và bán tập trung, kết hợp giữa Hạnh đường và các Họ đạo.

Hạnh sinh tại mỗi Họ đạo hoặc nhiều Họ đạo gần nhau thành lập nhóm để cùng học tu. Nội dung Tu đức và Sống đạo nhờ các Họ đạo địa

phương cộng tác giúp đỡ bằng cách theo dõi, nhận xét, cho điểm và gửi cho Hạnh Đường biết. Mỗi năm có những kỳ tập trung Hạnh sinh để kiểm tra và giải đáp những chỗ Hạnh sinh chưa hiểu.

Đối với Hội Thánh Truyền Giáo việc tập hợp hạnh sinh thường xuyên không thực hiện được do điều kiện lưu trú quá thiếu thốn còn Hạnh sinh thì không thể xa nhà lâu ngày.

Với nhiều khó khăn như vậy nhưng hạnh đường Hưng Đức tồn tại và phát triển nhờ các THUẬN LỢI sau:

*1. Đây là chủ trương của Hội Thánh nên được các Họ đạo, cơ sở đạo tuân ý.*

*2. Đạo chúng hưởng ứng tu học và yểm trợ - Số lượng Hạnh sinh khóa sau nhiều hơn khóa trước.*

*3. Nội dung thuần túy tôn giáo, đạo đức nên không gặp bất cứ nghịch duyên nào từ bên trong cũng như bên ngoài.*

Nhờ tinh thần phụng đạo cao nên Hạnh Đường và Hạnh sinh đã khắc phục được lắm khó khăn. Ban quản lý Hạnh Đường đã chu toàn việc tổ chức, biên soạn tài liệu và giảng huấn. Hạnh sinh thì trì chí tu học.

Những khó khăn mà Hạnh đường Hưng Đức cần phải khắc phục:

*1. Không chủ động thời gian. Các khóa học thường phải kéo dài thời gian lâu hơn quy định*

*2. Thiếu nhân sự điều hành, giảng huấn*

*3. Người đi học khó khăn vì nhiều việc đời, việc đạo và sinh kế*

Hạnh Đường Hưng Đức đã ra đời và góp phần đào tạo chức việc, chức sắc cho Hội Thánh được gần 30 năm nay.

Hạnh Đường Hưng Đức tồn tại và phát triển được nhờ chủ trương thuần túy tôn giáo, thuần túy đạo đức theo lời dạy của Ơn Trên:

*"Trên theo pháp luật Đạo Trời*
*Dưới thương sanh chúng một lời đinh ninh"*

Đối với các tôn giáo khác và Hội Thánh các tông phái, Hạnh Đường thực hiện lời kinh: *"Cấm bàn tôn giáo thấp cao"*.

Nhờ vậy không gây đụng chạm mất đoàn kết với các tôn giáo hoặc các nhánh trong Đại Đạo mà còn mời được nhiều giảng viên không thuộc Đại Đạo, hoặc ngoài Hội Thánh Truyền Giáo đến giảng dạy đồng thời phát huy được mối quan hệ tương cảm, tương tri giữa nhau. Ngoài các hình thức giáo dục và đào tạo có tính quảng bá vừa được trình bày trên. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài còn có nhà tu Phước Huệ dành cho tu sĩ nữ và nhà tu Trí Huệ dành cho tu sĩ nam.

*Kính thưa quí vị,*

Tại cuộc hội thảo này chúng ta cùng chia sẻ những kinh nghiệm về giáo dục và đào tạo nhằm giúp đồng bào, đồng đạo của chúng ta hướng thiện và hướng thượng. Trong ý muốn đó tôi xin phép nhắc lại lời tuyên bố nổi tiếng của Nelson Madela được viết tại cổng trường Đại học Nam Phi:

*"Để phá hủy bất kỳ quốc gia nào, không cần phải sử dụng đến bom nguyên tử hoặc tên lửa tầm xa. Chỉ cần hạ thấp chất lượng giáo dục và cho phép gian lận trong các kỳ thi của sinh viên. Sự sụp đổ của giáo dục là sự sụp đổ của một quốc gia."*

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào quý vị!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Thánh Truyền Trung Hưng - HTTGCĐ - NXB Tôn Giáo 2017.*
- *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.*

## ❑ TTS CẦU NGUYỆN NHẬP HỌC

Chủ nhật ngày 22/09/2019 (24.08 Kỷ Hợi), Tập thể Tu Tập Sinh tại TP.HCM đã tổ chức Thánh lễ Cầu Nguyện Nhập ọc năm học 2019 – 2020 tại Thánh thất Trung Minh. Đây là dịp để Tập thể chào đón các bạn tân sinh viên từ khắp các Họ đạo về TP. Hồ Chí Minh học tập, sinh hoạt tu học và cầu nguyện Thầy Mẹ ban bố điển lành trong năm học mới. Về dự buổi lễ có Anh lớn Giáo sư Thượng Văn Thanh – Chưởng quản Cơ Quan Phổ tế - cùng quý chức sắc, chức việc của họ đạo Trung Minh.

Thánh lễ Cầu Nguyện Nhập Học năm nay, tập thể hân hạnh được đón tiếp Linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, Giám học Trung tâm Mục vụ Tổng giáo phận TP. Hồ Chí Minh, Trưởng ban Đối thoại Liên tôn tại TP. Hồ Chí Minh, nhận lời mời làm diễn giả cho câu chuyện nhập học. Với chủ đề "Tầm đạo và Tâm đạo", Linh mục đã ra 3 câu hỏi giúp các bạn sinh viên định vị lại bản thân mình:

- Tôi là ai?
- Tôi tìm kiếm điều gì?
- Tâm tôi đang ở đâu?

Câu chuyện nhập học như nhắc nhớ các bạn sinh viên nhà Đạo Kỳ Ba ngoài việc tìm học kiến thức chuyên môn để có một công việc còn phải nuôi dưỡng thân tâm, giữ vững đức tin nơi Đức Thượng Đế trong hành trang tu học của mình. Hay nói cách

khác, người thanh niên cần dồi trau đạo đức và rèn luyện trí thức:

*"Thanh niên phải dồi trau đạo đức,*
*Thanh niên cần trí thức cho cao;*
*Thanh niên làm chủ đời sau,*
*Đời sau lưu tệ tại màu thanh niên."*

-TTTH -

## ❑ TRAO TẶNG NHÀ PHƯỚC THIỆN CHO GIA ĐÌNH CỐ PTS HỒ VĂN TÂM HỌ ĐẠO TRUNG HÒA (QUẢNG NAM)

Ngày 20/09/2019 (22/08/Kỷ hợi), Ban Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam cùng Họ Đạo Trung Hòa (Quảng Nam) tiến hành trao tặng Nhà Phước thiện cho Gia đình Cố PTS Hồ Văn Tâm, người dân tộc thuộc xã đạo Hòa Gia- Họ đạo Trung Hòa (Xã Phước Gia, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam). Lễ trao tặng có sự tham dự của chính quyền xã Phước Gia và đồng bào địa phương.

Căn nhà được xây dựng với diện tích 70m$^2$, có thiết kế bàn thờ Thầy và bàn thờ PTS Hồ Văn Tâm. Tổng số tiền xây dựng là 115 triệu đồng, từ nguồn công quả của đạo tâm xa gần hỗ trợ.

Cũng trong dịp này Ban Đại diện đã tặng 30 xuất quà (mỗi xuất 400.000đ) và một số quần áo cho đồng bào khó khăn tại địa phương.

## ❑ TỔ CHỨC TU TẬP CHO NAM NỮ TỬ THÀNH NHÂN CÁC HỌ ĐẠO TẠI QUẢNG NAM

Trong hai ngày 25 và 26/06/Kỷ Hợi (2019) tại Thánh Đường Quảng Nam, Ban Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam phối hợp cùng Ban phụ trách GĐHĐ tổ chức Khóa tu tập thành nhân cho con em Nhà Đạo các Họ đạo trong tỉnh. Số lượng trên 130 em.

Ban giảng huấn là chức sắc Ban đại diện và Ban phụ trách GĐHĐ. Các Họ đạo trong tỉnh có cử đại diện quan lâm tham dự lễ khai mạc và bế mạc.

Các đề tài được Ban giảng huấn trực tiếp biên soạn và hướng dẫn gồm: Đức tin của người tín hữu Cao Đài, Thành nhân và vi nhân, Tuổi Thành nhân trong mối quan hệ gia đình và xã hội, tình yêu hôn nhân gia đình, Giới qui trong đạo Cao Đài... Ngoài ra, khóa học còn có chương trình sinh hoạt giao lưu buổi tối với chủ đề theo bài hát "Ngày mới cho con" giữa Ban Đại diện, Ban phụ trách, các Huynh Trưởng - các Trưởng và đoàn sinh tham gia khóa học.

Trong phần phát biểu cảm nghĩ qua các bài kiểm tra kết khóa, các em đều có cái nhìn rất tích cực về ý nghĩa khóa học, các nội dung học rất phù hợp với tuổi thành nhân. Các em cũng tự nhận thấy sự cần thiết của khóa học trước khi dâng lễ tại Bửu điện.

THANH TẠO

# DANH SÁCH
# CÔNG QUẢ ẤN TỐNG SỐNG ĐẠO KỲ 6/ 2019 KỶ HỢI

**Cơ Quan Nữ Phái**

**Hội Thánh 3.000.000**

❖ GS Hương Trúc 2.000.000

❖ Đỗ Thị Kết 1.000.000

❖ **Họ Đạo Trung Bửu 200.000**

❖ Nguyễn Thị Hồng Vân 200.000

**Họ Đạo Trung Đồng 5.600.000**

❖ ĐHĐ LS Thái Hồi Thanh 200.000

❖ CTS Tạ Thị Thơ 500.000

**Họ Đạo Trung Đồng 2.000.000**

❖ Phước Thiện Trung Đồng 900.000

❖ Tạ Thị Thơ 2.000.000

**Họ Đạo Trung Đức 1.000.000**

❖ Nguyễn Thị Ta 500.000
*Hồi hướng GL*
*Cha Nguyễn Văn Hải,*
*GL Nguyễn Thanh Thắng*
*GL Đinh Thị Dư*

❖ Gđ Nguyễn Thanh Thừa 500.000
*Hồi hướng*
*GL Nguyễn Thị Hượt,*
*Nguyễn Thanh Hiên,*
*Nguyễn Thị Thể,*
*Nguyễn Thị Hà*

**Họ Đạo Trung Hiền 6.000.000**

❖ Nguyễn Đình Phát 200.000

❖ Nguyễn Thị Anh 200.000

❖ Nguyễn Thị Ngẫu 100.000

❖ Nguyễn Thị Bích Đào 200.000

❖ Đỗ Thị Hiền 300.000

❖ Gia đình
Từ Nguyên Phúc 5.000.000

**Họ đạo Trung Minh 7.500.000**

❖ Phan Minh Phúc 300.000

❖ Trương Đỗ Hồng Nha 300.000

❖ Phan Hồng Hạnh 300.000

❖ Phan Minh Đức 300.000

❖ Mai Hậu 1.000.000
*Hồi hướng Giác Linh Bà Ngoại*
*Trần Thị Kiểng*

❖ Trương Đình Chiến 1.500.000

❖ Phan Thị Tấn 500.000

❖ Ngô Thị Ngọc Anh 100.000

❖ Nguyễn Thị Nhạn 2.000.000
*Hồi hướng Giác Linh*
*GH. Ngọc Hảo Thanh*

❖ Phan Lê Linh Phương 500.000

❖ Gia đình Phan Lê 500.000
❖ Lê Hồ Phương Linh 200.000

**Họ Đạo Trung Thạnh 2.000.000**

❖ LS Mai Hương Lợi 100.000
❖ GH Ngọc Triền Thanh 200.000
❖ Đoàn Thị Thông 100.000
❖ Nguyễn Thị Hường 100.000
❖ Trịnh Thị Nguyệt 50.000
❖ Nguyễn Thị Tuyết Lan 50.000
❖ Đinh Thị Nguyệt 100.000
❖ Trịnh Minh Phước 50.000
❖ Trần Thị Phượng 50.000
❖ Mai Thị Lập 50.000
❖ Hoàng Thị Ba 50.000
❖ Nguyễn Thị Lệ 50.000
❖ Mai Thị Vân 50.000
❖ Nguyễn Thị Hiền 100.000
❖ Trịnh Thị Sương 50.000
❖ Lê Thị Hoa 100.000
❖ Đoàn Thanh Tâm 100.000
❖ Nguyễn Thị Thu 100.000
❖ CTS Trần Thị Lợi 50.000
❖ PTS Võ Thị Thanh 70.000
❖ Trần Văn Khoa 100.000
❖ Nguyễn Thị Hậu 20.000
❖ Võ Thị Năm 50.000
❖ PTS Nguyễn Thị Liễu 20.000
❖ Lương Thị Kim 30.000
❖ Trần Thị Minh 30.000
❖ Lương Thanh Trí 50.000
Phan Văn Cường 30.000
Huỳnh Thị Huy 100.000
Họ Đạo Từ Quang 1.500.000
❖ Nguyễn Thanh Nguyên 500.000
❖ Tịnh sỹ Nguyễn Thị Dần 1.000.000

**Họ Đạo Từ Vân (Sg) 11.300.000**

❖ Lê Thị Bạch Én 200.000
❖ Nguyễn Thị Liêm 100.000
❖ Huỳnh Thị Kim Liên 200.000
❖ Trần Thị Tú 100.000
❖ Cố GH Ngọc Cấn Thanh 500.000
❖ Nguyễn Thị Phụng Võ 200.000
❖ Phan Thị Bích Tiên 10.000.000
*Hồi hướng GL Nhạc Mẫu*

**Các đơn vị khác 6.100.000**

❖ Đạo tâm ẩn danh (ở Đắc Lắc) 5.000.000
❖ Lớp Chí Tâm Phụng Sự 1.000.000
❖ Đạo tâm ẩn danh (TT Lộ Đỏ) 100.000

**TỔNG CỘNG 44.200.000**

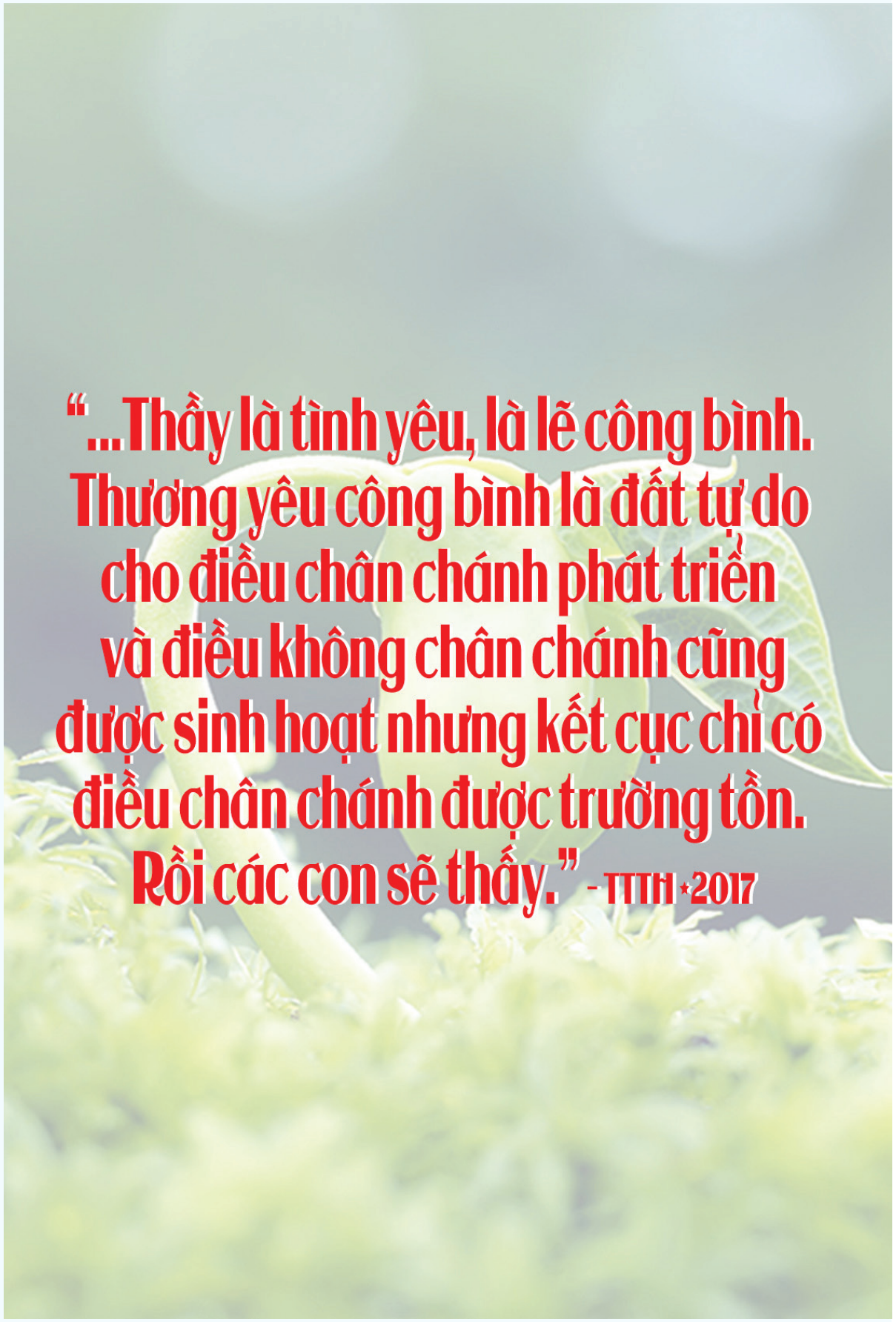


NGẪM NGHĨ

# *Hạt giống của Chúa*

- Hôm ấy, Đức Giê-su từ trong nhà đi ra ngồi ở ven Biển Hồ. Dân chúng tụ họp bên Người rất đông, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi, còn tất cả dân chúng thì đứng trên bờ. Người dùng ngụ ngôn mà nói với họ nhiều điều. Người nói: "Người gieo giống đi ra gieo giống. Trong khi người ấy gieo, thì có những hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất. Có những hạt rơi trên nơi sỏi đá, chỗ đất không có nhiều; nó mọc ngay, vì đất không sâu; nhưng khi nắng lên, nó liền bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô. Có những hạt rơi vào bụi gai, gai mọc lên làm nó chết nghẹt. Có những hạt rơi nhằm đất tốt, nên sinh hoa kết quả: hạt được gấp trăm, hạt được sáu chục, hạt được ba chục. Ai có tai thì nghe. "Điều hay cho môn sinh nhà đạo Kỳ Ba là tinh thần Vạn giáo nhất lý và tư tưởng tự do của nhà đạo giúp họ dễ dàng đón nhận nhiều nguồn diệu dược từ các nhà đạo để tu học. Nhờ vậy từ câu chuyện của Chúa học có thể bắc cầu nhớ đến khúc gỗ của Phật:

- Một hôm đang đi trên bờ sông thuộc lưu vực sông Hằng, xứ Kosambi, thì thấy khúc gỗ trôi cà hụp cà hủi dưới sông, Phật liền kêu chư vị khất sĩ, chỉ mà nói rằng: Kìa khúc gỗ đang trôi, ta đảm bảo với các thầy là khúc gỗ sẽ ra biển Đông với điều kiện nó không bị vướng vào hai bờ, không vướng vào chỗ xoáy nước, không bị vướng trên cồn bãi, không bị mục rã tự chìm, không bị ai vớt lấy. Đức A Nan nghe hay quá liền thưa: Xin Ngài giải thích thế nào là hai bờ, xoáy nước, cồn bãi, tự chìm, người vớt lấy? Phật giải thích: Các thầy cũng sẽ đi đến biển Niết Bàn với điều kiện các thầy không vướng vào hai bờ chấp Có và Không, không bị vướng vào vòng nước xoáy của 5 dục, không bị vướng lên cồn bãi kiêu ngạo, không tự ô uế trong tâm tự chìm, không cầu phước báu hữu lậu cõi trời. Thân phận của hạt giống và khúc gỗ rất bấp bênh, bất trắc khác nào đường tu của môn sinh nhà Đạo. Dẫu vậy, hãy luôn nhớ lời Thầy:

"Con gắng lên công phu đạo hạnh
Cơ phân phàm lọc Thánh là đây
Đường tu vững bước hội này
Ngày sau con sẽ gặp Thầy ngọc kinh"

Ngạn ngữ phương Tây có câu: Hãy tự giúp mình Trời sẽ giúp cho. Thánh giáo cũng dạy: "Gắng lên Thầy sẽ giúp con lên".

***Văn Tư Tu***